

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Hoài Thanh – Hoài Chân (Phần 2)

**Tiểu sử & Tác phẩm**  
(xem *Vài hàng về tác giả*)



Hoài Thanh      Hoài Chân

### Mục Lục

- Vài hàng về tác giả - 2**  
**Hoài Thanh - Tác giả “Thi nhân Việt Nam” – Phong Lê - 3**  
**Nỗi oan không khó gỡ - Phạm Khải - 7**  
**“Hoài Thanh: Từng chối bỏ vinh quang” – Đỗ Ngọc Yến - 9**  
**Hoài Thanh sắp chết chối bỏ đưa con “Thi nhân Việt Nam” – Quỳnh An – 14**  
**Hoài Thanh, văn nô hay phê bình gia chân chính, hậu xấu xí – Nguyễn Mạnh Trih – 16**  
**Hoài Thanh – Nguyễn Đăng Mạnh – 23**

### Phụ đính I

- Đọc lại Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh/Hoài Chân – Song Nhị - 30**  
**Hoài Thanh thú nhận sai lầm – 36**

### Phụ đính II

- Cuộc đời kỳ lạ của con gái Hoài Chân – Ngân Giang – 39**  
(bài đọc thêm đi với *Cuộc đời kỳ lạ của con gái Hoài Chân*)  
**Người bạn lính cùng tiểu đội - Phùng Quán - 41**

*(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả

### Hoài Thanh

Hoài Thanh tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, sinh năm 1909 ở xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, trong một gia đình nhà nho nghèo có tham gia phong trào chống Pháp của Phan Bội Châu.

Bắt đầu học chữ Hán, chữ Quốc ngữ rồi theo học trường Pháp Việt đến bậc trung học. Tham gia phong trào bãi khóa của học sinh trong dịp hai cụ Phan về nước. Năm 1927, gia nhập Tân Việt cách mệnh đảng. Năm 1930, đang học ở trường Bưởi (Hà Nội) thì bị bắt, và bị kết án treo, bị đuổi khỏi trường. Kế đó viết báo, lại bị bắt, bị trục xuất ra khỏi Bắc kỳ và giải về quê.

Nhà văn Hoài Thanh mất ngày 14. 3. 1982 tại Hà Nội.

Năm 1931 vào Huế, làm công cho một nhà in, đi dạy học tư, đồng thời viết văn, viết báo. Viết các báo: Phổ thông, Le Peuple, La Gazette de Huế, Tràng An, Sông Hương, Tao Đàn. Năm 1936 cùng với Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều viết quyển Văn chương và hành động (bị chính quyền thực dân cấm). Năm 1941 cùng với Hoài Chân biên soạn *Thi nhân Việt Nam*.

Đã in: Có một nền văn hóa Việt Nam (1946), Quyền sống của con người trong truyện Kiều của Nguyễn Du (1949), Phê bình và tiểu luận tập I (1960), tập II (1965), tập III (1971), Phan Bội Châu (1978), Chuyện thơ (1978), Tuyển tập Hoài Thanh (2 tập 1983)

Năm 1999, nhà xuất bản Hội nhà văn đã tái bản Văn chương và hành động (do Nguyễn Ngọc Thiện sưu tầm và khảo luận)

Nhà xuất bản văn học đã cho in Hoài Thanh toàn tập (gồm 4 tập – do Từ Sơn sưu tầm và biên soạn)

*Nguồn: Thi nhân Việt Nam – Hoài Thanh - Hoài Chân*

\*\*\*

### Hoài Chân

Hoài Chân là em ruột Hoài Thanh, tên thật là Nguyễn Đức Phiên, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1914 ở xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Năm 1931 giữa lúc đang học ở trường Collège Vinh (Cao đẳng tiểu học) thì bị bắt và bị kết án tù một năm. Cuối năm 1932, sau khi ra tù, vào Huế kiếm sống đồng thời tự học để thi tú tài. Từ 1933 làm việc tại nhà in Đắc Lập rồi làm báo Tràng An và La Gazette de Huế (tờ báo thành Huế).

Cùng với Hoài Thanh và Lưu Trọng Lư xây dựng Ngân Sơn Tùng Thư (1933 – 1935).

Năm 1941, cùng với Hoài Thanh biên soạn quyển *Thi nhân Việt Nam*, và tự xuất bản.

Đầu năm 1945 tham gia Việt Minh rồi tổng khởi nghĩa tháng tám ở Huế.

Đã nghỉ hưu.

*Nguồn: Thi nhân Việt Nam – Hoài Thanh – Hoài Chân*

## Hoài Thanh - Tác giả “Thi nhân Việt Nam”

### Phong Lê

Mất ở tuổi 73, năm 1982, Hoài Thanh là nhà văn thuộc thế hệ có một sự nghiệp viết đi qua mốc lịch sử Tháng 8 - 1945. Hơn thế, trước 1945, ông còn thuộc số người ít ỏi có sứ mệnh khai mạc nền phê bình văn học Việt Nam hiện đại. Trong ngót 15 năm làm công việc phê bình, và cả *lý luận* (mặc dầu ông không ưa hai chữ lý luận; mặc dầu cũng cứ phải tham gia vào một cuộc tranh luận), ngoài các bài đăng trên nhiều báo, Hoài Thanh đã cho in hai cuốn sách.

Hai cuốn sách, trong hơn 10 năm hoạt động, ở tuổi trong ngoài 30, kể cũng là đáng nói đối với hoạt động phê bình trong buổi đầu hình thành. Tức là ở vào thời kỳ phê bình dần dần tự khu biệt và tách biệt với hoạt động sáng tác để thành một bộ môn riêng, với đối tượng, chức năng và đặc trưng riêng của nó - hoạt động mà từ những năm 20 trở về trước còn chưa có tư cách độc lập, còn lẫn vào trong sáng tác, còn chưa có người chuyên trách, còn là ở chặng cuối cùng của tình trạng “Văn - Sử - Triết bất phân”. Hai cuốn sách - đối với nghiệp phê bình, đó là một kết quả rất đáng kể, nhưng đáng kể hơn là *số phận* của nó. Một là cuốn *Văn chương và hành động* in năm 1936, nghiêng về lý luận (cố nhiên theo kiểu Hoài Thanh) bị chính quyền thực dân tịch thu; và một là *Thi nhân Việt Nam*, in năm 1942, nghiêng về phê bình, ***rồi trở thành mối bận khoăn suốt đời của ông.***

*Thi nhân Việt Nam*, từ thời Đổi mới đến nay đã được tái bản 34 lần (không kể những lần in chui); với bài “Mở đầu” (\*) *Một thời đại trong thi ca*; với *45 tác giả được chọn*, cùng với những lời bình rất tài hoa chắc chắn là đã rất quen thuộc với nhiều thế hệ bạn đọc; do vậy mà ở bài này tôi chỉ muốn trình bày một vài điều chung quanh, hoặc có liên quan mật thiết đến nó. Thuộc trong số những tiểu luận văn chương và phê bình văn chương Hoài Thanh viết đầu tiên đăng trên báo là bài *Thơ mới* (*Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 31; 29-12-1934).

(\*) Xem Mở đầu tr 2 “Hoài Thanh Hoài Chân P2 Tg & Tp” kế tiếp

Vậy là mối quan tâm đến *Thơ mới* chính là sự khởi đầu cho sự nghiệp phê bình của Hoài Thanh - mối quan tâm có lịch sử dài ngót 8 năm, tính từ tiểu luận *Thơ mới* đến Hợp tuyển *Thi nhân Việt Nam* - khoảng thời gian mà ông và Hoài Chân “đã đọc tất cả một vạn bài thơ, và trong số ấy có non một vạn bài dở”. ở bài viết vào cuối năm 1934 này, Hoài Thanh đã nói đến những khởi động quan trọng rồi sẽ phát triển thành một phong trào thơ, một cuộc cách mạng trong thơ, một thời đại của thi ca. Ông đã đứng trên lập trường ủng hộ nó, khẳng định nó và ca ngợi nó, dẫu *Thơ mới* lúc này còn đang trên đường hình thành giữa một biển thơ cũ, và cố nhiên số người phản đối nó gồm cả những nhà Cựu học có uy tín vẫn đang còn là một lực lượng áp đảo. Trong một buổi giao thời, giao tranh cũ mới, khi cái mới còn rất mong manh và lẻ loi, phải nói là Hoài Thanh đã làm được việc tiên đoán đầy tài năng và dũng cảm.

Một bài viết khác, tiếp ngay sau bài *Thơ mới* là bài *Tìm cái đẹp trong tự nhiên là nghệ thuật*; *Tìm cái đẹp trong nghệ thuật là phê bình* (*Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 35; 26-1-1935). Trong sự nghiệp viết của Hoài Thanh, bài này theo tôi nghĩ có giá trị một *tuyên ngôn*. Một tuyên ngôn không chỉ phù hợp với sự nghiệp viết của ông trước 1945 mà cũng có sức chi phối rất cơ bản sự nghiệp viết của ông sau 1945. Một tuyên ngôn rồi ông cũng có lúc tự điều chỉnh cho rộng rãi hơn, và cho thích hợp hơn với những chuyển biến và đòi hỏi của thời cuộc; nhưng trong thực tiễn áp dụng vào nghề nghiệp lại thấy ông chẳng thay đổi bao nhiêu cái định hướng đã được khởi động và xác định từ đầu. Đó là, trong phê bình, gồm *phê* và *bình*, ông chỉ bình chứ không phê. “Bình thì còn được. Nhưng phê? Sao lại phê?”<sup>(1)</sup>. Bình có nghĩa là khen. Và khen tức là sự đi tìm và xác định cái hay trong văn chương. Bởi nói như ông, thật là đúng, với văn chương, để

được gọi là văn chương, cái hay mới là cái đáng giá, còn cái dở, cái nhảm thì “không tiêu biểu gì hết”<sup>(2)</sup>. ở bài tiểu luận có ý nghĩa tuyên ngôn này Hoài Thanh đã nói cái điều rồi ông sẽ thực hiện và trung thành với nó trong suốt đời viết của mình.

Trước 1945, ở tư cách là người phát hiện và cổ vũ Thơ mới- lãng mạn, và về sau là tác giả *Thi nhân Việt Nam*, trong sự nghiệp viết của mình, Hoài Thanh còn để lại dấu ấn trong một cuộc tranh luận nổi tiếng mà theo tôi nghĩ, ông đã bị đẩy vào một phía, khiến ông rồi sẽ chịu “tai tiếng” trong một thời dài. Một cuộc tranh luận buộc ông phải thành nhà lý luận; hơn thế, là chủ trương cho một chủ thuyết - chủ thuyết “Văn chương là văn chương”, nó là sự triển khai chính cái lý thuyết mà ông đã nêu trong bài viết đầu năm 1935. Cái lý thuyết được chia thành hai vế, một cho nghệ thuật và một cho phê bình. Để gộp lại cho gọn, đó là lý thuyết về cái Đẹp, mục tiêu của nghệ thuật và phê bình nghệ thuật là đi tìm cái Đẹp. Và cố nhiên, theo lôgic phân tích của phái vị nhân sinh đương thời - đó là cốt lõi của quan niệm nghệ thuật vị nghệ thuật, đi ngược lại lợi ích của Bình dân, cùng là đi ngược với tiến hoá của lịch sử...

Thế nhưng trong suốt cuộc tranh luận, khi chủ trương: “Văn chương là văn chương”<sup>(3)</sup>, Hoài Thanh chưa bao giờ tự xếp mình vào phe *Nghệ thuật vị nghệ thuật* mà phe *vị nhân sinh* đang muốn dồn ông vào; khiến ông đã có lúc như nổi nóng lên trong một bài Trả lời: *Chung quanh cuộc biện luận về nghệ thuật: Một lời vu cáo đê hèn* (Tràng An, số 80; 3-2-1935). Bởi theo ông, có sự khác nhau rất xa giữa một quan niệm về văn chương như là *Văn chương là văn chương*, với một chủ thuyết về nghệ thuật - đó là *Nghệ thuật vị nghệ thuật* (L'art pour l'art). Thuộc thế hệ tinh thông Tây học không thể nói là Hoài Thanh không hiểu Théophile de Gauthier - tác giả lớn trong văn học Pháp thế kỷ XIX, người chủ trương phân biệt văn chương thuần túy và văn chương có ích (nói theo Tản Đà: “Có văn có ích, có văn chơi”); và cố nhiên cũng sẽ hiểu cái bối cảnh tư bản chủ nghĩa cho sự ra đời chủ thuyết của Gauthier là khác với sinh hoạt văn chương ở một xã hội thuộc địa còn rất nặng nợ với chế độ phong kiến. Một xã hội còn chưa thoát ra khỏi quan niệm văn thơ chở đạo và nói chí; cái xã hội cùng với nền văn chương của nó chỉ vừa mới được báo động cho sự mất giá trong những câu thơ vừa trang nghiêm vừa cười cợt của Tản Đà.

Hoài Thanh muốn văn chương là văn chương, trên cách hiểu như vậy cũng có thể là để cho văn chương dứt khoát bứt ra khỏi tính nguyên hợp của nó đã tồn tại quá lâu trong 10 thế kỷ văn học trung đại. Và đó chính là một bước ngoặt căn bản trước yêu cầu hiện đại hoá. Nhưng nếu điều này là một tiến bộ vượt bậc, thì ở một phía khác, cái quan niệm thiêng liêng hoá, thậm chí thần bí hoá các giá trị văn chương, gán cho văn chương một tác dụng hơn mọi tác dụng khác trong các hoạt động tinh thần của con người thì, xét trong từng hoàn cảnh cụ thể, vừa có chỗ là ổn, vừa có chỗ là không ổn: “Ta nên nhớ rằng, cầm bút chưa phải là viết văn. Văn chương là vật quý đâu được nhiều thế!”<sup>(4)</sup>. “Nếu ở đời này có một điều nghiêm trọng vì luôn luôn đi bên cạnh những sự huyền bí bao trùm người ta và vũ trụ, điều ấy là văn chương”<sup>(5)</sup>.

Buộc phải là chủ trương trong một cuộc tranh luận về nghệ thuật; sự đón nhận nồng nhiệt phong trào Thơ mới, và việc tổng kết một cách tuyệt vời về nó trong *Thi nhân Việt Nam*, cùng với một cuốn tiểu luận bị tịch thu... đó là những lý do làm nên sự nghiệp phê bình của Hoài Thanh trước 1945; một sự nghiệp vừa khiến ông nổi tiếng, vừa dồn ông vào một tình thế va đập, rồi sẽ không thôi ám ảnh và đi cùng Hoài Thanh trong suốt đời viết của mình, cho đến 1982 - là năm ông qua đời. Nghiên cứu chặng đường sau 1945 của Hoài Thanh ta sẽ có dịp nhìn lại một hành trình có ý nghĩa tiêu biểu cho giới trí thức Việt Nam trong các bước ngoặt và các chuyển động lớn lao của lịch sử.

Điều bất ngờ, nhưng lại dễ dàng cắt nghĩa được, với Hoài Thanh, cũng như với cả một thế hệ các nghệ sĩ đi theo cách mạng sau 1945, đó là sự phủ định rất sớm, và gay gắt phong trào Thơ mới và *Thi nhân Việt Nam* - bắt đầu từ *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1951), qua các bài viết khá

liên tục trong các năm 1960, 1964, 1977, cho đến 1982 - là năm Nxb. Văn học làm Tuyển tập Hoài Thanh. Trong bộ Tuyển được thực hiện gấp rút khi nằm trên giường bệnh, Hoài Thanh vẫn nhất quyết không cho đưa vào phần Mở đầu bài *Một thời đại trong thi ca* (\*) có nghĩa là không có sự góp mặt của *Thi nhân Việt Nam*.

(\*) Xem tr 3 “Hòa Thanh, Hoài Chân = P2B - TgTp

Thế nhưng, một bất ngờ đã xảy ra và cái gì đến phải đến. Đó là lời tâm sự của ông với người con trưởng Từ Sơn (\*), trước khi qua đời: “Cha biết văn chương của cha cũng vầy vầy thôi. Nếu không có cuốn *Thi nhân Việt Nam* thì không chắc gì người ta đã công nhận cha thực sự là một nhà văn”<sup>(6)</sup>.

(\*) Xem tr 7: “Nỗi oan khó gỡ - Phạm Khải” ở dưới

Rõ ràng đối với chúng ta, không phải tất cả văn chương của Hoài Thanh, cả trước và sau 1945, tất cả chỉ là “vầy vầy”; nhưng phải chờ đến chữ “vầy vầy” - cách nói kiểu Hoài Thanh, để khẳng định giá trị nổi trội của *Thi nhân Việt Nam*, mà tác giả của nó vốn là người đã khẳng định ý tưởng: “Văn chương là văn chương”, đã chủ trương nghệ thuật và phê bình nghệ thuật là đi tìm cái Đẹp. Người có lẽ đã bộc lộ mình rõ nhất trong *Thi nhân Việt Nam* cốt cách và phẩm chất của một nhà phê bình đích thực và sáng giá nhất (tính cho đến nay); chính phải có phẩm chất đó mới nhận thức và tổng kết được “một thời đại trong thi ca”.

Khẳng định lại giá trị *Thi nhân Việt Nam*, vào thời điểm 1982, nghĩa là còn hơn 4 năm nữa mới khởi động công cuộc Đổi mới. Và 10 năm sau, năm 1992, mới đến cuộc Hội thảo khoa học - nhân 50 năm *Thi nhân Việt Nam*. Cuộc hội thảo nhận lại giá trị một cuốn sách “chịu được thử thách của thời gian”, “một trong những cuốn sách có giá trị thế kỷ”, với tác giả của nó là nhà phê bình có uy tín nhất trong nền văn học Việt Nam thế kỷ XX.

Vấn đề đặt ra ở đây là do đâu mà có sự chuyển đổi trong quan niệm, trong thái độ của Hoài Thanh đối với *Thi nhân Việt Nam*. Đi vào những giải trình về nó chắc chắn ta sẽ tìm thấy những nguyên do và động lực đưa tới công cuộc Đổi mới đất nước nói chung và đổi mới văn học nói riêng. Như vậy là ở đây, trong tư cách nhà phê bình, qua trải nghiệm của bản thân, Hoài Thanh cũng đã làm cái việc tiên đoán cho Đổi mới mà giới sáng tác cũng đã có một số người làm được vào đầu những năm 80. Điều khiến ta băn khoăn là ông đã không sống thêm được đến ngày khai mạc công cuộc Đổi mới để nhận lại đứa con tinh thần được trở về vện nguyên trong tiếp nhận của nhiều thế hệ bạn đọc.

\*\*\*

Nhìn lại chặng đường dài trong công việc phê bình mà Hoài Thanh vẫn thủy chung theo đuổi từ 1945 đến 1982, ta thấy hai cuốn sách quan trọng mở đầu là *Quyền sống con người trong “Truyện Kiều”* (1949) và *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1951), và cuốn sách cuối cùng của ông là *Phan Bội Châu* (1978). ở giữa là ba tập *Phê bình và tiểu luận* gồm nhiều chục bài, chủ yếu viết về đời sống thơ đương đại... Chỉ riêng Thơ mới, và gắn với nó là *Thi nhân Việt Nam* là bị ông từ bỏ và “cắt đứt” hẳn để nhường chỗ cho việc triển khai khá rộng các mối quan tâm của ông đối với sự phát triển nhiều mặt của nền văn học mới sau 1945 và nền thơ cổ điển của dân tộc. Các mối quan tâm và định hướng viết như thế sau 1945, không phải là không đem đến cho ông không ít “chuyện phiền”; thậm chí, như ông tâm sự, còn “bị vu cáo”, “bị nói oan”, hoặc “ác”... chẳng hạn mấy câu thơ của X.S. Nhưng ông đã ráng chịu, để không quá bận tâm cho sự thanh minh hoặc giải phiền. Nghĩa là ông vẫn kiên trì những gì mình cho là đúng. Là giữ cho mình vẫn được là mình.

Vậy là cả trước và sau 1945, Hoài Thanh vẫn cứ là Hoài Thanh - người viết theo một quan niệm riêng, một chủ kiến riêng. Quan niệm thay đổi, đối tượng quan tâm cũng thay đổi. Tiếp nhận bài thơ của Xuân Sách ông chỉ “đau” vì câu thứ hai



Vị nghệ thuật nửa cuộc đời  
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên.  
Thi nhân còn một chút duyên  
Lại vò cho nát lại lèn cho đau...

Thì đúng thế! Ông đã xua đuổi nó suốt từ 1951 đến 1982.

Theo tôi nghĩ, đây chính là một phương diện của nỗi đau, nếu không nói là bi kịch của nghề nghiệp, mà Hoài Thanh đã phải trải nghiệm và chịu đựng. Nói là nỗi đau và bi kịch vì ông không là người cơ hội. Nếu đã là cơ hội thì chẳng có chuyện đau. Không cơ hội có nghĩa là ông đã trung thực với chính mình, với mọi quan niệm và chủ kiến của mình. Một sự trung thực rất cần thiết cho mọi người viết chân chính; và, với sự trung thực đó mà có khi họ bỗng trở thành nạn nhân - nạn nhân của thời cuộc khách quan, hoặc nạn nhân của chính mình, cả hai, thì cũng vậy, sao tránh khỏi được. Đó là ý tưởng tôi đã có dịp trình bày trong Hội thảo khoa học năm 1992: “Có thể nói mà không phân vân: ông đã chân thành và trung thực đến cùng trong yêu mê và say Thơ mới; và ông cũng đã chân thành và trung thực đến cùng trong phủ định Thơ mới và *Thi nhân Việt Nam* khi đã nhận ra một chân lý nào đó. Có điều chân lý ông tìm ra có khớp với chân lý khách quan của cuộc sống hay không lại là chuyện khác. Ông đã bị thời đại quy định nghiệt ngã, cũng như tất cả chúng ta, cũng như rộng ra khỏi chúng ta (...) Suốt 50 năm hoạt động của đời mình, đối với Hoài Thanh là cả một cuộc tìm kiếm - tìm cái Đẹp của văn chương và đến được với cái đẹp đó; đến được và truyền lại cho nhiều thế hệ bạn đọc những vẻ đẹp mà không dễ ai cũng tìm được và nói được như ông (...) Văn chương, đối với Hoài Thanh, bất luận nó là sáng tạo hay phẩm bình, đó không chỉ là nghề mà còn là nghiệp. Đã đến, là hao mòn về nó, khổ đau vì nó, và hết mình với nó”.

\*\*\*

*Hoài Thanh Toàn tập*, gồm 4 tập, 4374 trang, Nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 1999 cho thấy mỗi quan tâm chủ yếu của Hoài Thanh trong 50 năm viết của mình là thơ, gồm cả phê bình và tiểu luận về thơ (tôi dùng chữ *tiểu luận*, chứ không phải *lý luận*), mượn cách nói của ông đó là *Chuyện thơ*. Ngoài Thơ mới, đó là thơ cổ điển như *Truyện Kiều*, *Hoa tiên*, *Chinh phụ ngâm*; thơ quần chúng; thơ Hồ Chí Minh; thơ của nhiều tác giả, gồm từ Tố Hữu, Sóng Hồng đến Giang Nam, Thanh Hải, Lê Anh Xuân, Nguyễn Duy, Cảnh Trà, Lưu Quang Vũ... Tất cả đều được Hoài Thanh viết trong một thành tâm và thiết tha đem đến cho người đọc, nếu trước 1945 là cái hay, thì sau 1945 là những gì có ích, là có lợi cho cách mạng - theo quan niệm của ông.

Thế kỷ XX là thế kỷ gồm quá nhiều, hơn bất cứ thế kỷ nào trong lịch sử, những sự kiện, những biến cố, những đổi thay, những nháy vọt, những bước ngoặt, những cách mạng... Chuyển sang thế kỷ XXI, chúng ta đã có một độ lùi cần thiết để có cái nhìn toàn cảnh cả thế kỷ, khi các tên tuổi lớn thời hiện đại đang lần lượt bước vào tuổi 100 năm - trước đây là Ngô Tất Tố, Hoàng Ngọc Phách, Khương Hữu Dụng, Nguyễn Công Hoan, Đặng Thai Mai, Vũ Ngọc Phan... Bây giờ là Hoài Thanh. Và sắp tới - kể từ năm sau, là Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Xuân Diệu... Một trăm năm “trong cõi người ta”. Một trăm năm trong quãng lùi lịch sử, đủ cho ta nhận rõ và định vị được giá trị của các bậc tiền bối, mà không còn bị chi phối bởi các sự kiện lớn hoặc nhỏ, cùng với các áp lực - có thể nói là ghê gớm của thời cuộc như Cách mạng, Chiến tranh, Cải cách, Sửa sai, Chính huấn, Cải tạo, Chiến thắng, Đổi mới, Hội nhập... những khái niệm luôn ở trên cửa miệng mỗi người và mọi người, thường làm vênh lệch mọi loại kim địa bàn, hoặc che khuất các tầm nhìn. Bây giờ là thanh thoát cho một cái nhìn xuyên suốt, để cho mọi giá trị đúng- sai, lớn- bé, thật- giả đều được phơi bày. Để nói về Hoài Thanh, kể từ khi ông qua đời cho đến nay, và chắc chắn còn lâu về sau, tôi chỉ muốn chọn một “điểm nhấn” đó là: Tác giả *Thi nhân Việt Nam* - như tiêu đề của bài viết này. Và qua *Thi nhân Việt Nam*, cùng với số phận của nó, trong hành trình nghề nghiệp của Hoài

Thanh, tôi muốn hiểu đó là một hành trình có ý nghĩa điển hình, với cả hai mặt vinh- nhục, được- mất của nó, cho số lớn những người trí thức chân chính Việt Nam thế kỷ XX./.

(1), (2) *Nhỏ to*; Bạt *Thi nhân Việt Nam*.

(3) Được trình bày 2 lần trong 2 bài cùng có tên: *Văn chương là văn chương*, đăng trên *Tràng An* số 48 và 62; 1935.

(4) *Tràng An*, số 48; 1935.

(5) *Sách Văn chương và hành động*; 1936.

(6) *Di bút và Di cáo*; Nxb. Văn học; 1993; tr.200.

## Nỗi oan không khó gỡ

### Phạm Khải

Không ai phủ nhận tài năng của nhà phê bình văn học Hoài Thanh. Thậm chí, đây đó đã có người suy tôn ông là thiên tài. Cuốn hợp tuyển "Thi nhân Việt Nam" của ông được nhiều người xếp vào hàng kiệt tác. Tuy nhiên, về mặt tư cách làm nghề, không phải không còn những ý kiến, nhận xét chưa được thỏa đáng về ông.

Nhà văn Từ Sơn, con trai trưởng của Hoài Thanh, trong bài "Lời cuối sách" in ở phần cuối cuốn "Thi nhân Việt Nam" (NXB Văn học, 1988) đã thuật lại: "Cha tôi khe khẽ đọc lại mấy câu "thơ chân dung" nói về ông mà ai đó đã đọc cho ông: Vị nghệ thuật một nửa đời/ Nửa đời còn lại vị người cấp trên/ "Thi nhân" còn một chút duyên/ Chẳng cầm cho vững lại lên cho đau..."

Đọc xong, cha tôi bình: "Tay này nó biết mình mê Kiều nên nó dùng lối lầy Kiều để vẽ chân dung thì khéo thật. Tuy vậy câu thứ hai nói oan và nói ác quá. Cha biết có không ít người nghĩ như thế về cha".

Ngày 15 tháng 7 này là vừa chẵn 100 năm ngày sinh Hoài Thanh. Chắc chắn Hội Nhà văn sẽ tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa để vinh danh ông, song cứ theo thiện nghĩ của tôi, một trong những hành động có ý nghĩa nhất, là làm sao góp phần giải tỏa những "điều tiếng" về ông (có thể gọi là một "nỗi oan") hiện vẫn còn vương vất. Theo tôi, làm điều này không khó, bởi những gì Hoài Thanh viết vẫn còn rành rành trên giấy trắng mực đen...

Thật ra, nói Hoài Thanh "Nửa đời còn lại vị người cấp trên" là ai đó muốn xoáy vào việc ông có những bài phê bình, giới thiệu thơ của các tác giả giữ cương vị cao trong bộ máy lãnh đạo đảng, nhà nước thời kỳ sau cách mạng. Tuy nhiên, để thật sòng phẳng, thiết nghĩ cũng cần phải nhắc lại là: Ngoài những tác giả có vị thế chính trị, Hoài Thanh còn dành nhiều thời gian, tâm sức để viết bài giới thiệu, phẩm bình thơ của cán bộ chiến sĩ, của các cây bút trẻ (như Giang Nam, Thanh Hải, Lê Anh Xuân, Lưu Quang Vũ, Cảnh Trà, Nguyễn Duy, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Đức Mậu, Lâm Thị Mỹ Dạ...).

Nói vậy để thấy, việc Hoài Thanh có viết về ai chẳng nữa cũng không phải là điều đáng xét nét. Vấn đề là ông viết như thế nào, những ý kiến đánh giá của ông có xác đáng hay không, có nặng mùi "xu phụ", như thể một thứ "nỗ lệ trong văn chương" hay không? Với những hiểu biết chắc chắn còn nhiều hạn chế của mình, tôi xin mạnh dạn có đôi lời bàn thêm về vấn đề này. Trong suy nghĩ của tôi, nếu vấn đề không được mổ xẻ một cách nghiêm túc thì chẳng những tên tuổi của Hoài Thanh ít nhiều bị ảnh hưởng, mà ngay cả tư chất của những tác giả giữ cương vị lãnh đạo có tác phẩm được Hoài Thanh đề cập cũng bị hiểu sai. Bởi như vậy có nghĩa là các vị chỉ thích nghe lời xu nịnh, không ưng lời nói thẳng. Mà theo tôi biết, ít nhất trong trường hợp này, sự thật không phải thế...

Tác giả đầu tiên mà tôi muốn đề cập là nhà thơ Sóng Hồng (tức đồng chí Trường Chinh, người từng giữ cương vị Tổng bí thư của đảng). Trong "Hoài Thanh toàn tập" (NXB Văn học ấn hành năm 1999), có hai bài Hoài Thanh viết riêng về thơ Sóng Hồng, đó là bài "Thơ Sóng Hồng" và bài "Đi học: Một bài thơ hay" (cả hai bài đều được in ra vào đầu năm 1969). Tôi đã đọc kỹ hai bài viết này của Hoài Thanh và thấy những nhận xét của ông không có gì là "quá đáng", là "xu nịnh" cả. Ngoài việc ca ngợi phẩm chất tâm hồn của một lãnh tụ cộng sản hết lòng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc (tức là về mặt nội dung) thì về mặt nghệ thuật, lời lẽ của Hoài Thanh cũng tỏ ra chừng mực, khách quan. Như khi ông cất lời khen ngợi hai câu thơ mở đầu bài "Thăm Ấn-đôn-ê-xi-a" của Sóng Hồng: "Hàng ngàn bích ngọc tuôn rơi/ Vương trên thảm lụa, ai người bỏ quên?" là "hai câu thơ rất bay bướm, rất duyên dáng" thì liền ngay đó, với hai câu "Ấy không, quần đảo thần tiên/ Nhấp nhô mặt biển ở bên chân trời", Hoài Thanh đã cho rằng "câu thơ của anh hơi thật thà" và ông đặt câu hỏi: "Có nhất thiết phải trả lời như vậy không". Nếu so với chất lượng một số câu thơ lục bát từng được chọn để thả lên trời trong Ngày thơ Việt Nam vừa qua, ta thấy lời nhận xét trên của Hoài Thanh thậm chí còn hơi... khe khắc là khác.

Cũng vẫn liên quan đến thơ Sóng Hồng, trong bài viết nói trên, Hoài Thanh còn trích một đoạn trong bài "Ngọn lửa Morixơn": "Hãy nghe đây:/ Trên cánh đồng bất mãn của nhân dân nước Mỹ/ Mỗi tia lửa đấu tranh đều đáng quý/ Chớ ngông cuồng xúc phạm tinh thần Morixơn" và cho rằng: "đó vẫn là chính luận, chưa phải là thơ". Từ đó, ông nhận xét chung về thơ Sóng Hồng: "về chữ dùng, câu thơ của anh cũng có khi hơi cứng".

Với nhà thơ Xuân Thủy, người từng giữ cương vị Bí thư Trung ương đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Hoài Thanh cũng có bài viết riêng ("Thơ Xuân Thủy"- Báo Văn nghệ số ra ngày 15/11/1974). Trong bài viết này, với những câu thơ mà mình tâm đắc, Hoài Thanh thường đưa ra nhận xét, đại thể: "thơ anh luôn ngọt ngào, đầm ấm, vui tươi". Đây là ông nói về đặc điểm nội dung chứ đâu phải nói về đặc điểm nghệ thuật. Còn khi bàn vào những câu thơ cụ thể, Hoài Thanh đã có những chỗ khen, nhưng cũng có chỗ ông buông lời... chê.

Như khi Xuân Thủy viết: "Sông núi ôi xương máu/ Nhân dân ôi ngựa trâu" và "Ôi Lênin! Bộ óc thiên tài/ Im lặng tôi xin cáo biệt Người", Hoài Thanh đã không ngần ngại đưa ra nhận xét: "Những câu ấy, theo tôi, chưa nói hết được những điều nhà thơ muốn nói, chưa nói được cái đau xót, cái tủi cực ngày xưa, cũng chưa nói được tấm lòng kính phục không bờ bến đối với Lênin vĩ đại". Từ đó, Hoài Thanh có một nhận xét mang tính khái quát về ưu và khuyết của thơ Xuân Thủy: "Lời thơ Xuân Thủy thường dễ dàng. Đó là một ưu điểm. Nhưng cũng có khi quá dễ dàng thành dễ dãi". Phải nói, đây là một nhận xét rất thẳng thắn mà chỉ những người trung thực và trân trọng người đối thoại mới có được.

Một tác giả thơ từng giữ cương vị Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam (có thể xếp vào hàng "cấp trên" của Hoài Thanh) là nhà văn Nguyễn Đình Thi cũng được Hoài Thanh viết bài phân tích, bình luận tác phẩm ("Thơ Nguyễn Đình Thi" - Báo Văn nghệ số ra ngày 3/1/1976). Có thể thấy ngay là Hoài Thanh không thuộc fan hâm mộ thơ Nguyễn Đình Thi. Sau khi trích dẫn những câu mà ông tâm đắc, Hoài Thanh nhận xét: "Đọc thơ Nguyễn Đình Thi, có gặp nhưng rất ít cái lưu loát, cái hùng hồn, cái chất gợi sáng từng lúc trong một số bài lý luận phê bình, bài phát biểu của anh. Cũng ít gặp cái sức lôi cuốn say sưa trong những bài hát của anh từ lâu nổi tiếng. Người đọc thơ anh thường có cảm giác như nghe giọng nói từ từ của một người vừa trầm ngâm suy nghĩ vừa nói. Trước hết là nói với mình, nói cho mình. Cái hay là thật, nhưng cũng nhiều khi tuy thật mà chưa hay".

Chắc không ai đọc những dòng này lại nghĩ Hoài Thanh viết vậy để "vị người cấp trên". Hẳn đọc đến đây, sẽ có bạn cho rằng tôi còn để thiếu một mảng bài, đó là mảng bài Hoài Thanh viết ca ngợi thơ Tố Hữu (người từng giữ cương vị Phó Thủ tướng Chính phủ). Sự thật, với thơ Tố



Hữu, Hoài Thanh có một tình cảm đặc biệt. Ông từng ghi lại trong sổ tay: "Tôi biết nhiều khi anh Tố Hữu không muốn tôi viết về thơ anh. Nhưng tôi cứ viết vì tôi viết đâu có phải vì anh...". Ông ý thức được rằng việc làm này của mình dễ bị những người thiếu thiện chí xem là "muốn nịnh hót gì đây. Nhưng tôi không ngại, tôi cứ bình theo đúng nhận thức và cảm xúc của tôi" (xem "Di bút và di cảo"- NXB Văn học, 1993). Chính vì vậy mà với tất cả các tập thơ Tố Hữu, Hoài Thanh đều có bài viết riêng.

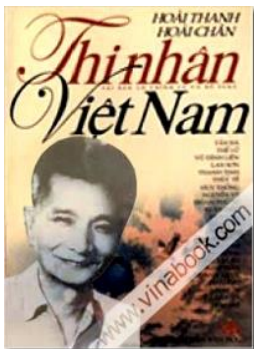
Hoài Thanh lấy làm tự hào là thời đại ta đã "may mắn có được nhà thơ Tố Hữu". Các bài viết của Hoài Thanh về thơ Tố Hữu chủ yếu để phân tích, bình luận cái hay, cái xúc động... cho nên âm hưởng chính là ngợi ca, đó là chuyện đương nhiên. Và chẳng, việc ca ngợi thơ Tố Hữu là thuộc quan niệm thẩm mỹ của Hoài Thanh và quan niệm ấy cũng là quan niệm chung của đồng đảo bạn đọc một thời nên không thể từ đó đặt vấn đề ông "vị người cấp trên" được. Hoài Thanh là một nhà phê bình văn học có giọng văn điềm đạm, nho nhã. Cách chê của ông bao giờ cũng tinh tế chứ không sỗ sàng. Và trong quan điểm của ông, ông thiên về bình cái hay hơn là tìm cái dở.

Trong lời "Nhỏ to" in ở cuối cuốn "Thi nhân Việt Nam", ông chẳng đã viết: "nếu trong quyển này ít khi tôi nói đến cái dở, bạn hãy tin rằng không phải vì tôi không thấy cái dở. Nhưng tôi nghĩ rằng đã dở thì không tiêu biểu gì hết. Đặc sắc mỗi nhà thơ chỉ ở trong những bài thơ hay". Nói vậy để ta hiểu quan điểm nghệ thuật xuyên suốt của ông, từ đó bớt đi những đòi hỏi phi lý và cũng là để có cách nhìn chân xác về tư cách phê bình của ông.

Trên đây là một số suy nghĩ, nhận xét mà tôi đúc rút được sau khi đọc lại bộ "Hoài Thanh toàn tập" (gồm cả thầy 4 tập, dày hơn 4000 trang do NXB Văn học ấn hành cách đây đúng 10 năm). Có thể còn những tài liệu khác, thể hiện một tư chất khác của Hoài Thanh mà tôi chưa được biết, rất mong được bạn đọc chỉ giáo. Riêng tôi, đến giờ phút này, căn cứ vào những gì tôi được biết thì Hoài Thanh là một nhà phê bình văn học trung thực, đúng như điều ông từng thổ lộ với người con trai trưởng: "Một đời làm văn cha chỉ tìm cái hay cái đẹp để bình. Đó là điều ham muốn của cha. Vậy mà cha đã vấp phải khối chuyện phiền: kẻ yêu, người ghét. Thậm chí cha còn bị vu cáo, bị nói oan. Cha biết vậy nhưng không thể sống khác, viết khác cái tạng của mình. Điều mà cha có thể hoàn toàn yên tâm và tự hào trước lúc đi xa là cha đã sống và viết hoàn toàn trung thực"

## “Hoài Thanh: Từng chối bỏ vinh quang” Đỗ Ngọc Yến

Nói đến Hoài Thanh, người ta không thể nào quên *Thi nhân Việt Nam* của ông và Hoài Chân viết vào những năm trước đó và đã đưa ông lên đến đỉnh vinh quang.



Mặc dù trong cuộc đời hoạt động văn chương của mình, ông đã để lại một khối lượng tác phẩm tương đối lớn, chủ yếu là thể loại Lý luận - Phê bình văn học, nhưng không một tác phẩm nào lại có sức sống bền lâu và sự lan tỏa rộng lớn đến như thế. Vậy mà...

\*\*\*

Hoài Thanh tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, sinh ngày 15/7/1909, tại xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trong một gia đình nhà nho nghèo. Ngoài bút danh Hoài Thanh, ông còn có các bút danh khác như Văn Thiên, Le Nhà Quê, chủ yếu là sử dụng khi viết báo. Ông đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học- Nghệ thuật, đợt II, năm 2000 về các tác phẩm: 1/ *Phê bình tiểu luận* (3 tập) 2/ *Nói chuyện thơ kháng chiến*; 3/ *Thi nhân Việt Nam*.

Từ nhỏ, cậu bé Nguyễn đã phải sớm làm lụng vất vả giúp đỡ gia đình, nhưng rất chăm chỉ học hành. Năm 19 tuổi (1928), sau khi tốt nghiệp thủ khoa bậc thành chung ở trường Quốc học Vinh, Hoài Thanh ra Hà Nội theo học trường Bưởi. Do có niềm đam mê hoạt động chính trị xã hội và trở thành anh hùng, ông đã tham gia tổ chức Tân Việt cách mạng đảng, nên đã bị bắt giam, kết án 6 tháng tù treo và trục xuất về quê.

Ra tù, Hoài Thanh trở lại học trường Bưởi, rồi lại bị đuổi học vì tội cất giữ tài liệu chống chính quyền Pháp. Sau đó, ông ra ở trọ tại quán cơm số nhà 32 Hàng Đồng. Tại đây, Hoài Thanh gặp Lưu Trọng Lư và một số người vừa bãi khoá ở Quốc học Huế ra Hà Nội kiếm chỗ học tư. Ông nhận dạy cho mọi người để có tiền tự học đi thi tú tài Tây, vì theo qui định thời ấy những người đã bị đuổi học thì không được thi *tú tài ta*.

Sau khi đỗ tú tài, năm 1930, Hoài Thanh xin vào làm ở tờ nhật báo *Phổ thông*. Ngô Tất Tố là người đầu tiên có công giúp đỡ Hoài Thanh khi mới chập chững bước vào nghề làm báo. Nhưng xem ra con đường viết báo không mấy hanh thông, nên ông và một số người ở báo này bàn với chủ báo ra thêm tờ *Le Peuple* (Nhân dân) mỗi tuần hai kỳ. Lúc bấy giờ báo tiếng Pháp không bị kiểm duyệt. Đây là tờ báo đầu tiên bằng tiếng Pháp của người Việt Nam ở miền Bắc, bán rất chạy. Tuy nhiên, nó cũng chỉ tồn tại được ba số, rồi bị đóng cửa. Lần thứ hai Hoài Thanh lại bị bắt giam và trục xuất khỏi Hà Nội, áp giải về quê nhà giao cho lý trưởng quản lý.

Năm 1931, về quê, cực chẳng đã ông đi làm gia sư cho một chủ khách

sạn ở Vinh. Tình cờ, cậu tú Thanh gặp được ông chủ nhà in Đắc Lập ở Huế tại đây. Ông ta đã xin với ông chủ khách sạn cho cậu tú Thanh vào Huế làm thợ chữa morasse cho nhà in của ông ta.

Suốt thời gian gần sáu năm làm nghề chữ morasse, ban ngày đi làm, tối về hoặc ngày nghỉ Hoài Thanh tìm các loại sách báo đọc để viết bài cho các báo *Tràng An* và *La gazette de Hué*. Từ tháng 3- 1935 cho đến khi Hoài Thanh bị chính quyền Pháp cấm viết báo (tháng 6- 1936), ông được giao giữ các mục *Chuyện rông* với bút danh Nhà Quê, mục *Phê bình*, mục *Văn nghệ*, *Bình báo* cùng các bài chuyên luận về văn hoá, pháp luật, kinh tế, xã hội, thời sự quốc tế v.v... với bút danh Hoài Thanh. Trong tư cách là một nhà báo, thời ấy ông tâm niệm rằng cần phải dùng ngòi bút để chống lại mọi bất công của xã hội, bênh vực người nghèo khổ, chống bọn cường hào, bọn cầm quyền áp bức, bóc lột nhân dân, chống mọi hủ tục cùng với lối sống thấp hèn, ca ngợi non sông đất nước, vinh danh các giá trị văn hoá dân tộc, cổ vũ thái độ dấn thân vì lợi ích của xã hội và con người... (!?)

\*

Từ sau 1945, ông vua thẩm bình thơ thở nào như *Hoài Thanh lại bỗng dưng đổi sang một hướng khác, gác lại niềm đam mê văn nghiệp* và ước vọng làm một trang hảo hán kiểu Từ Hải

tuổi thanh xuân, ông tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Điều này khiến *không ít văn hữu ngỡ ngàng đến khó hiểu và có người sinh hoài nghi.*

Tháng 10- 1945, ông rời Huế ra Hà Nội làm giáo sư giảng dạy văn chương Việt Nam ở trường Đại học Văn khoa. Từ 1946- 1975, Hoài Thanh lần lượt làm các công việc: biên tập viên tiếng Pháp của Đài Tiếng nói Việt Nam, Bí thư Ban Thường vụ Hội Văn hoá Việt Nam, Trưởng Tiểu ban Văn nghệ của Ban Tuyên huấn Trung ương, Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật, ủy viên Đảng đoàn Bộ Văn hoá, Tổng thư ký Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Viện phó Viện Văn học kiêm phụ trách tạp chí Văn học, Chủ tịch Hội Văn nghệ Dân gian, v.v...

Năm 1960, Hoài Thanh được bầu làm đại biểu Quốc hội. Từ 1969 đến 1975 ông làm Chủ nhiệm tuần báo Văn nghệ của Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, bây giờ là Tổng Biên tập báo Văn nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam. Ông mất ngày 14- 3- 1982 tại Hà Nội, hưởng thọ 73 tuổi.

Trong quãng thời gian hơn 30 năm, Hoài Thanh đã để lại cho nền văn học nước nhà một khối lượng tác phẩm với hơn 4.000 trang sách gồm: *Văn chương và hành động, Thi nhân Việt Nam*, Có một nền văn hoá Việt Nam, Nhân văn Việt Nam, Xây dựng văn hoá nhân dân, Quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, Nói chuyện thơ kháng chiến, Nam bộ mến yêu, Chuyện miền Nam, Quê hương và thời niên thiếu của Bác Hồ, Phê bình và tiểu luận (3 tập), Phan Bội Châu, Chuyện thơ..., Di bút và di cảo...

Có người bảo, Hoài Thanh đã sống và viết đúng như ông tự dặn mình: Nếu lấy sự nghiệp cá nhân làm trung tâm, làm cứu cánh thì cuộc đời dầu oanh liệt nhất cũng không đáng kể vào đâu so với cái trường cửu của loài người, cái vô cùng của trời đất. Nhưng nếu trái lại lấy trời đất, lấy loài người làm trung tâm, làm cứu cánh thì cuộc đời dù bé mọn nhất miễn là đi đúng hướng mãi mãi sẽ cứ còn trong cái vô cùng, cái trường cửu <sup>(1)</sup>.

Nghĩ về sự đóng góp của mình, Hoài Thanh tâm sự: Dẫu chưa đóng góp được gì nhiều thì cuộc đời mỗi chúng ta cũng là một giọt nước trong biển cả mênh mông và giọt nước không phải chỉ có chua với chát mà cũng có nhiều phần ngọt, phần trong. Và đến ngày nào đó chúng mình ra đi thì chúng mình cũng có thể nhẹ nhàng ra đi với ý nghĩa ấy, phải không anh?... Vũ trụ này cùng với loài người và muôn loài nếu chỉ làm một vì sao băng trong đêm tối rồi vụt biến đi không trở lại cũng đủ rồi <sup>(2)</sup>.

\*

Nhưng cũng có người bảo đây là lối *làm văn* của ông vua thẩm bình thơ Hoài Thanh, chứ chắc gì ông đã nghĩ như vậy. Đành rằng khi người ta càng có tuổi, suy nghĩ càng chín chắn hơn, nhưng *chín* một cách lạ hoắc so với mạch nguồn của thời trai trẻ đến mức ông phải kiên quyết phủ nhận sạch trơn *Thi nhân Việt Nam* quả là một sự khó hiểu. Ngay nhà sử học Trần Huy Liệu cũng cho việc làm ấy của Hoài Thanh là quá đáng. Còn Tố Hữu, người tin cậy nhất của ông thì nói: *Hoài Thanh đã tát mình đau quá* <sup>(3)</sup>

Thiền nghĩ Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh có lý khi cho rằng: *Có lẽ một trong những điều khổ tâm nhất của Hoài Thanh là hầu hết các cây bút cùng thời với ông và cùng theo cách mạng như ông, đều gọi ông là “thằng nịnh” (Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên...) Cho nên Xuân Sách có thơ: Vị nghệ thuật nửa đời người/ Nửa đời còn lại vị người cấp trên* <sup>(4)</sup>.

Hoài Thanh vốn là con người chủ yếu sống bằng tình cảm, nên Hoài Thanh viết phê bình theo lối thụ cảm nhiều hơn là suy xét, truy tìm căn nguyên, gốc rễ vì sao câu, bài thơ này hay. Nhưng có lẽ quan điểm *Nghệ thuật vị nghệ thuật* mà ông là một trong những thủ lĩnh của nhóm

này bị một số người có đầu óc thủ cựu lúc bấy giờ hoặc những kẻ cơ hội chủ nghĩa đã đẩy nó lên thành một “*nghi án*” mang màu sắc chính trị, khiến sau này ông đã tự xử với mình bằng hai cách. Một là tự mình *tát vào mặt mình quá đau*. Và hai là luôn phải lên gân lên cốt, chuyển hướng phê bình, đúng như trong chân dung nhà văn Xuân Sách đã viết: *Thi nhân còn một chút duyên/ Chẳng cảm cho vũng lèn cho đau*. Để đến cuối đời, ông đã từng tâm sự với con trai của mình là nhà văn Từ Sơn rằng: *Nhờ có cuốn Thi Nhân Việt Nam mà người ta mới coi cha là một nhà văn* <sup>(5)</sup>.

Ngay cả một người vừa thân cận, vừa kính trọng ông như giáo sư. Nguyễn Đăng Mạnh cũng vẫn *cứ ngờ ngờ thế nào về cái thái độ quá cứng, quá tả của Hoài Thanh. Tiếp xúc với ông, thấy ông luôn luôn nói lập trường cách mạng, lập trường giai cấp. Phải có tình cảm đúng, tình cảm đúng là tình cảm của giai cấp công nhân. Ông tỏ ra rất phục các lãnh tụ cộng sản, coi phát ngôn của các vị ấy là chân lý mình phải lấy làm chuẩn, kể cả những phát biểu về văn chương* <sup>(6)</sup>.

Bằng chứng là từ sau này, Hoài Thanh hầu như không viết về các nhà thơ khác, đặc biệt là các nhà Thơ mới, *mà chỉ viết về thơ của Hồ Chí Minh, Sóng Hồng, Tố Hữu, hay các cây bút đang chiến đấu ở miền Nam như Lê Anh Xuân, Nguyễn Thi, Anh Đức...(!?)*. Điều ấy không chỉ một mình Giáo sư Mạnh ngờ ngờ, mà chính tôi, người viết bài này cũng không thể tin được một người sống chủ yếu bằng tình cảm như Hoài Thanh mà lại có một nghị lực có vẻ như *phi thường* đến thế, chuyển hướng một cách mau lẹ, sòng phẳng và ngoạo mục đến không thể ngờ được. Dù thế, tôi cũng không thể đưa ra một kết luận cuối cùng rằng Hoài Thanh là *người đóng kịch* giỏi đến mức ấy, hay là một người đích thực đã sấm hối do xu hướng chung của các thi sĩ thoát thai từ phong trào Thơ mới khi đến với cách mạng đều phải *nhận đường* lại, âu cũng là lẽ thường tình, hoặc giả trong số các thi sĩ của phong trào Thơ mới khi đến với cách mạng, cũng có không ít người cơ hội chủ nghĩa. Cả ba khả năng này đều có thể xảy ra.

Hãy nghe ông nói về Chế Lan Viên: Chế Lan Viên sắc sảo, nhiều sáng tạo khá hấp dẫn. Nhưng tôi cứ lờn vờn ý nghĩ về chỗ trung thực của anh. Cuốn Thi nhân Việt Nam của tôi có nhiều sai lầm. Nhưng điều tôi ân hận hơn cả là đã quá khen Chế Lan Viên. Thực thì chắc có thực, nhưng có thực đến mức ấy không? Có thật “Hồn ai trú ẩn ở đầu ta”, có thật có “tâm hồn Chàm” thế không? Có muốn trốn lên “một tinh cầu giá lạnh” thật không? Xuân Diệu thì chân chất, thật thà <sup>(7)</sup>.

Điều này khiến không ít người *vận* vào chính tác giả cuốn *Thi nhân Việt Nam*, đặc biệt là những đánh giá sau này về cuốn sách.

Còn đối với những người khác như Nguyễn Đình Thi, Huy Cận, HMD, Hoàng Trinh,... ông đều không đánh giá cao về sự nghiệp văn chương của họ, nhất là tự cách con người tác giả của các vị này. Ông có vẻ như tỏ ra công bằng hơn khi nói về Nguyễn Tuân, mặc dù bác Nguyễn không thích gì ông: Nguyễn Tuân không bao giờ hạ mình làm những điều phi nghĩa. Nguyễn Tuân không phải Nhân văn, không bê tha truy lạc trong sinh hoạt như cánh Nhân văn... Vào Đảng như một thứ nhân sĩ, không gắn bó với một trách nhiệm cụ thể nào, coi mình như một thế giới uỷ, chính uỷ của thế giới, có trách nhiệm với toàn nhân loại. Cho nên chậm tiến. Đi trong kháng chiến như đi chơi, tuy đi chơi trong kháng chiến khác đi chơi trước cách mạng <sup>(8)</sup>.

Duy chỉ có nhà văn Nguyên Hồng, Hoài Thanh thật sự lúng túng: Lắm lúc không biết anh ấy thật hay giả. Trên diễn đàn, đang nói, dừng lại: “Cho tôi khóc một lúc đã”. Nguyên Hồng cũng không gắn với một trách nhiệm cụ thể nào, nên chậm tiến bộ <sup>(9)</sup>. Giáo sư Mạnh cho rằng nhìn chung cuộc đời Hoài Thanh, có mấy cái thực sự trở thành niềm say mê: Một là, say Thơ mới, mặc dù, sau cách mạng ông đã quyết dứt bỏ; Hai là, say Kiều khi đã ca tụng câu nói mà sau

này ông cho là *can đảm* của Phạm Quỳnh: *Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn* và ông đã trân trọng ghi lên trang đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam* câu thơ của Nguyễn Du: *Của tin gọi một chút này làm ghi; Ba là, say mê đọc thơ, bình thơ, giảng thơ.*

Những điều mà Giáo sư Mạnh nói không có gì là khó hiểu, tuy nhiên lại chưa đủ và dường như chưa thật *trúng* với bản chất của con người Hoài Thanh sau cách mạng. Nhất là khi ông cho rằng: nhà thơ lãng mạn đến với cách mạng, sáng tác được ngay vì quen ca ngợi. Còn nhà văn hiện thực phê phán lại lúng túng, không viết được, vì chữ đã thành nghề rồi. Chỉ quen chữ. Đến với cách mạng, chữ ai? <sup>(9)</sup>, xem ra đây chỉ là một võ đoán cảm tính, không phải một nhận định nghiêm túc, khoa học.

Minh chứng là Ngô Tất Tố, Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân,... đều là những nhà văn hiện thực phê phán trước cách mạng, đến với cách mạng một cách chân thành cả đấy thôi. Họ sống và viết phục vụ cách mạng một trọn tru, mạch lạc và có những thành công rất đáng ghi nhận, nào có mấy ai *lúng túng và không viết được* như Hoài Thanh từng nghĩ. Cái sự *lúng túng và không viết được* lẽ ra ông phải tự nhận lấy về mình thì đúng hơn. Vì lẽ chính ông tự cảm thấy *Thiếp như chim én lạc đàn/ Phải tên giờ đã sợ làn cây cong* (*Truyện Kiều*-Nguyễn Du) từ cái vụ bút chiến trước cách mạng tháng Tám giữa hai phái *Nghệ thuật vị nhân sinh* do nhà lý luận Hải Triều chủ trương với phái *Nghệ thuật vị nghệ thuật* mà ông là thủ lĩnh, nên mới lúng túng và khó viết. Đặc biệt là khi Hoài Thanh nhận xét về những vấn đề ngoài văn chương của Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng đều là những người *chậm tiến*.

Những *đam mê* trên của Hoài Thanh mà Giáo sư Mạnh cho là ba, thực chất chỉ là một niềm đam mê văn chương mà thôi. Thơ mới, đọc và bình thơ hay *Truyện Kiều* đều là văn chương. Niềm đam mê này Hoài Thanh có thật. Tuy nhiên, còn có một niềm đam mê khác không kém, thậm chí còn đem lại cho ông nhiều quyền bính và bổng lộc nữa đấy khác. Đây chính là đam mê mà trước đây người ta thường nói về các nhà Thơ mới là *nhận đường* đến với cách mạng. Chỉ tiếc sự *nhận đường* ấy nhiều khi lại nằm ngoài văn chương, nên có người cho rằng đây là những kẻ *giỏi đống kịch, nịnh hót, cơ hội,...*

Còn tôi cho rằng đây là *cái hèn của văn sĩ*.

Nó như là một căn bệnh máu trắng, xương thủy tinh, hen suyễn,... bẩm sinh của văn nhân Việt khi cầm bút viết văn chỉ chăm chăm nhắm đến cái sự *không sai* để vừa lòng cấp trên hay mua chuộc số đông quần chúng công- nông- binh, nên mới nảy sinh chuyện thà viết không hay còn hơn là không đúng, biến tác phẩm văn chương thành các bài viết tuyên truyền, phổ biến kiến thức phổ thông về pháp luật, chính trị, kinh tế, xã hội hay những bài rao giảng đạo đức suông cốt để lọt tai đám đông.

Về mặt này Hoài Thanh cũng thành công không kém so với *Thi nhân Việt Nam*, chỉ có điều những tác phẩm ấy *không phải là phê bình văn học theo hướng thẩm bình thơ trước đây và cũng không có mấy giá trị về thẩm mỹ, nên sau này không được công chúng đón nhận như Thi nhân Việt Nam.*

\*\*\*

Thế nhưng, kể cũng lạ! chính lúc đã không còn viết phê bình văn học nữa, thì Hoài Thanh lại có những nhận xét vừa khá tinh tế, vừa khá sát với thực trạng phê bình văn học nước ta trong nhiều thập kỷ qua. Ông cho rằng: Ta cho đến nay chưa có ai gọi là nhà phê bình. Từ 1930, cái gì cũng đổi mới cả, song chưa thể nói đã có phê bình chuyên nghiệp (nhà văn chuyên nghiệp thì có). Thường chỉ là nghiệp dư, làm một nghề nào đó rồi mới làm thêm phê bình... Hiện nhiều người chưa có cách viết, không biết cách viết. Phải viết thế nào cho người ta đọc một câu cứ



phải đọc tiếp. Nhược điểm của phê bình là không dứt khoát, tác phẩm nào cũng ưu một chút, khuyết một chút. Như nhau. Người đọc không biết anh cho tác phẩm là hay hay dở. *Phê phán Vào đời* (của Hà Minh Tuân- Đ.T) và *Đóng rác cũ* (của Nguyễn Công Hoan- Đ.T) là trung ương phê chứ có phải nhà phê bình nêu ra đâu. Hiện nay có hiện tượng trái ngược là nhà văn và nhà phê bình đọc tác phẩm rất ít, ít hơn quần chúng. Anh phê bình chỉ đọc để viết thôi. Khi cần viết mới đọc<sup>(10)</sup>.

Hoài Thanh là một người có năng khiếu bẩm sinh về thẩm bình thơ, nhưng khi bàn về lý lẽ của sự thẩm bình ấy, xem ra quan niệm của ông hết sức đơn giản, nôm na, hoàn toàn theo kiểu kinh nghiệm chủ nghĩa. Ông nói: Phân biệt thơ hay thơ dở chỉ có đọc nhiều. Ăn phở mãi thì phân biệt được phở ngon. Chứ phân chất, định nghĩa phở ngon là gì, vô ích. Nhưng phải đọc kỹ, phải tinh. Nếu không, có khi mắc lừa. Phở có lẽ ít mắc lừa hơn<sup>(11)</sup>.

Nếu chỉ lấy việc đọc nhiều làm tiêu chí đánh giá, chưa chắc người đọc nhiều đã có thể trở thành một nhà phê bình văn học, vì trên thực tế có những người đọc rất nhiều, nhưng không tiêu hóa được, kèm với khiếu thẩm văn kém, nên cùng lắm anh ta cũng chỉ có thể trở thành những con mọt sách không hơn không kém. Theo tôi, sở dĩ Hoài Thanh thẩm văn tốt, trước hết là nhờ trời phú cho ông ta khiếu tinh nhạy khi tiếp xúc với tác phẩm văn chương, cộng với sự chịu khó đọc, đọc nhiều. Còn bảo ông ta sống sâu sắc thì chưa hẳn, bởi tính cách con người như vậy rất khó lòng mà sâu sắc được. Đành rằng người sống hời hợt thì dù có đọc nát vạn cuốn sách, đi nát vạn dặm đường và sống đến bách niên giai lão cũng chắc gì đã có được một khiếu thẩm văn như ông.

Những đóng góp về văn chương trong diễn trình văn học Việt Nam từ những năm 30 cho đến ngày tạ thế của Hoài Thanh là không thể phủ nhận được. Đặc biệt trong việc phục dựng chân dung của hầu hết các nhà Thơ mới, mà cho đến nay chưa một ai có thể vượt qua. Đây chính là con người văn chương đích thực của ông, mặc dù sau này ông đã kiên quyết *chối bỏ* vinh quang ấy vì những lý do khác nhau cũng là điều không có gì khó hiểu./

## Hoài Thanh sắp chết vẫn kiên quyết *chối bỏ* đưa con “Thi nhân Việt Nam của mình” Quỳnh An

Cả một đời “Lấy hồn tôi để hiểu hồn người”, Hoài Thanh đã có thể yên tâm và tự hào rằng mình đã sống và viết hoàn toàn trung thực.

Ai từng có cơ hội gặp Hoài Thanh đều khó quên khuôn mặt khắc khổ, hiền từ và nét man mác buồn – điều những người con của ông thường tả lại. Trong ký ức của người con thứ Đức Năng, bề ngoài người cha kính yêu của mình có dáng hình gầy, cao, nhân hậu như một vị chân tu đã khổ công rèn luyện đến ngày đắc đạo. Nhưng đằng sau cái bề ngoài ấy là một tấm lòng bao dung, nồng hậu với đời, với nghệ thuật.

Cuộc đời của con người đa cảm và nhiều ẩn ức ấy gắn với những thăng trầm từ thuở thiếu thời. Ông sinh ra trong một gia đình nhà Nho sa sút nơi làng quê xứ Nghệ nghèo nàn. Ông đến với văn chương từ những tháng ngày dạy học ở trường Thuận Hóa. Những ngày ấy, Hoài Thanh cảm cúi viết Thi nhân Việt Nam trong tiếng bễ thụt phù phù và tiếng búa đập chát chúa của những người hàng xóm làm nghề lò rèn. Những trang viết tài hoa. Mỗi bài phê bình thơ cũng có giá trị không kém bài thơ. Vì quá nghệ thuật như vậy, con đường phê bình ấy có lúc đã đẩy Hoài Thanh vào phía đối cực với những người theo phái “vị nhân sinh”. Ông bị kết tội đã



quá trau chuốt mà quên đi nghệ thuật phải phục vụ đời sống. Để rồi, nghiệp phê bình của ông phải trải qua không ít thăng trầm.

Thành thực với sự nhạy cảm trời phú. Thành thực với quan điểm của mình ngay cả khi nó là số ít. Nhân hậu với bạn bè, chia sẻ với đồng nghiệp ngay cả khi mình cũng nghèo, cũng thanh bạch. Suốt cuộc đời, Hoài Thanh là nhà phê bình thành thực, mặc áo lương, đi guốc mộc.

Đưa con tinh thần tài hoa nhất của Hoài Thanh – Thi nhân Việt Nam cũng mang một số phận như thế. Công trình xuất sắc về phong trào Thơ Mới ấy được in lần đầu năm 1942 nhưng mãi đến năm 1960 mới được Trường đại học Tổng hợp Hà Nội xin phép in lại dưới dạng lưu hành nội bộ. Bởi lẽ, sau cách mạng, tinh thần lãng mạn của Thơ Mới không còn phù hợp với không khí chung của thời đại. Cuốn sách bị **xã hội cũng như chính “cha đẻ” của nó phủ nhận và phê phán**. Tới nay, giá trị thực sự của Thơ Mới có thể vẫn còn gây tranh cãi nhưng không ai có thể phủ nhận Thi nhân Việt Nam. Thậm chí nhiều nghiên cứu còn cho rằng chính Hoài Thanh là thi nhân thứ 46 của một thời đại rực rỡ trong thi ca. Lối phê bình quyến rũ trong từng câu từ, tinh tế trong từng cảm nhận và độc đáo trong từng liên tưởng đã khiến cho Thi nhân Việt Nam sinh động và uyển chuyển như một bài thơ giàu tính thẩm mỹ.

Mặc dù vậy, sau này, câu chuyện về Thi nhân Việt Nam hay vụ án **“nghệ thuật vị nghệ thuật” luôn bị Hoài Thanh từ chối nhắc đến**. Thực tế sự trưởng thành qua thời gian của bản thân nhà thơ đã làm sáng tỏ mối quan hệ giữa con người chính trị và con người nghệ sĩ trong Hoài Thanh. Những tác phẩm của ông giai đoạn này vì thế mà mang đầy tính “hành động”: Văn chương và hành động, Có một nền văn hóa Việt Nam, Xây dựng văn hóa nhân dân, Nói chuyện thơ kháng chiến...

Khát vọng thành thực

Cả một đời sống và cống hiến nhưng chưa khi nào **Hoài Thanh người ngoại nổi mặc cảm về Thi nhân Việt Nam – đưa con tinh thần khiến ông xấu hổ nhiều hơn tự hào**. Cho đến những phút cuối đời, khi Nhà xuất bản Văn học khởi thảo in Tuyển tập Hoài Thanh, Từ Sơn (con trai cả của ông) có gợi ý đưa cuốn sách này vào, ông vẫn kiên quyết từ chối. Con người nhân hậu và khắc khổ ấy đã **quyết tâm “lột xác” và chối bỏ đến tận cùng một phần con người cũ trong mình**. Tuy nhiên, cách cảm, cách nghĩ hồn nhiên, chân thành trước cuộc đời của ông vẫn là tôn chỉ cho mọi cảm thụ nghệ thuật. Lối “phê bình ẩn tượng” trong cách gọi của nhà phê bình Đỗ Lai Thúy về Hoài Thanh cũng xuất phát từ bản năng cảm thụ đặc biệt này. Đó chính là điểm lớn nhất phân biệt ông với nhà phê bình văn học cùng thời Trương Tửu. Ông Tửu là người chủ trương làm khoa học về văn chương với lý trí lạnh lùng và lối văn phong khúc chiết.

Hoài Thanh sống một đời lặng lẽ trước những cái án mà thời đại khắc nghiệt gán cho ông. Không tìm cách thanh minh hay tranh đấu vì bản thân, tất cả những gì Hoài Thanh làm đơn giản chỉ là “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”, yêu thương và đầy tự trọng. Vào năm 1947, khi kháng chiến chống Pháp mới bắt đầu, nhiều tác phẩm lớn trong đó có **Truyện Kiều vẫn còn chịu nhiều định kiến và bị chính trị hóa nặng nề**. Hoài Thanh đã cương quyết từ chối đi họp chi bộ chỉ bởi ông nghĩ rằng, ông thích Truyện Kiều còn những người cộng sản thì không. Sau này, trước khi qua đời, được tin nhà nước đã ký quyết định tặng thưởng Huân chương Độc lập cho mình, ông vẫn mặc cảm không dám nhận. Bởi ông nghĩ: “Còn nhiều người xứng đáng hơn tôi như Đặng Thai Mai chẳng hạn, sao các anh không trao mà lại trao cho tôi”.

Ông cũng “va” vào một tranh cãi khác trong nghệ thuật – quanh tác phẩm **Kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan**. Số đông, cũng là phái “vị nhân sinh” khi đó hết lời ngợi ca giá trị hiện thực và nhân đạo mà tác phẩm chuyển tải. Nhưng Hoài Thanh ở phía đối lập với số đông này. Ông cho rằng **giá trị của Kép Tư Bền chỉ nằm ở những “câu văn ngộ nghĩnh” được “lấp vào những cốt truyện không có gì”**.

Cuộc tranh luận gay gắt ấy đã trở thành vụ án đình đám trong giới phê bình nghệ thuật những năm 30-40 của thế kỷ 20. Mặc dù vậy, “tình đồng chí” giữa Hoài Thanh và Nguyễn Công Hoan sau này vẫn gắn bó, thân tình như ruột thịt. Hoài Thanh vẫn hết lòng chăm sóc, lo lắng cho gia đình Nguyễn Công Hoan lúc ốm đau, cơ nhỡ. “Ông là người ăn ở với ai cũng thế, luôn luôn vì người khác...”, nhà văn Lê Minh – con gái nhà văn Nguyễn Công Hoan – chia sẻ.

Thành thực với sự nhạy cảm trời phú. Thành thực với quan điểm của mình ngay cả khi nó là số ít. Nhân hậu với bạn bè, chia sẻ với đồng nghiệp ngay cả khi mình cũng nghèo, cũng thanh bạch. Suốt cuộc đời, Hoài Thanh là nhà phê bình thành thực, mặc áo lương, đi guốc mộc. Suốt một đời lương thiện ấy, ông bị “áo cơm ghì sát đất” nhưng vẫn có những tháng ngày mang án “văn chương phú hào”.

Hoài Thanh (1909-1982) tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên, là nhà phê bình của văn học Việt Nam hiện đại với công trình nổi tiếng Thi nhân Việt Nam (viết chung với Hoài Chân). Tuy nhiên, *tác phẩm từng bị chính nhà phê bình chối bỏ. Ông đã quyết tâm lột xác, tự phủ nhận con người tôn thờ cái đẹp thuần khiết trong mình để đến với cách mạng.* Nhưng đó mới chính là tác phẩm lưu danh của ông với trên 40 lần tái bản. Cũng chưa một công trình nghiên cứu nào về Thơ Mới có thể vượt qua nổi nó.

Thuộc thế hệ trí thức Tây học đầu thế kỷ 20 song ông vẫn mang những nền tảng vững chắc từ truyền thống Hán học của gia đình. Những tác phẩm với lối phê bình ấn tượng, uyên bác và tinh tế: Văn chương và hành động, Thi nhân Việt Nam, Quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du... đã đưa ông trở thành một trong những nhà phê bình có sức ảnh hưởng lớn trong lịch sử văn học.

## Hoài Thanh, văn nô hay phê bình gia chân chính, hậu xấu xí Nguyễn Mạnh Trinh

Trong nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, người phê bình văn học đóng vai trò của một “búa rìu” để răn đe những người bước đi chệch khỏi hướng đã được định sẵn. Trong những năm giữa của thập niên 50, trong những biến cố văn học như vụ đàn áp nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, những nhà phê bình như Hoài Thanh đã đóng vai trò xung kích và là nòng cốt cho những màn “*Phê bình và tự phê bình*” mà thực chất là những màn đấu tố công khai khốc liệt. Nhưng, theo những tư liệu mà nhà văn Lại Nguyên Ân đã có thì cái chủ trương ấy cũng đã thay đổi theo những diễn tiến chính trị ở hai nước Cộng sản là Trung Cộng và Liên Xô. Khi Mao Trạch Đông phát động phong trào trăm hoa đua nở thì ở Việt Nam cũng có nhiều chuyển biến theo. Nhưng khi Liên Xô có chủ trương xét lại của Krushev thì ở Việt Nam cũng có những chuyển biến tương tự.

Mà những thay đổi chính trị ấy liên quan đến văn học rõ ràng nhất là ở trường hợp Hoài Thanh. Tiền hậu bất nhất, lúc được lệnh của cấp trên bật đèn xanh, Hoài Thanh đã chủ trì cuộc đấu tố văn học nhà văn Trần Dần lúc đó không có mặt vì đang bị cải tạo lao động. Phê bình bài thơ “*Nhất Định Thắng*” của Trần Dần đăng trong Nhân Văn Giai Phẩm, Hoài Thanh viết Bài “*Vạch tính chất phản động của bài “Nhất Định Thắng” của Trần Dần*” với những quy chụp nặng nề, và cũng chính Hoài Thanh đã chủ trì một cuộc đấu tố văn học mà báo Văn nghệ đã mô tả như sau:

“... Trần Dần đã viết nên những câu thơ hần học xuyên tạc và bôi nhọ cái thực tế đẹp đẽ của miền Bắc chúng ta. Anh Văn Giáo đã đứng lên vạch cái chân tướng ấy của thơ Trần Dần” Bài Thơ Nhất Định Thắng của Trần Dần là kết quả sự sa ngã của người viết vào những cặn bã mà đế quốc đã để lại ở đây. Với bài thơ ấy, Trần Dần đã đi vào cá nhân chủ

nghĩa, nghệ thuật vị nghệ thuật do đó đã hóa ra thảm hại khiếp nhược. Cái nhìn của Trần Dần là cái nhìn kém lập trường phản nhân dân của kẻ địch”.

Lời nói của Văn Giáo đầy nhiệt tình và căm giận. Và đó cũng là ý nghĩ nổi lòng chung của anh chị em có mặt trong buổi họp. Cùng một nhận định ấy, phát triển trong nhiều khía cạnh khác nhau. Tú Mỡ, Nguyễn Tuân, Trần Cư, Trúc Đường, Lương Ngọc Trác, chị Thanh Hương, chị Ngọc Khanh, Nguyễn Văn Bông, Nguyễn Xuân Huy, ... đều phát biểu ý kiến của mình. Một người ngồi xuống là hàng chục cánh tay khác đã giơ lên xin nói. Càng đi sâu vào những chứng minh cụ thể càng thấy rõ những sai lầm nghiêm trọng và tư tưởng phản động của bài thơ Trần Dần...”

Và: “... Anh Sỹ Ngọc, Văn Cao và một vài anh em khác đã có bài trong Giai Phẩm 1956 cũng đã lần lượt phát biểu ý kiến của mình và đều nhận thấy sai lầm lớn của mình đã để in lên một bài thơ như bài thơ của Trần Dần.

Quá nửa đêm ý kiến phát biểu vẫn còn nhiều. Nhưng với một bài thơ như vậy, việc phân tích và phê phán cũng đã khá đầy đủ anh Hoài Thanh thay mặt chủ tịch đoàn tổng kết cuộc thảo luận...”

Hoài Thanh còn phê phán nặng nề hơn:

“Miền Bắc trong bài Trần Dần hoàn toàn không giống với miền Bắc thực của chúng ta. Mới xem lướt qua có người tưởng lầm là Trần Dần chỉ nói đến những khó khăn. Nhưng xem lại thì thấy rõ Trần Dần đã xuyên tạc và vu khống miền Bắc. Trần Dần đã tạo ra một miền Bắc đen tối và ngột ngạt. Bốn lần Trần Dần day đi day lại cái hình ảnh mưa rơi trên cờ đỏ, cố gây một ấn tượng âm u đối với thực tế tươi sáng của chúng ta. Phải chăng vì một thứ phiền muộn vẩn vơ nào đây mà Trần Dần nhìn cảnh vui lại hóa ra cảnh buồn? Nhưng nếu chỉ có thế thì cũng chỉ là một sự sai lầm bình thường như nhiều sai lầm khác trong các tác phẩm văn nghệ của chúng ta. Đối với những sai lầm ấy, người đọc chỉ phê bình một cách thân ái. Trái lại bài của Trần dần đã làm cho hầu hết mọi người đọc đều phẫn nộ. Hội Văn Nghệ Việt Nam có tổ chức một buổi họp để nhận định về bài này. Không khí buổi họp rất sôi nổi anh chị em văn nghệ miền Bắc, miền Nam, vùng tự do cũ và mới giải phóng ai cũng muốn được phát biểu ý kiến để nói lên sự phẫn nộ của mình. Vì sao vậy? Vì mọi người đã nhận thấy đây không chỉ là sai lầm mà chính là một lời vu khống...”

Nhưng, khi ở Liên Xô có sự thay đổi khi Kruschev kế vị Stalin tạo phong trào sửa sai cũng như phê phán tệ đoan sùng bái lãnh tụ thì ở Việt Nam cũng thay đổi theo. Và, Hoài Thanh sau khi đã đóng vai trò xung kích trong việc kết tội Trần Dần thì lại sám hối và viết: “Tôi đã sai lầm như thế nào trong việc phê bình bài “Nhất định thắng” của anh Trần Dần”.

Ông phê bình gia văn nô này tự đấm ngực xưng tội một cách vô cùng thảm thiết:

“... vẫn sự lầm lẫn nghiêm trọng ấy trong bài phê bình của tôi đăng trên báo Văn nghệ. Trong bài này tôi đã nói tính chất phản động của bài Nhất Định thắng, bài thơ ấy chứa đựng những tư tưởng phản động và tôi đã dùng hai chữ phản động không cân nhắc. Nhưng thực ra không phải chỉ là vấn đề dùng chữ. Toàn bài phê bình của tôi đều cùng một tinh thần ấy. Tôi nói tôi không kết luận về người chẳng qua chỉ có nghĩa là tôi không nói Trần Dần là ở trong một tổ chức của địch. Kết luận thế nào được? Có chứng cứ gì đâu mà kết luận? Nhưng trong ý nghĩ của tôi thì đúng là địch rồi dầu chưa có thể kết luận là ở trong một tổ chức của địch. Tôi nhớ từng câu từng chữ để chứng minh rằng tác giả đã cố ý nói xấu chế độ ta cố ý vu khống miền Bắc. Nay tôi bình tĩnh đọc lại bài Nhất Định Thắng thì thấy tuy có câu không được rõ nghĩa nhưng không có gì để kết luận như thế. Không có chứng cứ mà kết luận như vậy thực là coi rẻ một cách quá đáng sinh mệnh chính trị của một người. Do đâu mà tôi đã có kết luận như vậy?...”

Như con tắc kè, xanh đỏ tùy lúc, nhà phê bình của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ấy đã thay đổi tùy thời và nhận định phê phán văn học chỉ có một mục đích là làm cần câu để câu danh vọng và tiền bạc. Nhưng, trước năm 1945, trong dòng văn học tiền chiến, Hoài Thanh đâu có tệ hại như vậy?

Có người hỏi: Hoài Thanh, phê bình gia của thời tiền chiến hay thời văn học xã hội chủ nghĩa? Trả lời câu hỏi ấy, có lẽ chúng ta phải đi ngược lại từ những năm mà thơ mới nở rộ với biết bao nhiêu bài thơ tuyệt tác mà tác giả Thi Nhân Việt Nam đã giới thiệu và làm nổi bật nét đặc sắc. Rồi cũng phải kể đến một thời văn học bị chính trị chỉ đạo và phê bình là mũi dao kề vào thân thể nhà văn để bắt đi vào con đường đã được chỉ đạo.

Hoài Thanh (1909-1982), nhà lý luận phê bình có tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên sinh ngày 15 tháng 7 năm 1909, quê gốc Nghi Trung, Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An và mất ngày 14 tháng 4 năm 1982 (theo tiểu sử trong Nhà Văn Việt Nam Hiện Đại của Hội Nhà Văn).

Ông và Hoài Chân đã viết *"Thi Nhân Việt Nam"*, một cuốn sách nhận định về thơ in từ năm 1941 nhưng đến nay vẫn được coi là một tác phẩm phê bình có giá trị và vẫn còn là khuôn thước văn chương tồn tại qua thời gian. Bài viết đề tựa tác phẩm là những nhận định sâu sắc về lại một thời đại thi ca với nhiều bài thơ vẫn gây được xúc động cho những người yêu thơ dù cả mấy chục năm sau. Phong cách lựa chọn cũng chính xác và vô tư, và chính điều này đã tạo thành giá trị cho quyển sách.

Nhà phê bình là người yêu thơ rất mực nhưng cũng có những tâm sự mà tới nay những người đồng điệu vẫn còn chia sẻ. Trong phần kết thúc quyển sách, chương *"Nhỏ, to, ..."*, tác giả *"Thi Nhân Việt Nam"* viết:

*"... Khi tôi bắt đầu viết quyển sách này, đây đó người ta bảo tôi: "Cây leo thà leo cây đã chứ leo gì những loài thảo mộc nhỏ." Nhưng dầu tôi có tự rề rúng đến đâu cũng không bao giờ nuôi cái mộng làm một cây leo, nghĩa là cái mộng "hỏi" chút danh thừa. Tôi biết quyển sách này ra đời sẽ chỉ đưa về cho tôi một mớ ác cảm. Hàng trăm người sẽ bảo tôi mù vì không trích thơ họ. Những người thơ, trích ít sẽ nghĩ đáng lẽ phải trích thơ họ nhiều hơn. Những người, thơ trích nhiều sẽ khó chịu vì thấy tên mình bên cạnh những tên họ khinh rẻ. Và, bạn nữa, hỏi người bạn không quen biết! Tôi biết bạn cũng sẽ trách tôi sao lại trích nhiều bài thơ bạn thấy dở và bỏ sót nhiều bài bạn cho là hay..."*

Tới bây giờ, ở mấy chục năm sau, vẫn có người còn cho rằng những công việc như phỏng vấn tác giả, giới thiệu sách, đọc sách là những công việc của những dây tầm gửi nghĩa là như Hoài Thanh viết *"hỏi một chút danh thừa!!!"*. Nếu suy nghĩ rộng hơn một chút, giá trị của tự thân văn chương không ở những lời nhận định như thế làm giảm đi mà ở chính những cống hiến chân thực từ những việc làm kể trên đã trả lời một cách minh định. Hoài Thanh từ thuở ấy đã viết:

*"... Nhưng tôi là người thời bây giờ. Dẫu vui dẫu buồn, tôi muốn sống cái đời bây giờ đã. Có những bài thơ tôi say mê mà người sau sẽ thấy không có gì. Thì mặc kệ họ chứ. Nói gì người sau. Chính tôi ngày mai đây biết có còn rung động vì tất cả những bài thơ hôm nay tôi trích? Nghĩ như thế nên hôm nay tôi hết sức rộng rãi với tôi. Bài thiệt hay trích đã đành, bài hay vừa tôi cũng trích. Lại có khi trong một bài chỉ được bốn năm câu; nếu những câu ấy không dẫn vào trong bài tôi viết tôi cũng đành trích trọn bài thơ. Tôi sợ thiếu không sợ thừa. Tôi muốn ghi hết những vui buồn của thời đại. Tôi chỉ dè dặt với những nhà thơ ai cũng biết. Xuân Diệu có 15 bài trích, nhưng ngoài 15 bài ấy vẫn còn nhiều bài hay. Các nhà thơ có tiếng, đại khái đều thế. Ngoài ra với các nhà thơ ít người biết, hễ bài nào trích được là tôi trích..."*



(Tác Phẩm của Hoài Thanh và Hoài Chân)

Ở thời kỳ mà Hoài Thanh và Hoài Chân viết “*Thi Nhân Việt Nam*”, thơ mới đang ở trong một cao trào thịnh mãn. Và, những người phê bình cũng rất sắc bén một cách công tâm. Với con mắt nhìn tinh tế, thơ được chọn lựa để nhìn ngắm và phê với bình chuẩn xác biết bao. Phần đông những bài thơ được đề cập đến, tới bây giờ vẫn còn làm người yêu thơ rung động. Trong bối cảnh hình thành của thơ mới, xây dựng trên cái lối thời của thơ cũ, những thi sĩ đã mang cái nhịp sống mới ảnh hưởng từ văn chương Pháp hiện lộng thành những nét đặc trưng của một thời đại. Thời thế ấy, với những cánh cửa mở, quyền sách nhận định văn học như *Thi Nhân Việt Nam* đã góp công không nhỏ...

Trong bài giới thiệu của nhà văn Từ Sơn viết năm 1988 in trong “*Nhà Văn Việt Nam Hiện Đại*” đã có những đánh giá khá chuẩn xác dù đôi khi không phù hợp với đường lối và quan điểm văn học của Đảng khi nhận định về một thời đại văn học đã qua:

*“Hoạt động văn học của Hoài Thanh phong phú và trải ra ở một diện rất rộng, nhưng tên tuổi của nhà văn gắn liền với cuốn Thi Nhân Việt Nam. Trước lúc mất ít lâu, nhà văn đã tâm sự với con trai mình những điều tâm huyết: “Cha viết văn đã 50 năm nhưng công việc cha thích nhất là dạy học và bình thơ, bình thơ hay vô luận là của ai. Cha biết văn chương của cha cũng vậy thôi. Nếu không có cuốn Thi Nhân Việt Nam thì không chắc gì người ta đã công nhận cha thực sự là một nhà văn. Một đời làm văn của cha chỉ tìm cái hay, cái đẹp để bình. Đó là điều ham muốn của cha. Vậy mà cha đã vấp phải khối chuyện phiền: kẻ yêu người ghét... cha biết vậy nhưng không thể sống khác, viết khác cái tạng của mình. Điều mà cha có thể hoàn toàn yên tâm và tự hào trước lúc đi xa là cha đã sống và viết hoàn toàn trung thực...”*

Chúng ta có thể tin tưởng vào cái “*tâm huyết*” của nhà văn Hoài Thanh không? Cũng như chúng ta có thể tin vào những bài thơ cuối đời của Chế Lan Viên khi nhìn lại những công việc bút mực của mình với nỗi xót xa hồi tiếc? Hay là, với áp lực lúc nào cũng đang treo trên đầu, những người cầm bút chỉ là những robot hoạt động theo lệnh của “*lãnh đạo*”. Trong suốt một hành trình văn học dài, chúng ta thấy rất nhiều trường hợp tác giả phải tự từ bỏ những tác phẩm tâm huyết của mình. Không phải chỉ những người bị trừ dập mà ngay cả những quan chức văn nghệ cũng bị chính sách Phê bình và tự phê bình chi phối. Ngay đến nhà văn Nguyễn Đình Thi, Tổng thư ký Hội Nhà Văn bao nhiêu đời mà cũng phải chịu nhìn nhận và từ bỏ một cách gián tiếp những bài thơ mới tâm đắc hoặc những vở kịch nhiều suy tư sáng tạo của mình. Và, ở trường hợp Hoài Thanh, cũng năm lần bảy lượt nhìn lại tác phẩm của mình tự phê phán tự khe khắt để mong làm vừa lòng “*lãnh đạo*” và còn có chỗ để sinh tồn trong thị trường bút mực. Dưới đây, tôi xin dẫn chứng một vài điều mà tôi ghi nhận được.

Nhà thơ Xuân Sách, với “*Chân Dung Nhà Văn*” trong những bài thơ vẽ lại những khuôn mặt tiêu biểu của các tác giả hiện đại đã phác họa diện mạo văn chương Hoài Thanh như sau với nhiều châm chích mỉa mai:

*“Vị nghệ thuật nửa cuộc đời.*

*Nửa đời sau lại vị người ngồi trên  
“Thi nhân” còn có chút duyên  
Lại vò cho nát, lại lèn cho đau  
Bình thơ đến thuở bạc đầu  
Vẫn chưa thể tắt nỗi câu ân tình  
Giật mình mình lại thương mình  
Tàn canh, tỉnh rượu, bóng hình cũng tan”*

Kể cũng đau cho nhà phê bình cự phách qua cái nhìn quan sát của nhà thơ!!!

Viết “*Thi Nhân Việt Nam*”, Hoài Thanh có cái dũng lược của một người yêu thi ca và sẵn sàng vì công tâm mà không ngại sự yêu ghét của những người bị phê phán. Đó là thời kỳ văn học mà Thực dân Pháp còn ngự trị trên đất nước ta. Dù trong gông xiềng nô lệ mà vẫn viết được những nhận định trong sáng và làm nổi bật được một thời kỳ văn học nhiều khai phá với những công trình thi ca rực rỡ.

Sang thời kỳ văn học kháng chiến chống Pháp đến văn học Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thì nhà phê bình Nguyễn Đức Nguyên tức Hoài Thanh lại đổi tính. Nửa đời trước thì vị nghệ thuật nhưng nửa đời sau “*lại vị người ngồi trên*”. Hồi trước, Hoài Thanh khen thơ mới với những kiện tướng như Thế Lữ, Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng,... thì sau này nhà phê bình lại khen hết mực những Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Trường Chinh,... những “*lãnh đạo*” nắm quyền sinh sát cả nước. Hoài Thanh khen thơ Nguyễn Ái Quốc để nịnh Hồ Chí Minh cũng như khen thơ Sóng Hồng để lấy lòng Trường Chinh... Phải chê bai cái đã qua để làm nổi bật lên cái thời bây giờ dù thơ Hồ Chí Minh nhiều khi vay mượn hoặc nôm na một cách quái dị hay thơ của Trường Chinh tức nhà thơ Sóng Hồng chỉ là những kêu gọi hoặc phẫn nộ giả trá viết để làm tròn cái chủ tâm chính trị...

Năm 1951, Hoài Thanh viết và in “*Nói chuyện thơ kháng chiến*” và sau này chép lại nguyên văn trong “*Toàn Tập Hoài Thanh*” năm 1999. Đề cập đến thời kỳ ấy, ông viết: “*Trong cuộc chiến tranh nhân dân của chúng ta, tiếng súng, tiếng nhạc, tiếng thơ cùng hòa điệu... Thơ gắn liền với vấn đề tư tưởng, vấn đề công tác, vấn đề hành động...*”

Nhà phê bình thời tiền chiến đã lột xác để thành nhà phê bình khác đem văn chương phục vụ những mục tiêu chính trị. Trong chương “*Nhìn lại thơ cũ 1932-1945*” ông đã tự kiểm điểm những điều đã viết từ trước và nhiều khi đã tỏ ra tự khe khát và nghiêm khắc khác thường đến khó hiểu. Ông gọi những bài thơ đã trích dẫn và bình chọn trong Thi Nhân Việt Nam là “*loại thơ cũ tư sản và tiểu tư sản*” cũng như “*Thơ mới có cái yếu đuối vị kỷ vì nó đã tách cái tôi riêng của nó, hay nói đúng hơn, cái tôi riêng của giai cấp nó ra ngoài cái ta chung của dân tộc, của nhân loại..*”

Và: “*Ngày trước hay bây giờ những câu thơ buồn nản hay mộng mơ vẫn vợ cũng đều là bạn đồng minh của giặc. Giặc chỉ có thể xây dựng cơ đồ của chúng trên phần bạc nhược của con người. Chúng ta có không dám làm người thì chúng nó mới có khả năng làm giặc...*” Hay “*... Những vần thơ buồn tủi bơ vơ ấy là những vần thơ có tội, nó xúi người ta buông tay cúi đầu, do đó làm yếu sức ta và làm lợi cho giặc....*”

Nhận xét như thế, Hoài Thanh đã gom chung tất cả những người cầm bút thời trước là “*giặc*”. Cũng như, sau này Trần Trọng Đăng Đàn đã phê phán tàn mạt hai mươi năm văn học miền Nam (1954-1975) để đạt danh hiệu tiến sĩ và thành một cái loa đánh phá vùi dập những giá trị văn chương không phải của riêng miền Nam mà của cả dân tộc.

Mà, trong bài tựa Thi nhân Việt Nam thì lại viết:

*“... Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi. Mắt bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu.*



*Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta  
ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.*

*Cả trời thực, trời mộng vẫn nao nao theo hồn ta.*

*Thực chưa bao giờ thơ Việt Nam buồn và nhất là xôn xao như thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất  
luôn cả cái bình yên thuở trước...”*

Hoài Thanh viết về những nhà thơ của thời tiền chiến lúc trước thì tìm những cái hay cái đẹp  
bao nhiêu thì sau này kiếm tìm những cái dở cái xấu bấy nhiêu. Thử hỏi, điều gì đã thúc đẩy  
ông làm công việc đó?

Thế mà, chưa đủ. Hai năm sau, ông lại viết một bài khác, đăng trên tạp chí Văn Nghệ, cơ quan  
ngôn luận chính thức của Hội Nhà Văn bài *“Tự phê bình về quyển Nói chuyện thơ kháng  
chiến”*. Một bài viết chứng tỏ cái tư cách không đứng đắn! Đến nỗi một nhà văn nổi tiếng là  
giáo điều như Hồng Diệu đã phải viết trong Văn Nghệ Quân Đội số tháng 10 năm 1999 những  
nhận định khá nặng nề:

*“... Tuy vậy, đọc bài Tự Phê bình về quyển nói Chuyện thơ kháng chiến do chính Hoài  
Thanh viết hai năm sau khi quyển sách ra đời, đăng trên tạp chí Văn Nghệ số 42 (8-1953)  
chắc người đọc rất khó đồng tình. Hoài Thanh đã quá khe khắt khi đặt cho Nói Chuyện Thơ  
Kháng Chiến và tác giả của nó-tức là ông- những yêu cầu rất khó thực hiện, hoặc không  
thể thực hiện vào thời điểm ông viết quyển sách....”*

Và: *“... bài Tự Phê Bình...” của Hoài Thanh cũng chỉ là một trong một loạt các bài khác như  
“Nhìn rõ Sai Lầm” của nhà văn Nguyễn Tuân, “Dứt Khoát” của nhà thơ Xuân Diệu, “Nhìn  
Thẳng về Tương Lai” của nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, “Tin Tưởng” của nhạc sĩ Nguyễn  
Xuân Khoát, “Quyết Tâm và Tin Tưởng” của nhạc sĩ Lê Yên đăng trên tạp chí Văn Nghệ số  
41 (7-1953) hay “Tôi đã trở về với nhân dân lao động” của họa sĩ Nguyễn Sáng đăng trên  
tạp chí Văn Nghệ số 44 (10-1953)... Chúng có “cao giọng” nhưng thể hiện rõ quyết tâm  
của những văn nghệ sĩ đã từng “nặng nợ” với chế độ cũ, đã từ những chân trời khác nhau  
nay đứng trong đội ngũ những chiến sĩ cách mạng đem hết sức mình cống hiến cho sự  
nghiệp giải phóng dân tộc...”*

Có phải, nhà phê bình nhận định văn học đã khá hối tiếc khi viết về những người mà mình đã  
từng xưng tụng, đã từng đọc và bình với cả tấm lòng:

*“... Song cũng nên thể tình cho con người trong thơ cũ. Nó đáng thương hơn là đáng trách.  
Cái buồn tủi, cái bơ vơ của nó chứng rằng nó cũng là một kẻ trầm luân trong bể khổ của  
chế độ thực dân. Nó không đứng trên một Bến Giác tưởng tượng nào để uống rượu, ngâm  
thơ mà mỉm cười nhìn xuống chúng sinh, như những nhà thơ ca tụng cảnh nhàn trong thời  
phong kiến...”*

Trong *“Nói chuyện thơ kháng chiến”* Hoài Thanh có những lập luận khá tức cười. Như nhận  
xét về những câu ca dao Trần Thủ Lưu Đồn:

*“Ba năm trấn thủ lưu đồn  
Ngày thì canh điểm tối dồn việc quan  
Chém tre dẫn gỗ trên ngàn  
Hữu thân hữu khổ phân nàn cùng ai  
Miệng ăn măng trúc miệng mai  
Những giang cùng nửa lấy ai bạn cùng  
Nước giếng trong con cá nó vẫy vùng...”*

Hoài Thanh viết: *“Anh lính thú lưu đồn ngày xưa kêu khóc thảm thiết: Hữu thân hữu khổ  
phân nàn cùng ai.”*

Thực ra cái khổ của anh không phải vì chém tre, đẵn gỗ, vì măng trúc, măng mai. Anh khổ vì thiếu sự nâng đỡ của nhân dân và do đó phản lại chính mình anh nữa.

Từ buổi bước ra đi, con người của anh đã không còn là con người thống nhất. Bao vàng, nón dẫu, súng hỏa mai, giáo trên mình anh thất, đội, mang, cấp, nhất nhất đều do lệnh quan sai; chân anh bước cũng do tiếng trống giục quan sai. Con người giả, con người công cụ ấy choán hết cả bài thơ, nó đè nặng lên con người thực. Một cái gì nghẹn ngào trong bài thơ. Đến khi con người thực vụt hiện ra được ở cuối bài thơ thì câu thơ bỗng khóc òa lên, người ta không trông thấy gì ngoài những dòng nước mắt.

*“Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa...”*

Thú thực, tôi suy nghĩ mãi mà chẳng hiểu người lính thú tội nghiệp kia tại sao lại khổ sở vì *“thiếu sự nâng đỡ của nhân dân”*. Không khổ vì ăn uống kham khổ, không mệt vì công việc chém tre, đẵn gỗ khổ sai? Để rồi, vì thiếu sự nâng đỡ của nhân dân đến nỗi phản lại chính mình. Sự bội phản này xem chừng hơi khó tưởng tượng đối với những đầu óc có suy nghĩ bình thường. Có lẽ, con người phê bình hiện thực xã hội chủ nghĩa đã sản sinh ra lối lý luận văn học quái đản như trên! Nếu nói rằng người lính thú phải trấn thủ lưu đồn ở những vùng xa, nhớ thương gia đình, đời sống thiếu thốn, công việc khổ sai nặng nhọc nên tức cảnh sinh tình ra những câu ca dao nào nuốt như trên thì còn nghe được chữ gài thêm vào những nhân dân, những con người thực, con người giả chỉ làm cho cảm xúc của người nghe bị giảm đi và những câu ca dao mất đi cái lõi cuốn chia sẻ. Thế mà, nhận xét như vậy lại được khen là tinh tế. Không biết có phải vì viết như thế là phải đạo, đúng đường lối chính sách, phù hợp với chính sách đấu tranh giai cấp...

Hoài Thanh thời tiền chiến thì ngược lại. Viết trong Thi Nhân Việt Nam, nhà phê bình mở rộng tầm lòng biết bao.

*“... Cho nên gặp thơ hay, tôi triền miên trong đó. Tôi ngâm đi ngâm lại hoài, cố lấy hồn tôi để hiểu hồn người. Thỉnh thoảng có nói đến cái dở là cũng cốt cho nổi cái hay mà thôi. Chứ dở thì giữa đời thiếu gì mà phải đi tìm trong thơ! Nói chắc bạn không tin, nhưng thật tình tôi chẳng muốn chê ai mà cũng chẳng muốn khen ai. Tôi chỉ muốn hiểu cho đúng- không phải cho đủ- hình sắc các hồn thơ.*

*Và như thế tôi đã phải cố gắng nhiều lắm. Vì trong các nhà thơ cũng nhiều người tôi đã gặp giữa đời. Có người thơ tuyệt đẹp mà đối với tôi lại toàn những cử chỉ rất mực xấu xa. Họ phũ phàng, họ nhỏ nhen... Nhưng thôi tôi nói ra làm gì. Những cử chỉ xấu kia là bề ngoài; phần sâu sắc nhất trong tâm hồn họ đã ghi lại nơi những vần thơ đẹp. Tôi tin như thế. Đừng ai làm tôi hết lòng tin.*

*Trái lại, có những nhà thơ tử tế với tôi vô cùng mà thơ của họ tôi lại chỉ thích... có hạn. Nếu bảo rằng tôi không ái ngại người này, không khinh ghét người kia thì e không thực. Nhưng ái ngại hay khinh ghét khi xem thơ tôi chỉ biết có thơ. Tôi không hề nghĩ đến danh vọng của người hay của tôi. Danh vọng quý thật nhưng còn điều quý hơn danh vọng, quý hơn hết thảy: lòng ngay thẳng, mà ít nhất cũng phải giữ trọn trong văn chương...”*

Tôi đọc Thi Nhân Việt Nam để cảm thông với tấm lòng yêu thơ rất mực đến nỗi quên tất cả những gì quý giá trên đời. Thế mà, công trình một đời tâm huyết như thế lại nhiều khi bị chính tác giả của nó từ chối giá trị. Phê bình và tự phê bình, phản tỉnh để tự gạt bỏ cái cũ. Thật đáng thương cho người yêu thơ. Tuyển Tập Hoài Thanh với bốn quyển sách đồ sộ bề dày hơn ba ngàn trang mà hình như ít thấy bóng dáng những lời bình thơ sang sảng thuở xưa. Chỉ thấy có mặt những Nói Chuyện Thơ Kháng Chiến, Nam Bộ Mến Yêu, Chuyện miền Nam, Phê bình và Tiểu Luận. Ôi, còn đâu những lời hùng hồn vị nghệ thuật. Còn đâu cái tâm vọi vọi trời cao. Đẽ, có một lúc. Tàn canh, tình rượu, bóng hình cũng tan....

## Hoài Thanh Nguyễn Đăng Mạnh

Tôi được tiếp xúc với Hoài Thanh nhiều lần.

Hồi công tác ở một cơ quan của Tỉnh đảng bộ Thái Nguyên, tôi đã được nghe ông nói chuyện về thơ kháng chiến, tại một địa điểm ở thị trấn Phúc Trìu. Tiếp đó tôi học ở trường sư phạm trung cấp trung ương (đóng ở Chợ Ngọc, Tuyên Quang). ở đây tôi lại được nghe ông nói về đề tài ấy một lần nữa. Cả hai lần đều vào năm 1949.

Khi tôi về học ở Đại học sư phạm Hà Nội (từ 1957 – 1960) thì ông đến dạy mấy bài về văn học Việt Nam thời trung đại: *Kiều, Cung oán, Hoa Tiên, Phan Trần...*

Sau này, được giữ lại làm cán bộ giảng dạy đại học, lúc đầu ở Đại học Sư phạm Vinh, sau ở Đại học Sư phạm Hà Nội, tôi luôn đến ông để hỏi về tình hình văn học thời trước cách mạng tháng Tám và về kinh nghiệm phê bình văn học (khi ở Nguyễn Thượng Hiền, khi ở Trần Quốc Toản).

Hầu hết những ghi chép của tôi về ông, tôi đã sử dụng trong bài chân dung đặt tên là “*Hoài Thanh, con người sinh ra để đọc thơ, bình thơ*”. ở đây tôi chỉ xin ghi một số điều về ông mà tôi chưa có dịp viết ra hoặc viết ra chưa đầy đủ.

Có lẽ một trong những điều khổ tâm nhất của Hoài Thanh là hầu hết các cây bút cùng thời với ông và cùng theo cách mạng như ông, đều gọi ông là “thằng nịnh” (Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên...)

Cho nên Xuân Sách có thơ:

*Vị nghệ thuật nửa đời người*

*Nửa đời còn lại vị người cấp trên.*

Tôi nghe nói, hồi kháng chiến chống Pháp, ở chiến khu Việt Bắc Hoài Thanh luôn luôn sát cánh với Tố Hữu, luôn gần gũi trò chuyện thân mật với Tố Hữu, trong khi anh em khác thường lảng đi chỗ khác, sợ mang tiếng cầu thân với cán bộ lãnh đạo. Tâm lý anh trí thức thường như thế. Và họ phản ứng với thái độ của Hoài Thanh.

Tôi thì cho rằng, Hoài Thanh là con người sống bằng tình cảm. Hồi cách mạng tháng Tám, ông ở Huế. Lúc ấy Tố Hữu còn rất trẻ mà đã làm chủ tịch uỷ ban khởi nghĩa của Huế. Một thanh niên vào tù ra tội, lại là một thi sĩ thật sự và cũng mê *Kiều* như ông, hợp với ông, nên ông phục lắm. Tố Hữu cũng rất quý và tin cậy Hoài Thanh. Khi được gọi ra Bắc để lãnh đạo văn nghệ, người đầu tiên Tố Hữu cần gặp là Nguyễn Tuân. Tố Hữu đã nhờ Hoài Thanh đến Nguyễn Tuân, thương lượng và hẹn thời gian, địa điểm gặp (Nguyễn Tuân hẹn gặp ở nhà hàng Thủy Tạ bờ hồ Hoàn Kiếm). Tố Hữu còn là chỗ dựa về chính trị của Hoài Thanh nữa.

Từ Sơn, con Hoài Thanh, có lần nói với tôi: có một bữa, ông Hoài Thanh nằm trên giường, có vẻ mệt. Bỗng ông nói với con: “Cha mà không có anh Lành thì Bùi Công Trùng nó giết cha rồi!” Té ra là thế! Cái chuyện vị nghệ thuật, vị nhân sinh có chết ai đâu mà những ông cộng sản làm to chuyện thế, và thù dai thế! Người ta đã đi theo cách mạng, theo kháng chiến bao năm rồi mà vẫn không tha (cho mãi đến kỳ tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I (1996), họ cũng không tặng cho Hoài Thanh, trong khi sẵn sàng tặng cho Hà Xuân Trường, Hồ Tôn Trinh, tuy sự nghiệp của hai vị này có đáng gì đâu so với Hoài Thanh). Tôi cứ nghĩ mãi, không hiểu sao, đối với trí thức, các ông cộng sản lại hẹp hòi và ngu xuẩn đến thế. Chính các ông ấy, đã làm hại cách mạng nhiều lắm.

Anh Từ Sơn còn cho biết, hồi Hoài Thanh phụ trách tuần báo *Văn nghệ*. Có một số báo, trang đầu in ảnh Trường Chinh. ảnh bị cái tít in quá đậm ở mặt sau làm mờ đi. Trường Chinh gọi Hoài Thanh đến nói: “*Anh in ảnh tôi như thế này à?*” Hoài Thanh sợ quá, cứ đi lang thang ngoài đường, vô cùng hoang mang. Cái án vị nghệ thuật trở thành cái án chính trị, vẫn như lưỡi gươm lơ lửng treo trên đầu.

Đúng vậy, Hoài Thanh là con người chủ yếu sống bằng tình cảm. Cái tạng ông nó thế (Người ta từng cho ông thuộc loại phê bình tình cảm – để phân biệt với phê bình lý trí, phê bình khoa học chủ nghĩa scientisme). Cho nên, ông có quan hệ đặc biệt với Tố Hữu, viết rất say sưa về thơ Tố Hữu, tập thơ nào của Tố Hữu ra đời cũng lập tức có một bài phê bình rất tâm huyết của ông. Đó, cũng là do cái nợ tình, nợ nghĩa mà ra.

Nhưng cái: “án chính trị vị nghệ thuật” chắc cũng làm cho ông phải lên gân lên cốt khi phủ nhận triệt để *Thi nhân Việt Nam*:

*Thi nhân còn một chút duyên*

*Chẳng cảm cho vũng lại lèn cho đau.*

(Xuân Sách)

Chẳng lẽ một con người giàu tình như ông mà lại dễ dàng dứt tình với đứa con tinh thần mà ông đã gửi cả tâm hồn vào đấy. Từ Sơn nói, cuối đời, có lần Hoài Thanh nói với anh: “Nhờ có cuốn *Thi Nhân Việt Nam* mà người ta mới coi cha là một nhà văn”.

Vậy mà ông lại phủ

nhận *Thi nhân Việt Nam* (*Nhìn lại phong trào Thơ mới và cuốn Thi nhân Việt Nam*) đến mức Trần Huy Liệu cho là quá đáng, và Tố Hữu thì nói: “*Hoài Thanh đã tát mình đau quá*”.

Cho nên tôi vẫn cứ ngờ ngợ thế nào về cái thái độ quá cứng, quá tả của Hoài Thanh. Tiếp xúc với ông, thấy ông luôn luôn nói lập trường cách mạng, lập trường giai cấp. Phải có tình cảm đúng, tình cảm đúng là tình cảm của giai cấp công nhân. Ông tỏ ra rất phục các lãnh tụ cộng sản, coi phát ngôn của các vị ấy là chân lý mình phải lấy làm chuẩn, kể cả những phát biểu về văn chương. Và ông không viết về các nhà Thơ mới nữa, mà chỉ chăm chăm viết về thơ Hồ Chí Minh, Sóng Hồng, Tố Hữu, hay các cây bút đang chiến đấu ở miền Nam như Lê Anh Xuân, Nguyễn Thi, Anh Đức... Cứ như là mỗi bài viết phải là một cuộc chiến đấu về tư tưởng theo gương những người cộng sản. Không biết ông có thật sự tin ở những điều mình nói, mình viết hay không – tôi cứ ngờ ngợ thế nào ấy.

Nhưng ý kiến của Hoài Thanh bên cạnh “phần cứng” cũng có những “phần mềm”. Ấy là khi ông phát biểu về những đối tượng khác. Nhiều nhận xét của ông khá thẳng thắn, không dè dặt, né tránh. Có lần ông nói với tôi về Viện Văn học và tờ *Tạp chí Văn học* do ông phụ trách (Lúc này Hoài Thanh làm Viện phó Viện Văn học, thư ký toà soạn *Tạp chí Văn học*): “*Viện Văn học của chúng tôi làm sao có uy tín được như *Tự lực Văn đoàn* ngày trước. Nó đưa ai lên là được lên. Nó hạ ai xuống là phải xuống*

*Bây giờ ta đang chống Mỹ (1967), tạp chí của chúng tôi vẫn ra được đều đều là coi như thắng Mỹ rồi. Mỗi số ra được đúng kì hạn là một trận thắng... Chứ thực ra nhiều bài có chất lượng gì đâu. Tôi khổ với các ông HMD, HSV quá, chữ nghĩa, câu văn, tôi cứ phải sửa rất nhiều mới đăng được.*”

Ông nói về Chế Lan Viên: “*Chế Lan Viên sắc sảo, nhiều sáng tạo khá hấp dẫn. Nhưng tôi cứ lờn vờn ý nghĩ về chỗ trung thực của anh. Cuốn *Thi nhân Việt Nam* của tôi có nhiều sai lầm. Nhưng điều tôi ân hận hơn cả là đã quá khen Chế Lan Viên. Thực thì chắc có thực, nhưng có thực đến mức ấy không? Có thật “*Hồn ai trú ẩn ở đâu ta*”, có thật có “*tâm hồn Chàm*” thế không? Có muốn trốn lên “*một tinh cầu giá lạnh*” thật không? Xuân Diệu thì chân chất, thật thà.*” Về Nguyễn Đình Thi, ông nói vắn tắt: “*Chưa bao giờ tôi đánh giá cao nhân cách của Nguyễn Đình Thi*”.

Hoài Thanh cũng đánh giá rất thấp con người Huy

Cận: “*Có người nhân cách tốt nhưng thơ lại không hay, như Thanh Tịnh. Có người nhân cách kém mà thơ lại hay, như Huy Cận*”. Đây là ông nói Huy Cận trước cách mạng, Huy Cận “*Lửa thiêng*”. Thơ Huy Cận sau cách mạng, ông cho là tầm thường (vulgaire) – Trong tập *Di bút*, ông có ghi lại cuộc trao đổi của ông với Trường Chinh ở chiến khu Việt Bắc hồi

kháng chiến chống Pháp về Huy Cận. Họ thống nhất với nhau: thơ Huy Cận vulgaire (Khi in tập *Di bút* thành sách, anh Từ Sơn ngại đụng chạm nên cắt bỏ đi, cả ý kiến của Hoài Thanh về văn của HMD nữa). Còn với tôi, ông nói: *“Huy Cận xưa hay hơn bây giờ. Bây giờ cũng có bài hay nhưng ít, càng làm càng dở. Xưa trong cái u uất nặng nề, anh chàng 16, 17 tuổi đó có nhìn thấy một góc, một khoảng trời rất trong, rất thơ. Nay có thể là tâm hồn không u ám nữa, tiến bộ, nhưng không có được khoảng trời rất trong như thế nữa.”*

Nguyễn Tuân không ưa Hoài Thanh, nói về ông nhiều câu rất ác. Nhưng nhận xét về Nguyễn Tuân, thái độ của Hoài Thanh vẫn rất công bằng: *“Nguyễn Tuân đích có thể lợi dụng, như trước cách mạng, nó tặng anh ấy giải thưởng Alexanore de Rhodes – Sau cách mạng thì bọn Nhân văn lôi kéo. Nhưng Nguyễn Tuân không bao giờ hạ mình làm những điều phi nghĩa. Nguyễn Tuân không phải Nhân văn, không bê tha truy lục trong sinh hoạt như cánh Nhân văn. Nguyễn Tuân thích phát hiện những cái lật vật, thứ yếu vì cho rằng những cái quan trọng ai cũng biết cả rồi. Nguyễn Tuân rất бурong. Cần góp ý kiến gì với anh ấy, chúng tôi phải nhờ anh Tố Hữu. Tố Hữu nói mới nghe, mà cũng nghe vừa phải thôi. Anh ấy cho giáo điều thì sinh ra xét lại. Vào Đảng như một thứ nhân sĩ, không gắn bó với một trách nhiệm cụ thể nào, coi mình như một thế giới uy, chính uy của thế giới, có trách nhiệm với toàn nhân loại. Cho nên chậm tiến. Đi trong kháng chiến như đi chơi, tuy đi chơi trong kháng chiến khác đi chơi trước cách mạng. Bài Tờ hoa của Nguyễn Tuân, Chế Lan Viên có công phát hiện, đã bỏ đi. Thế mà sau lại đăng báo được. Tờ hoa là có ý chửi cải cách ruộng đất. Cái gì quen đi rồi cũng thành nghề. Nguyễn Tuân có nghề chửi. Chửi rất ác. Không thể phê bình thân ái nội bộ được. Nguyễn Tuân cứ phải chửi ác. Nay vợ được thăng phi công Mỹ, tốt quá! Ta chửi Mỹ lâu rồi, song trước kia nó ở tận đâu đâu ấy, nay nó trực tiếp đánh ta, ta nhìn rõ mặt nó rồi. Cái nghề chửi của Nguyễn Tuân được dùng đến, rất tốt. Nguyễn Tuân ghét conformisme. Tôi cho tác dụng của Nguyễn Tuân còn lâu dài đối với cách mạng giải phóng dân tộc.”*

Hoài Thanh nói về Nguyên Hồng: *“Lắm lúc không biết anh ấy thật hay giả. Trên diễn đàn, đang nói, dừng lại: “Cho tôi khóc một lúc đã”. Nguyên Hồng cũng không gắn với một trách nhiệm cụ thể nào, nên chậm tiến bộ”.*

Hoài Thanh luôn luôn cho rằng phải sống gắn bó với quần chúng, có trách nhiệm cụ thể với cách mạng mới tiến bộ được.

\*\*\*

Nhìn chung cuộc đời Hoài Thanh, thấy ông có mấy cái thực sự trở thành niềm say mê: Một là say Thơ mới (1932 – 1945). Điều này, sau cách mạng ông đã quyết dứt bỏ. Nhưng chắc ở chỗ sâu kín của tâm hồn, vẫn không dứt bỏ được.

Hai là say *Kiều*. Trước cách mạng thì không nói làm gì. Ông đã ca tụng câu nói mà ông cho là “can đảm” của Phạm Quỳnh: *“Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn”*. Và ông đã trân trọng ghi lên trang đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam* câu thơ của Nguyễn

Du: *“Của tin gọi một chút này làm ghi”*.

Sau cách mạng, ngay trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, ông đã viết ngay một cuốn sách về *Kiều*: *Quyền sống của con người trong Truyện Kiều*. Ông ca ngợi Nguyễn Du trong dịp kỷ niệm 200 năm sinh của nhà thơ, rồi ông dạy *Truyện Kiều* ở Đại học Sư phạm Hà Nội...

Trong những cuộc tiếp xúc với ông, tôi thấy khi nói về quá trình phấn đấu về tư tưởng để có được lập trường của đảng, có được tình cảm mà ông gọi là tình cảm đúng đắn của giai cấp công nhân, cứ thấy ông quẩn quanh, vướng vít không sao dứt khỏi được duyên nợ với *Truyện Kiều*. Ông thương cô Kiều chịu nhiều oan khổ thì không có chuyện gì. Nhưng ông

cảm thông với giấc mộng Từ Hải của Nguyễn Du thì có vấn đề. Ông biết Cụ Hồ nói: *“Thằng Từ Hải sao nó tồi thế. Nó không chết đứng thì về triều nó cũng chết ngồi”*. Lê Duẩn phê phán cuốn *“Quyền sống...”* của ông. Tuy ông rất phục Hồ Chí Minh và Lê Duẩn, nhưng ông vẫn chưa thông. Đến cuộc chỉnh huấn năm 1952, Tố Hữu còn phải giúp đỡ ông nhiều: *“Làm sao lại lấy Từ Hải làm lý tưởng được: một nhân vật bất mãn và bất lực”*. Nhưng ông vẫn chưa thông hẳn.

Duyệt lại quá trình phê bình, nghiên cứu của *Truyện Kiều* của mình, ông nói: *“Trước cách mạng tháng Tám mình viết ‘Một phương diện của thiên tài Nguyễn Du’ (1944), nhiệm t liệt ca ngợi Từ Hải. Lúc nhỏ tôi cũng có mộng anh hùng (Hoài Thanh từng tham gia đảng Tân Việt và từng bị bắt giam một thời gian ở Hà Nội, sau đó bị trục xuất về Nghệ An), rồi cuộc đời ác liệt quá, lại không gắn được với một tổ chức nào cho chắc nên không dám làm anh hùng. Nhưng vẫn có mơ ước làm anh hùng. Nguyễn Du chắc cũng vậy. Đến thời kháng chiến, năm 1948, tôi viết Quyển sống của con người trong Truyện Kiều, tự thấy chưa thay đổi gì lắm. Đi cách mạng, ừ thì đi. Rồi đâu cũng vào đấy thôi, chỉ khác là có đánh Tây. Vì thế trong cuốn sách tôi chỉ thêm có một câu: ‘Nhân dân ta đang thực hiện giấc mộng anh hùng của Nguyễn Du và còn vượt xa nữa. Nói chung vẫn ca ngợi Từ Hải. Sau chỉnh huấn 1952, cũng chưa hoàn toàn thay đổi. Trước thi viết Từ Hải chết vì ngay thẳng mà à chết. Sau viết, Từ Hải chết vì thật dạ tin người. Đến mãi 1965, kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du tuy có phê phán Từ Hải thiếu cảnh giác, nhưng trong phê phán vẫn có thương hại nhiều... Đây, qua lời tự bạch của Hoài Thanh, thấy ông không sao dứt được khỏi tâm trí mình nỗi ám ảnh của Từ Hải, giấc mơ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều. Dù đấu tranh tư tưởng, dù kiểm thảo lên, kiểm thảo xuống, vẫn không dứt ra được. Ông mê Kiều có lẽ còn hơn cả Chu Mạnh Trinh ngày trước: ‘Ta cũng nói tình, thương người đồng điệu’”*

Một niềm say mê nữa cũng đeo đuổi Hoài Thanh đến trọn đời là đọc thơ, bình thơ, giảng thơ. Con người tình cảm của Hoài Thanh tất nhiên thể hiện rất rõ ở lĩnh vực này. Ngay giải thích những hiện tượng văn học sử ông cũng dùng kinh nghiệm đời sống, dùng trực cảm. Ông không thích nói lý luận, có lẽ ông không tin ở lý luận. Ông nói, nhà thơ lãng mạn đến với cách mạng, sáng tác được ngay vì quen ca ngợi. Còn nhà văn hiện thực phê phán lại lúng túng, không viết được, vì chữi đã thành nghề rồi. Chỉ quen chữi. Đến với cách mạng, chữi ai? Ông cho rằng, vấn đề dân tộc bao giờ cũng gây xúc động mạnh. Cách mạng vô sản nói chuyện giai cấp nên khó hấp dẫn. Mặt trận Việt Minh ra đời nêu dân tộc lên hàng đầu, làm nức lòng người. Về tầng lớp tiểu tư sản, ông cho rằng, tiểu tư sản yêu nước song yếu đuối. Rất sợ cây súng của Tây nên không tin tưởng. *“La raison du plus fort est toujours la meilleure”* là cái triết lý nó đề lên tâm hồn như một định mệnh.

Ông nói về phê bình văn học: *“Ta cho đến nay chưa có ai gọi là nhà phê bình. Từ 1930, cái gì cũng đổi mới cả, song chưa thể nói đã có phê bình chuyên nghiệp (nhà văn chuyên nghiệp thì có). Thường chỉ là nghiệp dư, làm một nghề nào đó rồi mới làm thêm phê bình.”*

*Muốn đẩy mạnh phê bình, phải giải quyết:*

– *Gây hào hứng cho phê bình. Người ta hiện nay không thích viết phê bình, không hào hứng làm nhà phê bình.*

– *Tạo điều kiện để có nhà phê bình chuyên nghiệp.*

– *Luyện cách viết cho hay. Hiện nhiều người chưa có cách viết, không biết cách viết. Phải viết thế nào cho người ta đọc một câu cứ phải đọc tiếp.*

*Nhược điểm của phê bình là không dứt khoát, tác phẩm nào cũng ưu một chút, khuyết một chút. Như nhau. Người đọc không biết anh cho tác phẩm là hay hay dở. Phê phán Vào đời và Đống rác cũ là trung ương phê chứ có phải nhà phê bình nêu ra đâu.*



Hiện nay có hiện tượng trái ngược là nhà văn và nhà phê bình đọc tác phẩm rất ít, ít hơn quần chúng. Anh phê bình chỉ đọc để viết thôi. Khi cần viết mới đọc.

Phê bình phải có hai điều kiện:

– Nhậy cảm. Xúc cảm nhạy bén.

– Có văn hoá. Dù là impressionisme cũng phải có văn hoá. Phải đọc nhiều, đọc hết, có ấn tượng sâu và nhớ lâu.

Ngày xưa tôi đọc nhiều lắm, nhớ lâu, dễ khóc. Nay khó khóc quá -“Tuổi già hạt lệ như sương”. Cũng ít nhớ. Tôi thuộc loại người cũ rồi. Lê Đình Kỵ thế mà cũng thuộc loại cũ rồi.

Đi vào văn học mà 40 tuổi mới vào là dại. Vào làm gì! Viết văn là phải bắt đầu từ trẻ, có nhiệt tình, nhậy cảm. Người ta viết văn bằng những ấn tượng những năm lên năm, lên bảy, chứ không phải 30, 35 đâu.

Và cái đó không thay đổi được. Cái tạo nên tài năng, phong cách, sở trường là hoàn cảnh sống từ tuổi lên năm, lên bảy: cánh đồng ấy, bờ tre ấy, cái ao ấy... Sau này lớn lên, thay đổi quan điểm, lập trường, chứ không thay đổi phạm vi đề tài, cách viết, cách cảm xúc, cách nghĩ. Không nên bắt người ta thay đổi. Bất vô ích. Mỗi ca sĩ chỉ hát hay vài bài, Tân Nhân chỉ hát hay vài bài, các bài khác cũng hát được nhưng không hay.”

Về vấn đề tính dân tộc của văn học, tôi rất tán thành ý kiến Hoài

Thanh: “Tính dân tộc chỉ cảm thấy thôi, rất khó định nghĩa hay phân tích cho rành mạch”. Viết văn thì phải thể hiện tính dân tộc. Nhưng tính dân tộc là gì? Hoài Thanh bình thơ Giang Nam viết về tình vợ chồng mà ông cho là có tính dân tộc:

“Dây bầu sai trái bên đầu ngõ

Vẫn đợi anh về hái nấu canh

Đó là tính dân tộc đấy, rất Việt Nam! Người vợ nghèo Việt Nam chỉ mơ ước thế thôi.

Nhớ chồng, thương chồng, em khóc. Nhưng lại dỗ tại con: “Nó khóc làm em cũng khóc theo”  
Thực ra con không khóc, em cũng khóc.

Tình cảm của người Việt Nam thường tỏ bày, kín đáo, lặng lẽ, không ồn ào. Đó là cái tần ngần của Kim Trọng khi trở lại vườn Thúy:

Cuối tường gai góc mọc đầy

Đi về này những lối này năm xưa...

Người Tây thì khác: Le lac của Lamartine: Ôi, hồ! ăm ỉ cả lên.”

Về việc phân biệt thơ hay thơ dở, tức là việc thẩm văn, Hoài Thanh cũng quan niệm hết sức đơn giản, theo lối kinh nghiệm chủ nghĩa. Ông nói: “Phân biệt thơ hay thơ dở chỉ có đọc nhiều. Ăn phở mãi thì phân biệt được phở ngon. Chứ phân chất, định nghĩa phở ngon là gì, vô ích. Nhưng phải đọc kỹ, phải tinh. Nếu không, có khi mắc lừa. Phở có lẽ ít mắc lừa hơn.”

Về điểm này, tôi thấy Hoài Thanh chỉ đúng một phần thôi. Vì thực tế có người đọc rất nhiều mà thẩm văn vẫn kém. Quan trọng là phải sống sâu sắc với những gì mình đọc, cũng như những gì mình thấy, mình nghe...Người sống hời hợt thì đọc thiên kinh vạn quyển, đi khắp thế giới, sống đến trăm tuổi, cũng chẳng có được năng lực thẩm văn tử tế. Theo tôi, Hoài Thanh sở dĩ thẩm văn tốt, chủ yếu vì ông sống sâu sắc cuộc sống của mình, sống sâu sắc với mọi cảnh vật quanh mình. Cứ đọc những đoạn bình thơ của ông mà xem.

Thí dụ, ông bình thơ Tố Hữu, bài Việt Nam, máu và hoa

“Ngày 29 – 1 – 1973, báo Nhân dân đăng bài Việt Nam máu và hoa của Tố Hữu. Hôm ấy, hiệp định Pari vừa kí được hai hôm. Nhà thơ cảm thấy một niềm vui lớn quá, tưởng chừng như không phải là chuyện thật mà là chuyện trong mơ:

Khao khát trăm năm mãi đợi chờ,

Hôm nay vui đến ngỡ trong mơ

Cả cái êm ả của bầu trời, cái bình yên của mặt đất cũng có cái gì như là không thật:

Một trời êm ả xanh không tưởng,  
Mặt đất bình yên giấc trẻ thơ.

Có người băn khoăn: chuyện ta chiến thắng là chuyện tất nhiên, chuyện ta dự kiến từ lâu, chính ta tự mình làm nên chiến thắng, tại sao gọi là chuyện trong mơ? Nhưng tuần tự và đột biến, tất nhiên mà ta vẫn cứ ngạc nhiên, cuộc sống xưa nay là thế và chính vì thế mà say người. Một cây hoa ta trồng ta biết nó sẽ nở hoa, nhưng đến ngày nở hoa, ta lại không khỏi có chút ngạc nhiên. Một đôi vợ chồng trẻ, một hôm nào đó cũng không ngờ mình đã làm cha, làm mẹ. Một bông hồng nở, một đứa bé ra đời còn thế nữa là chuyện chiến thắng hôm nay...”  
Đấy, ông có dẫn sách vở gì đâu. Toàn nói chuyện kinh nghiệm sống thông thường mà đem đến cho ông những rung cảm trước những vần thơ.

Ông nói đúng: Đọc thơ, nếu không có vốn sống thì cứ dừng dừng, không có xúc cảm gì. Ấy là thơ đã gieo vào những tâm hồn chưa có gì để đón đợi nó.  
Cảm nhận được thơ hay thơ dở rồi, lại còn phải biết diễn đạt sao cho hấp dẫn nữa. Ở đây, Hoài Thanh có hai tư cách thống nhất làm một: nhà phê bình và thầy giáo dạy văn.  
Ông nói: “Cách viết, cách nói không nên cố định, mà tùy bài, tùy nội dung mà quyết định hình thức. Có thể đi từ đại ý đến chi tiết hay ngược lại. Điều quan trọng là làm sao luôn luôn đặt ra những vấn đề để giải quyết – cuộc sống là như thế.  
Và phải nói sao buộc người nghe phải chờ đợi.  
Thí dụ, năm 1941, Tố Hữu ở trong tù viết bài Quyết hy sinh, đã vẽ được hình ảnh người chiến sĩ cộng sản rất đẹp:

Các anh chị bước lên đài gương máy  
Đầu sắp rơi mà môi vẫn cười tươi!

Song lúc đó anh mới 20 tuổi, kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều, nên hình ảnh chưa sâu. Đến bài Ba mươi năm đời ta có Đảng (1960), hình ảnh người chiến sĩ được vẽ sâu hơn: “Miếng cơm dành để người sau ấm lòng”. Đúng hơn, sâu hơn. Đảng sau câu thơ lại có thấp thoáng hình ảnh anh Hoàng Văn Thụ.

Thí dụ khác: Tháng Tám 1945, Tố Hữu làm bài Hồ Chí Minh. Hình ảnh Bác rất đúng, rất đẹp:  
Bao thất bại dầu xát lòng cay đắng  
Hồn vẫn tươi vui, thơm ngát tình đời.

Nhưng lúc đó, Tố Hữu chưa được gần Bác, nên có câu không đúng “Tiếng người thét, mau lên gương lấp sừng”. Tiếng thét này không phải của Bác. Sau này trong bài Sáng tháng năm, anh sửa lại đúng hơn:

Giọng của Người, không phải sấm trên cao  
Thấm từng tiếng, ấm vào lòng mong ước.

Về cách nói, có cách nói nhợt nhạt, có câu nói cứ trơn tuồn tuột. Có cách nói làm cho người ta phải chú ý. Chữ dùng thì phải bình dị, gần gũi. Phải học ngôn ngữ quần chúng, học ca dao, để nói cho đỡ khô khan.

Và phải tùy thể loại của tác phẩm. Mỗi thể loại có ưu thế và hạn chế của nó, đáp ứng một khía cạnh nào đó của đời sống. Chẳng hạn, đánh giá Sóng như anh phải theo đặc trưng của thể ký. Đọc ký, người ta tin có thực. Cái hay của ký, tác dụng của ký, một phần là ở chỗ người đọc tin là có thực. Nếu là tiểu thuyết thì người ta đòi hỏi nhân vật phải được đào sâu vào tâm lý với những diễn biến thâm kín và phức tạp. Nhưng là ký thì không ai đòi hỏi thế. Lê Anh Xuân làm Trường ca Nguyễn Văn Trỗi. Anh tả chị Quyên đến thăm anh Trỗi ở khám tử hình “Chấn song sắt cũng trở cành đơm hoa”. Thơ tả thế được. Ký không tả thế được.”

\*\*\*

Hoài Thanh vốn là một học sinh trường Bưởi. Ông cùng Tôn Quang Phiệt tham gia đảng Tân Việt, bị nó bắt giam rồi trục xuất khỏi Hà Nội, tống vào Vinh. Có một thằng Tây, chủ nhà máy gạch Vinh thấy ông nói được tiếng Pháp, gọi cho làm thư ký.

Một buổi kia đi làm, xe đạp thủng sơm, đến chậm 15 phút, nó tạt tai và đuồi. Ông tìm được một gia đình xin làm gia sư. Bùi Huy Tín ở nhà in Đắc Lập, Huế, tình cờ gặp, đưa vào trong ấy làm thợ chữa morasse (1931). Đến năm 1933, Đào Duy Anh, Tôn Quang Phiệt thành lập trường Collège tư thực Thuận Hoá. Ông được mời dạy. Ông dạy Việt văn và tiếng Pháp, vừa đi làm, vừa đọc sách, viết văn từ ngày ấy.

Hồi làm thợ chữa morasse, Hoài Thanh đã viết phê bình. Rồi nổ ra cuộc tranh luận với Hải Triều về quan điểm nghệ thuật. Hoài Thanh hàng ngày đi làm phải cuốc bộ, guốc gỗ, vậy mà bị quy là nhà văn phú hào. Còn Hải Triều đi xe nhà gọng đồng, nhà có 8 đầy tớ, thì là nhà văn vô sản. Hoài Thanh ngẫm nghĩ thấy cũng buồn cười. Nhà in Đắc Lập, nơi làm việc của Hoài Thanh rất gần hiệu sách Hương Giang của Hải Triều. Họ rất dễ gặp nhau. Nhưng Hải Triều tránh không muốn gặp Hoài Thanh, vì sợ gặp, nhớ hoà giải với nhau thì mất đối tượng đấu tranh. Đọc thơ, bình thơ quả là niềm say mê, một niềm vui, thậm chí là lẽ sống của Hoài Thanh. Dường như lúc nào ông cũng băn khoăn day dứt về chuyện văn chương. Trước cách mạng, cãi nhau với Hải Triều cũng là chuyện say mê văn chương. Sau cách mạng, phấn đấu về tư tưởng, nhưng vẫn luôn luôn trăn trở về quan niệm văn chương thế nào là đúng, là sai.

Năm 1954, anh Thành Thế Thái Bình được cử vào tiếp quản Thủ đô. Trước khi nhận nhiệm vụ này, anh có tham gia cải cách ruộng đất đợt 5 với Hoài Thanh ít ngày ở Đại Từ – Thái Nguyên. Anh nhận xét, Hoài Thanh ba cùng rất nghiêm túc, thái độ với anh đội trưởng rất kính cẩn, một thừa anh, hai báo cáo anh, tuy anh này rất trẻ, chỉ đáng tuổi con ông thôi. Thành Thế Thái Bình lúc đó chỉ độ 20 tuổi, cũng được ông thừa gửi như thế. Ông không hề tỏ ra là một nhà văn, không bao giờ nói chuyện văn chương. Nhưng những buổi tối sáng trăng, thấy ông thường ngồi trầm ngâm, ở cái chõng ngoài sân, hút thuốc Lào, vừa chống cái điều cày, vừa nhìn trăng, thỉnh thoảng thờ

dài. “*Yêu trăng có phải là vị nghệ thuật không nhỉ, cũng có thể là vị nhân sinh chứ! Có nhất thiết cứ phải trực tiếp viết về người nghèo khổ mới là vị nhân sinh? Như thơ Hồ Xanh: “Nước mắt củ aanh em vô sản, là nguồn thơ chảy ra vô tận”?* Tôi đoán ông tự hỏi mình như thế khi ngẫm trăng và thờ dài. Tôi nghĩ thế vì liên hệ đến đoạn *Di bút* của ông sau này viết về ý kiến Lê Duẩn nói với họa sĩ Huỳnh Văn Gấm hồi hoạt động ở trong

Nam: “*Không nhất thiết bức tranh nào cũng trình bày những hình ảnh công nông. Một bông hồng g rung rinh dưới ánh mặt trời trong sương sớm sao lại không được xem là nghệ thuật vị nhân sinh?*”. Trong những ngày cuối đời, ông ghi những ý nghĩ của mình vào một tập giấy gọi là *Di bút*. Đọc tập *Di bút* này thấy những bản thảo day dứt cuối đời của ông chủ yếu cũng vẫn là chuyện văn chương, đặc biệt là chuyện hiểu thơ và bình thơ.

\*\*\*

Nhưng trong những ngày cuối cùng trước khi mất, theo anh Từ Sơn, Hoài Thanh hình như có ngộ ra một cái gì đó có vẻ ngược chiều với những suy nghĩ trước kia của ông. Trong *Di bút* (bản đánh máy Từ Sơn cho tôi) tuy ông chủ yếu nói về văn chương, nhưng cũng có nêu lên một vài thắc mắc về chế độ xã hội miền Bắc. Chẳng hạn, ông nhận xét thái độ lao động của cán bộ ta không nghiêm túc bằng những viên chức của các cơ quan dưới chính quyền nguy (gọi là viên chức “lưu dụng”). Thí dụ, những cô y tá, hộ lý của bệnh viện ta không phục vụ bệnh nhân tốt như y tá, hộ lý của các bệnh viện ở Sài Gòn trước 1975 ở lại làm việc với ta, hay những cô mậu dịch của ta thì rất hách dịch, cửa quyền. Còn luật lệ giao thông của ta thì không nghiêm như luật lệ giao thông của Sài Gòn thời nguy... Ông thuật lại câu chuyện của em ông là Nguyễn Đức Ninh là đảng uỷ viên xã Nghĩa Mỹ huyện Nghĩa Đàn. Trong cải cách ruộng đất, khi anh bí thư đảng uỷ bị bắt, bị quy là phản động mà Ninh không hề biết, anh rất phục đảng: đảng tài giỏi quá!. Nhưng đến khi chính anh cũng bị bắt thì anh mới thấy, hoá ra đảng cũng sai (Từ Sơn cho biết Nguyễn Đức Ninh bị kết án tử hình, sau hạ xuống tù chung thân).

Ông thắc mắc cả về Lê Duẩn khi Duẩn nói Nguyễn Du không có chút tình cảm gì với quần chúng. Ông thắc mắc cả về Hồ Chí Minh: trong 5 điều Bác Hồ dạy “không có một điều nào nói về tình thương mẹ, thương cha. Tình thương ấy mà không có họ ặc có mà lệch lạc thì đâu có thể nói được là đã nên người”. Hoặc là “vào khoảng năm 1952, tôi được nghe Bác nói trong một lớp chính huấn: “Bác có thể sai, Trung ương có thể sai... Nhưng đồng chí Mao Trạch Đông, đồng chí Xítalin thì không thể sai”(…). Ý kiến ấy khó có thể nói là không sai.

Tuy thắc mắc đấy, nhưng qua cách diễn đạt, thấy ông vẫn phải rào đón rất kỹ. Di bút chỉ viết cho con đọc thôi mà phải rào đón như thế có nghĩa là ông chỉ phân vân thế thôi, chứ vẫn rất tin ở đảng, ở Lê Duẩn và cụ Hồ.

Về bài thơ của Xuân Sách viết về ông, Đặng Vương Hưng có viết trên một số *Văn nghệ công an* rằng Xuân Sách có đến thăm Hoài Thanh khi ông Hoài sắp mất. Xuân Sách cho biết, cuối cùng Hoài Thanh đã thú nhận Xuân Sách viết về ông như thế là đúng. Thực ra, theo Từ Sơn, Đặng Vương Hưng đã bịa ra chuyện ấy. Vì khi ốm nặng, Hoài Thanh ra Hà Nội, còn Xuân Sách vẫn ở Vũng Tàu, không hề đến thăm. Theo Từ Sơn, chuyện thật chỉ là thế này: Hoài Thanh nói với Từ Sơn:

“Xuân Sách nó dùng Kiều để nói mình vì biết mình mê Kiều. Nhưng câu thứ hai ác quá. Nên sửa như thế này cho đúng: “Nửa đời lại phải vị người cấp trên” – thêm cho một chữ “phải”. Vậy là có thể hiểu, Hoài Thanh quả có công nhận Xuân Sách nói đúng một phần về mình.

Khi Hoài Thanh mệt nặng, Từ Sơn có nói Tố Hữu đến thăm.

Tố Hữu đến, Hoài Thanh quay mặt vào tường không tiếp. Tố Hữu về rồi, ông mới quay ra. Ông nói với Từ Sơn: “Từ bài *Chuyện thơ* (Làm bí thư hoài có bí ... thơ), coi như sự nghiệp của Tố Hữu đã kết thúc.”

Tôi cho ông nói thế là đúng. Qua bài *Chuyện thơ*, Tố Hữu ngang nhiên tuyên bố:

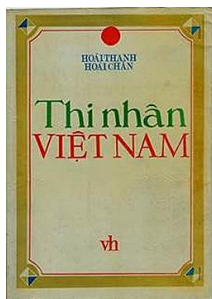
“Ta là nhà thơ bí thư Đảng, nhà thơ lãnh tụ đây!”. Cụ Hồ làm thơ có bao giờ tuyên bố thế đâu! Thậm chí còn coi những “bạn tù” nghiện ngập, bản thủ, ghẻ lở là tri âm tri kỷ nữa “Gậy đàn trong ngục thấy tri âm” (Ghẻ)

Láng Hạ, 25 – 5 – 2007  
trích Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh

\*\*\*

## Phụ đính

## Đọc lại Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh/Hoài Chân Song Nhị



Hai tác giả Hoài Thanh – Hoài Chân biên soạn quyển Thi Nhân Việt Nam cách đây đúng 75 năm. Ngày đó, thế hệ chúng tôi còn là những đứa trẻ chập chững, nhiều lắm thì cũng chỉ mới mon men vào mấy trường “măng non, hoặc tiểu học”, ở các nơi thành thị hay thôn xóm. 75 năm chúng tôi lớn lên, mang theo sách vở từ trường học đi vào đời, hình như luôn luôn có bên mình người bạn đồng hành “Thi Nhân Việt Nam” (TNVN).

Thế hệ sinh ra năm, bảy năm, trước và sau Thế Chiến Thứ Hai, chưa đủ tuổi đời và hiểu biết để nhận thức được sự đổi thay kỳ diệu trong cuộc sống của toàn xã hội lúc bấy giờ.

### I./ Hoài Thanh – thời kỳ văn học tự do nhân bản.

Tác giả “Thi Nhân Việt Nam”, khi biên soạn tác phẩm này đã ở vào tuổi “tam thập nhi lập”, đã đủ kiến thức để tiếp thu luồng gió mới từ trời Tây thổi đến, làm thay đổi mọi trật tự và nếp sống, thay đổi lề thói, tầm nhìn và lối suy nghĩ của con người Việt Nam ở đầu thế kỷ hai mươi.

Cuộc “Âu hóa” đó, theo tác giả đã trải dài trong sáu mươi lăm năm, “kể từ ngày người lái buôn phương Tây thứ nhất đặt chân lên đất Việt, mang theo những thứ hàng hóa phương Tây, để sau này nảy nở thành Thơ Mới”.

Sáu mươi lăm năm, cuộc Âu hóa, không những làm thay đổi tập quán người Việt, mà còn làm thay đổi cả tư tưởng và nhịp rung cảm trong tâm hồn người dân bản xứ. Theo tác giả, một trong những “biến thiên vĩ đại”, đó khởi đi từ khi Việt Nam sáp nhập vào đế quốc Pháp, từ hồi Trịnh Nguyễn phân tranh...

Sáu mươi năm mà tưởng chừng như sáu mươi thế kỷ, luồng gió mới phương Tây thổi nhập, đến một lúc văn học Việt Nam tiếp thu trào lưu Thơ Mới, cùng lúc đoạn tuyệt với vần điệu, niêm luật nghiêm khắc, gò bó của Đường thi, một thể thơ đã từng dự phần quyết định kết quả thành bại trên đường đời của thí sinh trong các kỳ khoa cử.

Sau một thời gian dài, cả đến mười năm tranh giành quyết liệt quyền sống giữa thơ cũ và thơ mới, đến đầu thập niên 30s, từ 1932-1941, thơ mới chiếm lĩnh thi đàn, với những tên tuổi Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Cận, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Xuân Diệu....

Trong “Tuyển Tập Hoài Thanh”, tác giả TNVN có nói rõ, ông rất say mê Thơ Mới ngay từ khi thơ mới ra đời. Thơ Mới hầu như là “thú vui duy nhất” của ông thời bấy giờ. Chính nhờ sự say mê đó nên trong tủ sách văn học mới có tác phẩm TNVN – một cuốn sách sưu tập và nhận định thơ của 46 thi nhân, thường được gọi là các nhà thơ tiền chiến.

Quyển TNVN do Hoài Chân xuất bản lần đầu (không nói rõ vào năm nào). Quyển sách này không được phổ biến tại miền Bắc. Mãi gần hai mươi năm sau, đầu năm 1960 trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội mới cho in bản ronéo, làm tài liệu tham khảo cho Sinh viên.

Trong khi tại miền Nam, TNVN được giới trẻ, SVHS và người yêu thơ ưa chuộng. Năm 1968, NXB Hoa Niên in lại tại Sài Gòn. Các tờ báo văn nghệ ở Sài Gòn suốt hai thập niên 50s và 60s thường trích đăng thơ của các tác giả trong TNVN. Năm 1985, NXB Đông Nam Á in lại TNVN ở Paris. Bản chúng tôi hiện có do NXB Văn Học, Hà Nội, in năm 1992.

## **2. Đọc lại nội dung Thi Nhân Việt Nam.**

Thi Nhân Việt Nam quy tụ 46 nhà thơ, với tất cả 169 bài thơ của các tác giả được trích dẫn và bình giải.

46 nhà thơ trong sách được đưa vào theo thứ tự: Tản Đà, Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Lan Sơn, Thanh Tịnh, Thúc Tề, Huy Thông, Nguyễn Vỹ, Đoàn Phú Tứ, Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh, Yên Lan, Phạm Hài, Xuân Tâm, Thu Hồng, Bằng Bá Lân, Nam Trân, Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, J. Leiba, Thái Can, Vân Đài, Đỗ Huy Nhiệm, Lưu Kỳ Linh, Nguyễn Giang, Quách Tấn, Phan Khắc Khoan, Thâm Tâm, Phan Thanh Phước, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Nhược Pháp, Phan Văn Dật, Đông Hồ, Mộng Tuyết, Nguyễn Xuân Huy, Hằng Phương, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Mộng Huyền, Nguyễn Đình Thự, T.T.K.H, Trần Huyền Trân.

Trước hết, chúng ta hãy đọc, hãy nghe những gì Hoài Thanh nói, Hoài Thanh “nhỏ to” với độc giả trong bài bạt cuối sách. Như phần đông những người làm công việc thực hiện một tuyển tập thơ, tác giả TNVN cũng bực bực, phân trần về những trách móc, chê bai về các nhà thơ được

đưa vào sách, về nội dung thơ trích dẫn. Người ta đàm luận bài hay, bài dở, trích nhiều, trích ít, kẻ khen, người chê... Hoài Thanh phải thốt lên “biết làm sao chiều được tất cả mọi người”.

Tác giả thú nhận, có những nhà thơ có tài, mà vì lẽ này hay lẽ khác, tác giả không thể nói đến. Cũng có những bài thơ hay, không thể trích được. Tác giả TNVN không nói rõ lý do.

Trong bài bạt “tâm sự nhỏ to”, Hoài Thanh cho rằng với hơn 40 người có thơ trích sách, rồi ra, may mắn lắm có 4 người sẽ có tên lưu truyền hậu thế.

Đọc được những chi tiết này, người đọc mới biết tại sao THVN lại có sự khập khiễng về tác phẩm (thơ) và tác giả (nhà thơ) được lựa chọn đưa vào sách.

Sau 75 năm, qua công luận và sự sàng lọc, đào thải của thời gian, chúng tôi xin tạm đưa ra một sự “sắp xếp” các nhà thơ trong TNVN như sau:

1./ Những nhà thơ nổi bật “vượt thời gian đi vào quần chúng và văn học gồm có:

Xuân Diệu, Cù Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Quách Tấn,

2./ Những nhà thơ được các tạp chí văn nghệ miền Nam (VNCH) phổ biến một hay vài ba bài thơ có giá trị văn học. Trong số này có: Vũ Đình Liên với bài “Ông Đồ Già”, Thanh Tịnh với bài “Mòn Mỏi”, Nguyễn Vỹ, với bài “Gửi Trương Tửu”, Tế Hanh với bài “Vu Vơ”, Thái Can với bài “Anh biết em đi”, Thâm Tâm với “Tống Biệt Hành”, Nguyễn Nhược Pháp với bài “Chùa Hương”, T.T.K.H với “bài thơ thứ nhất, “hai sắc hoa ti gôn”, Bài thơ đan áo”, .....

3./ Các nhà thơ khác trong sách còn lại, hầu như ít được nhắc tới trên thi đàn gồm có: Lan Sơn, Thúc Tề, Huy Thông, Đoàn Phú Tứ, Yến Lan, Phạm Hài, Xuân Tâm, Thu Hồng, Nam Trân, Đoàn Văn Cừ, Bích Khê, J. Leiba, Vân Đài, Lưu Kỳ Linh, Nguyễn Giang, Phan Khắc Khoan, Phan Thanh Phước, Phan Văn Dật, Mộng Tuyết, Nguyễn Xuân Huy, Hằng Phương, Mộng Huyền, Nguyễn Đình Thư, Trần Huyền Trân.

Riêng các nhà thơ Đông Hồ, Bàng Bá Lân ở miền Nam được nhiều người biết đến, có tên tuổi, nhưng ít ai nghe biết, hoặc nhớ tên những bài thơ nào của các tác giả này.

### **3. Hoài Thanh – thời kỳ văn học Marxist.**

Sau ngày 30-4-1975, một số nhà thơ thành danh từ miền Bắc đã có cơ hội vào Sài Gòn tìm hiểu nền báo chí, văn học của VNCH, họ đã mở mắt mà nhận ra giá trị đích thực của nền văn học nhân bản tại miền Nam. Nguyễn Tuân, trong chỗ riêng tư đã nói lời thú nhận “chúng tôi sống được là nhờ biết sợ”.

Hoài Thanh, giữ các chức vụ Tổng thư ký Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Viện phó viện văn học và chủ nhiệm tuần báo Văn nghệ cho đến đầu năm 1975. Hoài Thanh đã vào miền Nam sau tháng tư bảy lăm. Có lần ông vào trại tập trung cải tạo Long Thành nói chuyện với tập thể sĩ quan viên chức chính phủ VNCH bị tập trung tại đây (trong số có người viết). Khác với giọng điệu của những cán bộ “giảng viên” hạ cấp, Hoài Thanh không đã động gì đến giới văn nghệ sĩ miền Nam, không như nhà cầm quyền cộng sản lúc bấy giờ kết án gởi cầm bút miền Nam là “những tên lính xung kích của đế quốc Mỹ trên mặt trận văn hóa”.

Hoài Thanh kể chuyện những lần “gần gũi bác”, nói chuyện băng quơ nhiều hơn là tuyên truyền hạ sách. Chắc chắn ông biết cửu tọa, dù là người tù, đang ngồi nghe là ai, thành phần nào.



Đọc TNVN, ấn bản 1992, NXB Văn Học Hà Nội, người ta nhận ra con người Hoài Thanh một thời từng “say thơ như say người”, một thứ “tình say không thể nào dứt ra được”, thế mà sau sáu năm đi theo đảng, Hoài Thanh đã không còn là Hoài Thanh, từng xem thơ mới là nơi trú ngụ của tâm hồn. Ông mạnh mẽ phủ nhận tác phẩm, lên án đưa con tinh thần của mình. Hoài Thanh đã tự phê, đã tự kết tội việc biên soạn quyển sách, một thời bằng tất cả đam mê, là một việc làm tiếp tay với giặc.

Theo Từ Sơn (\*) trong chương “Nhìn lại thơ cũ 1932 – 1945, ở quyển “Nói chuyện Thơ Kháng chiến”, Hoài Thanh viết:

“Xét về phương diện khách quan thì ngày trước hay bây giờ, những câu thơ buồn nản hay thơ mộng vẫn vợ cũng đều là đồng minh của giặc. Giặc chỉ có thể xây dựng cơ đồ của chúng trên phần bạc nhược của con người thì chúng nó mới có khả năng làm giặc.”

Tám năm sau, năm 1959, sau vụ Nhân Văn, Giai Phẩm, Hoài Thanh lại viết: “Thơ lãng mạn tiểu tư sản có thể xem là một sức phá hoại, vừa phá hoại chế độ thực dân phong kiến vừa phá hoại nhiệt tình cách mạng. Trong thơ lãng mạn tiểu tư sản, vẫn có một thứ lòng tin mà bọn thống trị cũ dựa vào, tức là lòng tin rằng cuộc đời là thế, không thể thay đổi được. Nhưng bọn thống trị cũ dựa lòng tin thì ít, vào võ lực thì nhiều...”

Tháng 11-1962, trong một đề cương nói chuyện về thơ mới, Hoài Thanh viết: “Mọi người đồng ý trong thơ mới 1930 – 1945 có nhân tố tích cực và nhân tố tiêu cực...” và lại phải thông thêm một câu: “Tôi vẫn nghĩ tiêu cực là chính”.

Tháng 11- 1964, e sợ hai năm trước nhìn nhận thơ mới cũng có “nhân tố tích cực”, là một thái độ xét lại, Hoài Thanh lại viết trong “Một vài ý kiến về phong trào thơ mới”, với luận điệu: “Nhìn chung thơ mới chìm đắm trong buồn rầu, điên loạn, bế tắc. Đó là chưa nói đến phần hiển nhiên là sa đọa. Nguy hiểm nhất là nó lại tạo ra một thứ say sưa trong đó. Hình như không buồn rầu, không điên loạn, không bế tắc thì không hay..”

Tháng 8- 1977, hai năm sau ngày Hoài Thanh vào miền Nam, biết được giới trẻ Sài Gòn và nửa nước vẫn trân trọng và ưa thích thơ mới, vẫn chấp nhận TNVN, một tác phẩm ra đời trước ngày đất nước chia đôi, miền Bắc đặt dưới sự cai trị hà khắc của CSBV, ông bắt đầu “đổi giọng”, mà cho rằng: “Trong Thi Nhân Việt nam không có bài thơ nào là phản động và nói chung cũng không phải là thơ đòi trụy. Chẳng những thế, có không ít bài thơ rất đậm đà phong vị quê hương, rất có tình với đất nước, rất tha thiết yêu đời...”

Hoài Thanh nhìn lại “đứa con” của mình, vẫn thương yêu vô hạn, nhưng vì “phải biết sợ” để sống (như lời tự thú của Nguyễn Tuân), nên ông lại quanh co:

“Ngày nay hòa bình đã lập lại, hoàn cảnh đã đổi khác. Trong hoàn cảnh mới, nên chẳng nhìn Thi Nhân Việt Nam một cách khác? Tôi nghĩ chúng ta sẽ tiếp tục trân trọng phần hay, phần đẹp trong thơ mới như ta vẫn nhận định trước đây. Nhưng phần ấy không phải là phần chính. Phần chính là thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng...”

Ngoài những bài viết tự phê phán, tự lên án gay gắt của chính tác giả trong suốt 30 năm, không có một tài liệu nào cho thấy có những bài lý luận, phê bình của các nhà văn miền Bắc viết về Hoài Thanh và TNVN, mãi cho tới ngày sau khi Hoài Thanh qua đời, nhà văn Đặng Thái Mai mới có một bài viết trên báo Văn Nghệ, số ra ngày 10-4-1982, nhận định:

“...Tác phẩm đáng nói trong những năm 1930 – 1945 có phần chắc là cuốn Thi Nhân Việt Nam, cộng tác với Hoài Chân. Chúng ta còn nhớ rằng dưới ảnh hưởng của tư tưởng Mac-Lênin, tác giả đã tự phê bình rất nghiêm khắc...”

Thì ra như thế, dưới học thuyết Mac Lê, con người phải biến dạng từ trong suy nghĩ, tình cảm, tư tưởng để thể hiện hành động của một con người máy, phục vụ chế độ chính trị.

Nhận định này đã được Từ Sơn trình bày trong “Lời Cuối sách” (\*).

#### **4. Lời Cuối Sách của Từ Sơn (\*)**

Lời cuối sách là một bài viết ghi lại hành trình suốt một đời người của Hoài Thanh đi theo thơ mới, từ say mê đến ân hận, từ trần trở đến nhập nhằng lựa chọn, giữa chính trị phục vụ chế độ và văn chương nghệ thuật.

Từ Sơn viết: “Nhân đây có lẽ cũng nên tìm hiểu xem vì sao Hoài Thanh có cái nhìn nghiêm khắc với thơ mới và nhất là tự phê phán Thi Nhân Việt Nam một cách quá nghiêm khắc như thế.”

Điều hiển nhiên, “dưới ảnh hưởng của tư tưởng Mac-Lênin”, thành phần trí thức tiểu tư sản phải bị đào thải, hoặc phải được cảm hóa để phục vụ chủ trương bạo lực cách mạng.

Trong cuộc “tranh luận nghệ thuật” vào những năm 1935-1936, Hoài Thanh bị xem là thuộc trào lưu lãng mạn tiểu tư sản, thuộc phái nghệ thuật vị nghệ thuật, không theo quan điểm Mac xít về văn học nghệ thuật. Hoài Thanh đã phải tự khai và tự phê bình “một cách nghiêm túc và thành thật”. Hoài Thanh đã bị tẩy não, khi chính ông đã thú nhận trong tác phẩm “Tuyển Tập Hoài Thanh”:

“hồi ấy chúng tôi bị lay dữ... chúng tôi không phải không dụi mắt một ít. Nhưng rồi chúng tôi lại nhắm nghiền mắt lại, một phần vì tự ái, nhưng phần chính là vì tâm trí hầy còn mê”.

Tuy vậy, Hoài Thanh vẫn cố níu lấy tâm tưởng của mình về thơ mới, về quan niệm “con người muôn thuở, văn chương muôn thuở”, mà đối với ông có sức quyến rũ rất ghê và rất có giá trị... Tác giả TNVN đã bị dẫn vật cả một chặng đường dài, để từ “tỉnh một nửa, đến tỉnh hẳn”. Đến một lúc Hoài Thanh nhìn nhận sai lầm lớn nhất trong đời, trước tháng Tám 1945 là “thoát ly cách mạng, lấy văn chương làm nơi lánh nạn, vùi đầu vào chuyện không đâu để trốn tránh trách nhiệm...”

Và đây là lúc Hoài Thanh đã thực sự bị tẩy não, Hoài Thanh kiên quyết phủ nhận con người cũ của mình. Có lúc Hoài Thanh đã cúi đầu nhận tội trước đảng CSVN về quãng đời trai trẻ của mình, một sự tự buộc tội, có vẻ là... “bị bức cung”:

“Trong tuổi thanh niên, tôi không phải không cảm thấy cái nhục làm nô lệ cho giặc ngoại xâm, tôi cũng muốn cất đầu lên. Bị giặc đập xuống, tôi mất tinh thần nhưng vẫn chưa chịu cúi đầu hẳn. Tôi vẫn muốn cất đầu lên thấp hơn lần trước một ít. Nhưng cứ mỗi lần có cất đầu lên thì lại bị chúng nó đập xuống sâu thêm một tầng nữa. Và cứ thế cho đến lúc tôi không còn đủ sức cất đầu lên nữa...” (Lý lịch khai trong học tập bảo vệ đảng, ngày 24-5-1970 – di cảo viết tay).

Người đọc, không ai hiểu Hoài Thanh đã “cố cất đầu lên” như thế nào, và đã bị “giặc ngoại xâm đập xuống” ra sao. Tôi thấy trong thời kỳ cải cách ruộng đất không có người địa chủ nào tự nhận tội như Hoài Thanh của TNVN.

Thi Nhân Việt Nam, như nhận định của nhà văn Đặng Thái Mai, "... tập sách chưa thể nói là đã có một lập trường vững chắc và phương pháp biên soạn chưa phải là đã thật sự khoa học, cách đánh giá các tác phẩm thơ xuất bản trong mười năm 1930 – 40 cũng đang dành phần đất khá rộng để thảo luận. Người viết sách rõ ràng đã bị giới hạn về nhiều phương diện trong khi trình bày một tập văn tuyển khá phức tạp như vậy..." (tạp chí Văn Nghệ, 10.4.1982).

Thi Nhân Việt Nam, tự thân là một tác phẩm văn học, và cái công của Hoài Thanh, Hoài Chân là đã tuyển chọn được số đông những nhà thơ của một trào lưu đổi mới trong thi ca Việt Nam. Tác phẩm này đã là nguồn cảm hứng cho giới văn nghệ sĩ và những người yêu thơ qua mấy thế hệ từ thập niên 40 đến nay.

Xét về nội dung, khi thực hiện tác phẩm TNVN, Hoài Thanh cho rằng: "chừng 40 người có thơ trích trong quyển này, may mắn ra 4 người sẽ có tên lưu truyền hậu thế!".

Bảy mươi lăm năm sau cho thấy, không phải chỉ có 4 người, mà có đến hơn 14 người tên tuổi đi vào văn học: Xuân Diệu, Cù Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Quách Tấn.

Hoặc được hậu thế nhắc nhở như Vũ Đình Liên, Thanh Tịnh, Nguyễn Vỹ, Tế Hanh, Thái Can, Thâm Tâm, Nguyễn Nhược Pháp, T.T.K.H.

Cũng như tất cả mọi cuộc "thi tuyển" hoa hậu, chạy đua Marathon, phải có một số người "làm sà" cho những tài năng nổi bật xuất hiện, trong TNVN đã có khoảng 30 nhà thơ được chọn "làm sà". Cho đến 75 năm sau nhiều tên tuổi này hầu như còn xa lạ, thậm chí chưa hề hay biết tới.

Một góc nhìn khác về nội dung TNVN, những "lời bình" về tác giả và những bài thơ trích đăng, có những lời bình rất thấu đáo, có những lời bình hơi sơ sài, có lẽ do từ sự cảm xúc của người đọc thơ, bình thơ... nhưng nói chung những lời bình ấy có thể gọi là những bài văn thấu đạt.

Riêng bài tựa "Một Thời Đại Trong Thi Ca" của tác giả Hoài Thanh là một tiểu luận được trình bày rất công phu, có giá trị văn học cao và với giọng văn thu hút.

Có lẽ quyển sách này được biết đến nhiều nhất, rộng rãi nhất, không phải ở miền Bắc, "quê hương" của tác phẩm mà là ở miền Nam, sau năm 1954, khi đất nước chia đôi, dưới hai thể chế chính trị Quốc Gia và Cộng sản.

Bài viết này, như tựa đề, chúng tôi chỉ làm công việc đọc lại một tác phẩm văn học được lưu hành từ hai phần ba thế kỷ qua. Đọc để tìm về với những nhà thơ một thời làm say đắm mấy thế hệ tuổi trẻ yêu thơ. Đọc để nhìn nhận được lòng say mê nhiệt thành thơ mới và tâm huyết của tác giả TNVN ở thời kỳ văn nghệ tự do nhân bản. Đọc để chia sẻ và thông cảm với Hoài Thanh, đã trải qua gần cả cuộc đời, đã phải chịu đựng những hành hạ, nhục nhằn khi phải phủ định tác phẩm của mình, đến cuối đời vẫn chưa nói lên được nỗi ám ức vào giờ phút lâm chung.

#### **(\*) Từ Sơn, Lời Cuối Sách.**

"Lời Cuối Sách" của Từ Sơn là một tiểu luận, đúc kết khá đầy đủ quá trình biên soạn TNVN và những hệ lụy suốt một đời người của tác giả quyển sách này. Sau khi trình bày khá cặn kẽ những gì Hoài Thanh nói, Hoài Thanh viết, những lời dặn dò, những di cáo của Hoài Thanh, Từ Sơn mới cho biết, ông chính là con trai của tác giả Thi Nhân Việt Nam.

Từ Sơn hình như là người luôn luôn chia sẻ những vui buồn với cha mình, trước những diễn biến dưới một "thời đại" thi ca đổi mới, mà những áp lực chính trị đã hủy hoại lòng nhiệt thành

hăm hở của Hoài Thanh, biến ông thành một kẻ “nửa đời sau lại vị người ngồi trên”. Và khi tỉnh lại sau cơn mê thời thế, để thấy tất cả những gì Hoài Thanh gầy dựng đã tan vào hư vô, như đoạn thơ chân dung của Xuân Sách mô tả Hoài Thanh:

Vị nghệ thuật nửa cuộc đời  
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên  
Thi nhân còn một chút duyên  
Lại vò cho nát lại lèn cho đau  
Bình thơ tới thưở bạc đầu  
Vẫn chưa thể tắt nỗi câu nhân tình  
Giật mình mình lại thương mình  
Tàn canh tình rượu bóng hình cũng tan.

*California 2/2015*

## Hoài Thanh thú nhận sai lầm

Tôi đã sai lầm như thế nào trong việc phê bình bài “Nhất định thắng” của anh Trần Dần. HNVC: Năm 1956 Hoài Thanh khép tội bài “Nhất định thắng” của Trần Dần là “phản động” nhưng sau đó ông thấy mình sai và viết bài này để nói lại. Đó là một hành động can đảm và thẳng thắn của người cầm bút. Bài viết này được đăng trên báo Văn Nghệ ngày 20.9.1956 cũng trên chính tờ báo mà ông đã cho đăng bài khép tội Trần Dần. Đọc lại bài viết này chúng tôi thấy quý trọng Hoài Thanh rất nhiều. HNVC xin giới thiệu cùng bạn bài viết này do nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân sưu tầm.

Cuộc cách mạng của chúng ta không thể nào tiến lên được nếu chúng ta không tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng không nghỉ chống những tư tưởng sai lầm ở chung quanh ta và ở trong tâm trí mỗi chúng ta.

Một bên là những tư tưởng cách mạng của giai cấp vô sản kế thừa những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc của nhân loại; một bên là những tư tưởng áp bức bóc lột sa đọa đòi trụy của xã hội thực dân phong kiến cũ nó đang liên hồi phản công vào chế độ chúng ta cố gò chúng ta quay trở lại. Những chế độ chính trị khác nhau cần phải chung sống hòa bình với nhau những giai cấp khác nhau có thể liên minh với nhau. Nhưng trong lĩnh vực tư tưởng không thể có liên minh cũng không thể có chung sống hòa bình giữa vô sản và phi vô sản giữa cách mạng và chống cách mạng.

Nhưng đấu tranh tư tưởng không thể dùng lối áp bức mệnh lệnh cũng không thể lấy đa số đàn áp thiểu số. Làm như thế không bao giờ giải quyết được vấn đề tư tưởng.

Đó là điều sai lầm của tôi trong việc phê bình bài “Nhất định thắng” của anh Trần Dần.

Bài “Nhất định thắng” theo ý tôi là một bài có những sai lầm nặng. Cái nhìn của anh Trần Dần trong bài này là một cái nhìn trích thượng mà rất yếu đuối có khi bệnh tật hoang loạn. Giọng nói của anh trong bài này là một giọng nói có khi nặng trĩu chán chường. Hình ảnh miền Bắc trong bài của anh rất là thâm đạm. Hình ảnh đấu tranh của đồng bào miền Nam cũng rất là thâm đạm. Người cầm bút có trách nhiệm không thể dựng lên những hình ảnh như vậy. Dựng lên để làm gì? Nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giữ hòa bình giành thống nhất gặp nhiều khó khăn lớn. Nhưng thái độ của anh Trần Dần trong bài “Nhất định thắng” là thái độ của người dao

động. Và vì vậy ngòi bút của anh không hiện thực. Cũng có những câu những đoạn anh nói những điều có thể có lợi cho ta. Nhưng ngòi bút của anh sắc sảo và có nghệ thuật khi viết những điều có hại thì lại trở nên nhọt nhọt vu vơ công thức trong những câu những đoạn ấy. Đọc xong cái phần còn lại trong trí người ta chỉ là cái phần âm u thảm đạm còn thì bay đi đâu mất cả. Có người nói: Đó là tại thực tế hay tại anh Trần Dần? Nhưng trong quá trình đấu tranh cách mạng còn có những lúc khó khăn gấp bao nhiêu lần bấy giờ người cách mạng vẫn không thể nhìn theo lối nhìn ấy. Với lối nhìn ấy anh Trần Dần sẽ gieo rắc buồn nản hoang mang. Nhiều câu thơ của anh có sức làm tiêu ma chí khí đấu tranh trong khi mọi người còn phải nỗ lực phi thường để vượt những khó khăn do quân thù để lại. Tác giả có thể có ý muốn khác nhưng tác dụng khách quan của bài “Nhất định thắng” là có hại. Đấu tranh chống lại cái tác hại của bài này là đúng.

Nhưng dầu sao đó cũng chỉ là những sai lầm về tư tưởng. Và tiến hành đấu tranh cũng phải theo đúng phương thức đấu tranh tư tưởng của chúng ta.

Tôi đã không làm như thế. Thường vụ Hội Văn nghệ tổ chức cuộc họp để phê bình bài “Nhất định thắng”. Kể muốn tập trung vào một bài mà phê bình cũng được. Nhưng ý thức của tôi trong khi tham gia điều khiển cuộc họp ấy là muốn cô lập anh Trần Dần và tranh thủ những người khác có bài trong *Giai phẩm*. Cái lối cô lập và tranh thủ ấy dựa trên ý định lấy nhiều người đàn áp một người là một điều trái với nguyên tắc đấu tranh tư tưởng.

Hôm ấy lại không có mặt anh Trần Dần hình như lúc bấy giờ anh còn ở nông thôn nhưng chúng tôi không hề nghĩ đến việc cần phải tìm anh về và mời anh phát biểu. Cuộc phê bình rõ ràng là không bình đẳng.

Nhất là chúng tôi trong chủ tịch đoàn lại không hề uốn nắn nhiều lời phê bình quá đáng. Nên trước sau hội nghị chỉ phát biểu một chiều.

Tan cuộc họp tôi rất mừng tôi nghĩ rằng do cuộc họp này toàn giới văn nghệ sẽ đoàn kết phấn khởi. Tôi liên hệ đến Cải cách ruộng đất tôi nhớ lại tình hình đoàn kết phấn khởi của nông dân sau mỗi lần đấu tranh với địch. Sự liên hệ này tố cáo trong tư tưởng tôi đã làm lẫn bạn thù. Anh Trần Dần đối với tôi nghiêm nhiên đã là một kẻ thù không còn nghi ngờ gì nữa.

Vấn sự làm lẫn nghiêm trọng ấy trong bài phê bình của tôi đăng trên báo *Văn nghệ*. Trong bài này tôi đã nói: tính chất phản động của bài “Nhất định thắng” bài “Nhất định thắng” chứa đựng những tư tưởng phản động v.v... Tôi đã dùng hai chữ phản động không cân nhắc. Nhưng thực ra không phải chỉ là vấn đề dùng chữ. Toàn bài phê bình của tôi đều cùng một tinh thần ấy. Tôi nói tôi không kết luận về người chẳng qua chỉ có nghĩa là tôi không nói anh Trần Dần là ở trong một tổ chức của địch. Kết luận thế nào được? Có chứng cứ gì đâu mà kết luận? Nhưng trong ý nghĩ của tôi thì đúng là địch rồi dầu chưa có thể kết luận là ở trong một tổ chức địch. Tôi nhặt từng câu từng chữ để chứng minh rằng tác giả đã cố ý nói xấu chế độ ta cố ý vu khống miền Bắc. Nay tôi bình tĩnh đọc lại bài “Nhất định thắng” thì thấy tuy có câu không được rõ nghĩa nhưng không có gì để kết luận như thế. Không có chứng cứ mà kết luận như vậy thực là coi rẻ một cách quá đáng sinh mệnh chính trị của một người. Do đâu mà tôi đã kết luận như vậy?

Phải trở lại hoàn cảnh đầu năm nay. Lúc bấy giờ là lúc mới bước vào Cải cách ruộng đất đợt 5 chúng ta bắt đầu đánh vào dinh lũy cuối cùng của đế quốc phong kiến ở miền Bắc. Trước nguy cơ bị tiêu diệt địch phá hoại điên cuồng. Nhưng có khi chúng ta đã đánh giá địch quá cao tưởng chừng như chỗ nào cũng có địch. Riêng trong địa hạt văn nghệ những tin tức về vụ Hồ Phong bên Trung Quốc cũng vừa truyền sang. Trong trí tôi nảy ra ý nghĩ: Trung Quốc có Hồ Phong biết đâu chúng ta lại không có một Hồ Phong. Rồi một số dư luận về những quan hệ gia đình và

xã hội của anh Trần Dần trong quá khứ và trong hiện tại tuy không có căn cứ gì nhưng cũng đã ảnh hưởng đến tôi. Hơn nữa cái không khí phần nộ chung đối với bài “Nhất định thắng” và một số bài khác của anh Trần Dần như bài “Anh Cò Lắm”<sup>11</sup> đăng trên báo *Tổ quốc* nhất là việc có người đọc *Giai phẩm* tức quá xá ngay làm cho tôi càng thêm yên trí.

Sự yên trí ấy làm sai lạc cả nhận xét của tôi. Lúc đầu đọc bài “Nhất định thắng” tôi chỉ có cảm giác đây là một tâm trạng âm u điên loạn không chịu được ánh sáng của chế độ ta nhưng chẳng mấy chốc tôi đã chuyển sang nghĩ đây là một sự cố tình vu khống.

Làm cái việc phê bình mà mang sẵn thành kiến trong mình lại dựa dẫm vào ý kiến chung quanh không thực sự cầu thị không bình tĩnh suy xét thì thật là nguy hiểm nhất là khi đứng trong cương vị lãnh đạo thì lại càng nguy hiểm.

Bài phê bình của tôi đăng báo hồi tháng 3 đến tháng 4 Đảng phê bình chúng tôi tôi bắt đầu thấy sai nhưng vẫn xem rất nhẹ cái sai của mình. Sau đó chúng ta học tập nghị quyết của Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20 một luồng gió mới thổi rất mạnh vào trong Đảng và trong nhân dân. Liên đó là lớp học lý luận văn nghệ do Hội tổ chức; dưới ánh sáng của những nguyên tắc cơ bản về văn nghệ anh em văn nghệ phê bình việc này rất sôi nổi. Lúc bấy giờ tôi mới đo được cái sai lầm của tôi. Nhưng đi theo với những lời phê bình rất chính đáng cũng có nhiều những lời đả kích những lời bịa đặt. Tôi nổi tự ái lên tôi không tự phê bình. Rồi những công việc sự vụ hàng ngày lôi cuốn tôi đi. Tôi cứ thế buông xuôi. Mãi đến hôm Quốc khánh vừa rồi ở Quảng trường Ba Đình trước hàng chục vạn đồng bào Hồ Chủ tịch sau khi nhắc lại những thắng lợi của ta nói rõ ràng cái điều trước đó đã đăng báo nhưng hôm ấy tôi nghe như rất đột ngột là ta cũng đã phạm những sai lầm lớn tôi cảm thấy sâu sắc cái vĩ đại của chế độ của Đảng đang vươn mình lên trên mọi sĩ diện tự ái động cơ cá nhân nhỏ nhặt để sửa chữa khuyết điểm khắc phục khó khăn đưa nhân dân đến những thắng lợi mới. Tôi thấy tôi không thể nào không đấu tranh quyết liệt với mình để góp phần vào sự nghiệp chung của Đảng.

Nhưng nghĩ lại đấu tranh với sai lầm của người sao mà tôi vội vàng thế đến khi đấu tranh với sai lầm của mình lại chậm chạp thế? Và cả hai thái độ trên đây đều đã gây rất nhiều tai hại.

Trước hết tôi đã làm cho nhiều người nhất là những bạn đọc ở xa không hiểu rõ đầu đuôi cũng nhận định sai lầm như tôi. Thật là một điều oan ức đối với anh Trần Dần. Không có một chứng cứ gì rõ rệt mà đã bị buộc tội trên mặt báo trước hàng vạn người! Một đồng chí Trung ương Đảng nói: “Gắn một chữ phản động vào tên người ta như vậy là một điều đến mấy đời sau này con cháu người ta còn lấy làm khổ”. Tôi rất thấm thía về điều này.

Sự làm lẫn bạn thù trong việc phê bình còn gây một không khí e ngại không có lợi. Có người đã phải nói: “Làm văn nghệ khó thật”. Người sáng tác cũng như người biểu diễn có có được cái tư thế của những con người hoàn toàn giải phóng thì công trình sáng tác biểu diễn mới có điều kiện thực sự thành công.

Một điều tai hại hơn nữa là những sai lầm của tôi cùng với những sai lầm khác có thể làm cho một số người hiểu lầm về bản chất của văn nghệ ta là nền văn nghệ hoàn toàn tự do thực sự tự do đầu tiên trong lịch sử văn nghệ Việt Nam.

Những sai lầm của tôi trong cuộc phê bình bài “Nhất định thắng” đối với tôi là một bài học lớn. Cách mạng tháng Tám và liên đó cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc đã chuyển đời tôi và tư tưởng tôi theo một hướng mới: hướng phục vụ Tổ quốc phục vụ nhân dân. Cũng trên hướng đó chính huân và việc tham gia đấu tranh ở nông thôn nâng con người của tôi lên một bước: tôi bắt đầu nhìn thẳng vào con người cũ ở trong tôi và tôi thấy rõ muốn đi theo hướng mới không

thể nào cứ yên ổn xuôi dòng đi xuôi mà phải đấu tranh bản thân quyết liệt. Nhưng con người cũ với các thứ yếu đuối các thứ định kiến các thứ tùy tiện của nó không phải đã chịu nằm im. Việc phê bình có tính chất đàn áp này là một ví dụ. Nhưng Đảng giúp tôi vùng dậy anh em giúp tôi cả bản chất của chế độ dân chủ cộng hòa giúp tôi. Với tôi đây là một cuộc chinh huấn mới một lần nữa nhắc tôi không thể nào đi theo hướng mới nếu không đồng thời gạt rữa một số tàn tích trong mình.

[1] Truyện ngắn “Anh Cò Lắm” đăng trên tạp chí *Tổ quốc* số 27 ngày 20.1.1956 ký tên Trần Bá Xá. Lúc này Trần Dân đang đi tham quan Cải cách ruộng đất tại Bắc Ninh. Ngày 05.3.1956 tạp chí *Tổ quốc* số 30 đã đăng bài tự phê bình về “sai lầm nghiêm trọng” là đã đăng truyện ngắn này. Xem: “Truyện ngắn ‘Anh Cò Lắm’ và việc tạp chí *Tổ quốc* tự phê bình” *talawas* 30.5.2008 (*talawas*).

Lời dẫn của *talawas*: 1956 là một năm bản lề đối với toàn bộ khối XHCN trước đây. Đại hội 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô cuối tháng Hai 1956 với “Báo cáo mật” của Nikita Khrushchev về những tội trạng của Stalin mở ra một giai đoạn “tan băng” ngắn ngủi nhưng cũng đủ để dẫn đến những biến động quan trọng trong các nước XHCN. Tháng Tám 1956 Hội Văn nghệ Việt Nam tổ chức một lớp học 18 ngày về đường lối cải cách chống tệ sùng bái cá nhân tại Liên Xô. Trong chừng mực nào có thể xếp phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* tại Việt Nam vào bối cảnh quốc tế do sự kiện nói trên mở ra đó là đề tài còn cần được nghiên cứu. Trong loạt tư liệu do Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn sau đây chúng tôi xin giới thiệu một số bài đăng trên báo *Văn nghệ* trong khoảng thời gian từ tháng Tám 1956 đến đầu năm 1957 với thư kí toà soạn là Nguyễn Đình Thi. Đây cũng là giai đoạn mà các số *Giai phẩm* và 5 số *Nhân văn* ra đời. Số *Giai phẩm mùa Xuân* đầu năm 1956 bị tịch thu cũng được in lại trong thời gian này. Nguồn: Báo *Văn nghệ* Hà Nội s. 139 (20.9.1956) tr. 2. Lại Nguyên Ân biên soạn.

## Cuộc đời kỳ lạ của con gái Hoài Chân Ngân Giang



Nguyễn Phương Thủy (Con gái Hoài Chân)

Có lẽ, hầu như người Việt Nam nào đã từng học hết phổ thông đều biết đến tên Hoài Chân, đồng tác giả với Hoài Thanh viết cuốn “Thi nhân Việt Nam”.

Qua chuyện, tôi được biết nhà phê bình văn học Hoài Chân có một người con gái cũng là nhà thơ đang phải sống trong một trại tể bản tại Bắc Ninh... Bà tên là Nguyễn Phương Thủy, con gái thứ ba của nhà phê bình Hoài Chân.

Tôi tìm về Trung tâm dưỡng lão Phật Tích - Bắc Ninh để gặp bà, tại đây, bà chia sẻ: Từ khi đến với trung tâm này, bà thấy khá thanh thản và có thời gian bình lặng để an hưởng tuổi già. Mẹ bà là cụ Hồng Thị Bé vẫn còn nên thi thoảng gọi điện cho con gái để hỏi thăm. Tiếc rằng, cụ Bé đã gần 100 tuổi nên sức khỏe giảm sút, mắt lại không còn nhìn thấy gì nên không thể sang thăm con. Bà Thủy cũng ít có điều kiện để về thăm mẹ.

Bà Thủy vào Trung tâm này chưa lâu, tính đến đầu tháng 10/2010 thì được chừng 3 tháng. Lý do để bà chọn nơi này không phải vì không còn chỗ nương thân hay không có ai chăm sóc. Bà vẫn còn khá nhiều người họ hàng thân thích đang sinh sống tại Hà Nội.

Cháu ruột bà là lãnh đạo của một tập đoàn lớn sẵn sàng cung phụng bà đủ thứ nhưng bà không muốn làm phiền. Bà muốn bỏ lại đằng sau những lo toan và không còn muốn bon chen



gì với đời nữa. Đến đây, bà sẽ có cơ hội để nghỉ ngơi và chuẩn bị cho những sáng tác mới. Bà dự kiến sẽ viết hồi ký tại chính nơi này.

Bà tên đầy đủ là Nguyễn Phương Thuý con gái thứ ba của nhà phê bình văn học Hoài Chân cháu gọi Hoài Thanh bằng bác ruột (Hoài Thanh-Hoài Chân hai tác giả cuốn Thi nhân Việt Nam, và gọi bà Thuý Bắc (tác giả bài Sợi nhớ sợi thương) là cô ruột.

Chính bởi được sinh ra trong một gia đình nhiều trí thức lớn nên bà Thuý sớm được tiếp xúc sách vở và những kiến thức hiện đại. Bà được gia đình đưa vào học ở Nhạc viện Hà Nội và sau đó ở lại đây làm giáo viên giảng dạy bộ môn đàn dân tộc. Ngoài việc đi dạy, Phương Thuý còn sáng tác. Bà được đánh giá là cây bút nữ nhiều triển vọng của phong trào sáng tác văn học những năm 60 của thế kỷ trước.

Rồi cô gái Phương Thuý cũng lên xe hoa với một vị giáo sư hàng đầu ngành vật lý nước nhà thời bấy giờ. Cuộc hôn nhân của họ được cho là một cuộc hôn nhân lý tưởng của một đôi trai tài, gái sắc. Thế nhưng, số phận thường đùa giỡn với những gì được người đời xem là hoàn hảo. Phương Thuý và vị giáo sư kia không thể cùng chung sống!

Và bà gặp *Tuân Nguyễn* \* (người đàn ông này tên thật là Nguyễn Tuân nhưng đổi bút danh thành *Tuân Nguyễn* cho không lầm lẫn với nhà văn Nguyễn Tuân)- một người đàn ông vừa thoát khỏi vòng lao lý sau một trục trặc vì chuyện thơ - văn.

(\* ) Xem tr 41: “Người bạn lính cùng tiểu đội” ở dưới

Bình thường một người đi tù về đã khó hoà nhập cộng đồng thì ngày ấy, việc một người đi tù mà liên quan đến chữ nghĩa càng khó được chấp nhận hơn. Thế nhưng, người đàn bà ấy lại chấp nhận tất cả. Khi đến với Tuân Nguyễn, bà sẵn sàng bỏ lại sau lưng cuộc sống sung túc và mọi điều tiếng để đi theo tiếng gọi của tình yêu.

Với bà Thuý, thời gian bên Tuân Nguyễn là thời gian mà bà hạnh phúc nhất cuộc đời. Thế nhưng, cuộc sống của hai người cùng làm thơ, đọc sách bấy giờ quá khó khăn. Để đủ mưu sinh, bà phải bán hàng sách, báo để kiếm thêm. Cũng có thời gian, hai ông bà còn phải đi làm công nhân vệ sinh để phụ kế sinh nhai.

Ông Tuân Nguyễn làm thơ và làm nghề dịch sách kiếm sống. Ông vốn là *bạn thân của nhà văn Phùng Quán* nên mối thâm giao giữa vợ chồng Phương Thuý - Tuân Nguyễn và gia đình Phùng Quán khá bền chặt.



Tuân Nguyễn *đột ngột ra đi trong một tai nạn giao thông*. Bà gần như điên loạn khi chồng mất và phải mất rất nhiều năm sau mới lấy lại được cân bằng!

(Tuân Nguyễn  
ảnh trên bìa mộ)

Bỗng dưng, trên một trang thơ tuần báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam xuất hiện một bài thơ tứ tuyệt, nhan đề: Nghe nhạc Strauss.

Tên tác giả lạ hoắc: Tuân Nguyễn.

Sáng tác “Người con gái sông La” qua một bức ảnh

Ít ai biết, tác giả bài hát "Người con gái sông La" của nhạc sỹ Doãn Nho lại chính do cô con gái này của Hoài Chân sáng tác. Bài thơ ban đầu có tựa đề "Cô gái sông La" sau được nhạc sỹ Doãn Nho phổ nhạc và đổi tên.

Bà tâm sự, khi sáng tác bài thơ ấy, bà cũng chưa biết *sông La thế nào vì chưa từng một lần được đặt chân vào Hà Tĩnh*. Bài thơ được ra đời chỉ vì một lần bà tình cờ đọc báo viết về cô gái thanh niên xung phong La Thị Tám ngày đêm đứng chỉ đường cho xe qua không ngại bom đạn. Khi ấy bà đang là giáo viên của Nhạc viện Hà Nội.

Bức ảnh của cô gái La Thị Tám trong bài viết ấy có đôi mắt hồn hậu và trong sáng. Nhìn vào đôi mắt ấy cùng với sự cảm kích trước hành động của cô gái thanh niên xung phong kia, sau một đêm thức trắng, Phương Thủy đã chắt từng giọt tâm hồn để tạo nên những vần thơ đầy sôi sục và lắng đọng trong bài "Cô gái sông La".

Sau khi sáng tác bài thơ ấy, Phương Thủy cũng không có dịp về sông La. Đến hơn 30 năm sau, bà mới có cơ hội đến thăm ngã ba Đồng Lộc, thăm sông La. Nhắc đến chuyến đi này, bà cứ suýt xoa nhắc đi nhắc lại là người Hà Tĩnh chân thật và hồn hậu đúng như những gì bà cảm nhận được từ đôi mắt cô gái La Thị Tám.

Bà trở lại với chuyện sống trong trại dưỡng lão Phật Tích. Ở đây, bà gặp nhiều em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn. Hàng ngày, bà vẫn thường hướng dẫn các em cách viết nhật ký. Theo bà, đó chính là một cách rèn giũa tâm hồn cho các em và giúp các em trưởng thành hơn trong suy nghĩ. Bà nói với tôi, đó đều sẽ là những nhân vật trong hồi ký của bà.

\*\*\*

Bài đọc thêm đi với *Cuộc đời kỳ lạ của con gái Hoài Chân* ở trên

## Người bạn lính cùng tiểu đội Phùng Quán



(Tuân Nguyễn  
ảnh trên bìa mộ)

Vào những năm đầu của thập kỷ sáu mươi (1960), trên các mặt báo trung ương và địa phương các trang thơ tràn ngập đề tài sản xuất, chiến đấu, ca ngợi các hợp tác xã điển hình, các nông trường, các nhà máy, hầm mỏ tiên tiến, nào "sóng Duyên Hải, gió Đại Phong", nào gương người tốt việc tốt, tố cáo tội ác Mỹ Diệm..., thời thì đủ thứ. Bỗng dưng, trên một trang thơ tuần báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam xuất hiện một bài thơ tứ tuyệt, nhan đề: Nghe nhạc

Strauss. Tên tác giả lạ hoắc: Tuân Nguyễn.

Đã hơn ba mươi năm trôi qua kể từ ngày ấy, nhưng bài thơ nọ vẫn đọng lại tinh khôi trong trí nhớ của tôi (Phùng Quán).

Sóng sông Hồng bỗng xanh màu Danube

Nhạc bỗng bình trôi tới các vì sao...

Trời lung linh khế chao mình theo nhịp

Những người nước lạ phải lòng nhau...

Đề tài và nội dung bài thơ lạc lõng giữa biển thơ- hiện-thực sồi, nóng bỏng.

Như thể tự thấy mình chẳng giống ai, bài thơ đã tứ tuyệt rồi mà vẫn còn nép mình ở góc cuối trang báo, khiêm nhường, nhỏ thó với vẻ ngơ ngác, 10 lằng, nhìn lên những bài thơ bốc lửa...

Có điều lạ là ngay sau khi xuất hiện, bài thơ nhỏ bé nọ lập tức nổi tiếng, được nhiều độc giả mến mộ thơ ngày đó nhắc nhở, truyền tụng, nhiều đôi trai gái chép vào sổ tay tặng nhau... Mùa hè năm 1950, Trảng cát Phong Chương bắc Thừa Thiên bị rang bỏng dưới cái nắng như dội lửa. Gió Lào khô rất thổi tung cát thành những đám mây, phủ trùm lên một vùng cỏ cây cằn cỗi, nhuộm màu cháy xém. Tôi lúc đó là tiểu đội trưởng một tiểu đội mũi nhọn trong đại đội chủ công trung đoàn quân chủ lực 101. Tôi cùng tiểu đội dầm mình trong cát bỏng, gió Lào, mài mê luyện tập môn đánh bọc phá, chuẩn bị cho chiến dịch hè thu.

Tiểu đội tôi trẻ nhất đại đội, toàn những chàng trai 17, 18, 19... Tôi đang làm thị phạm động tác ôm thủ pháo chuẩn bị lao lên đột phá khẩu thì cậu Tiệm, liên lạc viên của đại đội, tay xách tiểu liên "Tuyn", đầu đội mũ nan giắt đầy lá ngụy trang, chạy như ngựa tể băng qua những động cát, nhảy phóc qua những dây xương rồng gai mặt nguyệt, chạy thẳng đến bãi tập. Tiệm đứng nghiêm, đưa tay lên vành mũ chào, vừa nói, vừa thở: "Báo cáo tiểu đội trưởng? Đại đội trưởng triệu tập đồng chí về ngay đại đội bộ! Hết!".

Tôi giao tiểu đội lại cho tiểu đội phó tiếp tục khoa mục tập. Khoác lên vai khẩu tiểu liên "Mát" tôi học tốc chạy theo Tiệm về đại đội bộ. Tôi đoán chừng đại đội trưởng điều động tiểu đội tôi đi phối hợp chiến đấu với một đơn vị nào đó. Đại đội trưởng chỉ hơn tôi ba bốn tuổi, cũng trẻ măng, nhưng đã được tặng thưởng huân chương Quân công. Anh đang ngồi trước bộ tràng kỷ bằng tre. Trên bàn một siêu nước lá vàng và mấy cái bát sành. Ngồi đối diện với anh là một thanh niên trạc tuổi tôi, dáng dấp học trò, tóc chải óp, áo sơ mi màu trứng sáo, quần tây xám, chân dận dép săng đan da. Anh ta đeo kính trắng, cái miệng thật rộng và thật tươi:

- Báo cáo Đại đội trưởng! Tiểu đội trưởng Quán có mặt!

Đại đội trưởng chỉ chiếc ghế tre chỗ cạnh anh, nói:

- Quán ngồi xuống đây.

Anh rót cho tôi một bát nước lá vàng đắng ngắt vị bọc phá. Chờ tôi uống cạn bát nước và kéo vạt áo quân phục sũng mồ hôi lau gương mặt sạm đen, đầy bụi cát, anh giới thiệu *một thanh niên lạ mặt ngồi đối diện*:

- Đồng chí Nguyễn Tuấn đây hoạt động trong phong trào học sinh kháng chiến nội thành. Tuấn học trường Providence, đỗ tú tài toán. Vừa rồi, sau vụ học sinh bãi khóa, Tuấn bị lộ. Thị uỷ Huế bố trí cho Tuấn theo đường dây lên chiến khu. Nguyễn vọng của Tuấn là được gia nhập quân đội. Trung đoàn tiếp nhận, bố trí đồng chí ấy làm việc tại phòng Chính trị. Nhưng Tuấn lại tha thiết muốn được cầm súng chiến đấu. Trên cử đồng chí ấy về đại đội ta. Tôi đã trao đổi với chính trị viên. Chúng tôi quyết định: Tuấn sẽ về tiểu đội của Quán. Qua thư giới thiệu của Phòng chính trị trung đoàn, thì Tuấn giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh, biết cả chữ Hán, lại có khả năng sáng tác văn thơ... Chúng tôi nghĩ hai đồng chí cùng trạc lứa tuổi, lại cùng thích văn thơ, chắc sẽ hợp nhau...

Tôi dăm dăm nhìn người đội viên mới của tiểu đội mình. Ý nghĩ đầu tiên là cậu ta quá thư sinh, đã thế dáng dấp lại còm nhom, hai cánh trần nom như hai ống quyển, và hai cẳng chân chắc cũng không to hơn. Thế mà hành trang một người lính trận thì nào súng, cơ số đạn, lựu đạn, bọc phá, ruột tượng gạo, ống muối, ba lô... Khi cần tuyết một tiếng còi chỉ huy, tất cả phải nằm gọn trên lưng, trên vai, quanh thắt lưng chỉ trong vòng ba phút. Và phải lên đường hành quân bất kể ngày đêm, bất kể sấm chớp, mưa bão, lửa đạn... Tự nhiên tôi dậm gịan hấn. Chắc khi ngồi mài đũa quần trên ghế nhà trường, cậu ta say sưa đọc câu thơ "Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa", mơ mộng thấy đời lính trận mê ly lắm. Chỉ cần mấy hôm thôi, cậu ta sẽ thấm đòan thể nào là "phai bạc áo hào hoa". Sao hấn ta không ở lại trung đoàn bộ làm lính văn phòng có hơn không?

"Đồng chí Quán vào Vệ Quốc đoàn từ trước ngày Huế nổ súng - lời giới thiệu của Đại đội trưởng về tôi cho Tuân nghe cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi - Quán đã tham gia chiến đấu ở mặt trận Huế, rồi mặt trận phía Nam, đèo Phất Tượng, Truồi, Nong... Tuy cùng trạc lứa tuổi với đồng chí, nhưng Quán là cựu binh của Trung đoàn, giải đầu trận mạc không thua chúng tôi đâu. Quán còn là cây văn nghệ quần chúng của đại đội. Chúng tôi mong hai cậu sẽ thân thiết nhau". Tôi và Tuân Nguyễn biết nhau từ đó. Khi hai chúng tôi đã khá thân nhau, tôi thường đọc cho Tuân nghe thơ tôi làm. Những bài thơ tràn giang đại hải, sắc mùi lính tráng. Một hôm, nhân bàn chuyện thơ, Tuân hỏi tôi:

- Này, cậu có biệt hiệu không?

- Có chứ, tôi đáp. Lúc đầu mình lấy biệt hiệu là Lúa Xanh. Nhưng sau đó nghe nó thối thối làm sao ấy, nên bỏ. Đang cố rặn ra một biệt hiệu khác, nghe đỡ nặng mùi hơn, nhưng chưa ra... Khi mới tập tọng làm thơ, người ta ai cũng nghĩ rằng việc quan trọng đầu tiên là phải có một cái biệt hiệu thật kêu, kiểu như các thi sĩ nổi danh: Tản Đà, Kinh Kha, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, T.T.K.H., Hoàng Cầm...

Tuân nói:

- Mình cũng từng nghĩ vậy. Rồi thấy biệt hiệu, biệt hiếc, vô duyên òm... Tên cha mẹ đặt cho thế nào cứ để nguyên nó thế ấy. Khốn nỗi, tên mình lại trùng với *ông Nguyễn Tuân* vang bóng một thời quá nổi tiếng. Mình đành xoay ngược nó thành *Tuân Nguyễn*, nhưng thôi, đành vậy.

- Cậu thấy thơ mình thế nào? - tôi hỏi hộp hỏi Tuân, trong bụng chờ được Tuân khen. Cả đại đội khen thơ mình, nhiều cậu còn chép để học thuộc đấy.

Tuân Nguyễn nhìn tôi qua tròng kính cận dày cộp, chợt mỉm cười. Cái miệng Tuân cười thật rộng, thật tươi...

- Thơ của cậu, hai mươi câu đầu để giữ gìn trật tự, hai mươi câu cuối chuẩn bị cho người nghe vỗ tay, còn *đoạn giữa là về...*

Tôi không ngờ thơ của mình bị ông bạn mới "mạt sát" đến thế. Tôi đau quá, nổi sùng, chỉ muốn đập cho hấn một đập. Nhưng tôi đã ghìm được, vì nhớ đến chức danh Tiểu đội trưởng của mình. Tiểu đội trưởng mà đập đội viên vì thơ bị chê thì ê quá. Nhưng Tuân hình như không để ý gì đến thái độ giận dữ của tôi. Cậu ta đọc cho tôi nghe những bài thơ cậu ta làm, đủ các thể loại: tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú, lục bát, những bài thơ mỗi đoạn bốn câu ba vần... Mặc dầu tự ái một cây, tôi phải cay đắng nhận rằng bên cạnh những bài thơ ý tứ hàm súc đầy nhạc điệu của Tuân, thơ tôi đúng là những bài về tràn giang đại hải, không chối vào đâu được. Từ đó đến nay đã hơn bốn mươi năm trôi qua, mỗi lần tôi đặt bút định viết một bài thơ, lời nhận xét vừa nghiêm khắc, vừa giễu cợt của Tuân lại vang vọng bên tai tôi, làm tôi chùn bút.

Một đêm ở chiến khu Câu Nhi, nằm trên sạp nứa, gác vế lên nhau, Tuân khuyên tôi:

- Cậu phải học luật thơ Đường làm cái vốn cơ bản, sau đó phát huy thành các thể thơ tự do, mới hy vọng thơ có thể khá lên được.

Tôi mộng ước được làm nhà thơ, tôi chấp nhận lời khuyên của Tuân. Tôi hạ quyết tâm phải học thành thực luật thơ Đường. Ban ngày tôi dạy Tuân các môn xạ kích, ném lựu đạn, đâm lê, đánh bộc phá... Đêm đến, bên bếp lửa bập bùng chiến khu, Tuân giảng dạy tôi *luật bằng trắc, luật các về đối, luật cấu trúc các thể loại thơ Đường: tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, ngũ ngôn...* Tôi dùng mũi đinh nhọn ghi lời giảng dạy lên bảng súng để lúc nào cũng có thể ôn lại được. Tôi tập làm thử một số bài thơ theo cách Tuân dạy. Nhưng làm xong tôi phải vo viên liệng ngay vô bếp, không dám đọc cho ai nghe. Trong nghề thơ, tôi tự ví mình như anh chàng ham trò đánh phau nhưng chỉ quen dùng đục một môn "võ dân gian" là đá củ đậu, ba năm võ tàu không bằng một chầu đá củ đậu. Bây giờ tôi phải học đâm lê theo đúng quy tắc, một bước tiến, hai bước lùi...

gạt trái, đâm phải... làm sao tiếp thu nổi.

Mỗi lần nghĩ về người đội viên mới của mình, lòng tôi lại thấy buồn vì ghen tài và đố kỵ: "Hắn mới là người được trời sinh ra để làm thi sĩ. Tên tuổi hắn nay mai sẽ lẫy lừng trên thi đàn đất nước. Còn mình dù cố gắng đến hết đời cũng chỉ là một anh văn nghệ quần chúng, ca dao, hò, vè...". Để dịu bớt đau khổ, tôi tự an ủi: "Nhưng về mặt binh nghiệp mình sẽ hơn hắn. Khi hắn nổi danh về văn thơ, thì mình sẽ lên đến chức Sư đoàn trưởng. Vậy là huề!".

\*\*\*

Sang cuối năm 1953, hai chúng tôi phải xa nhau vì nhiệm vụ của chiến trường. Tôi được cử đi học trường Quân chính Bình Trị Thiên. Tuân Nguyễn được bổ sung vào đơn vị tình nguyện quân mặt trận Trung Lào. Mãi đến năm 1957 chúng tôi mới gặp lại nhau. Hòa bình lập lại, Tuân ra khỏi quân ngũ, đi học tiếp và tốt nghiệp Đại học Sư Phạm, làm thầy giáo. Sau đó được điều về Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Lương của Tuân Nguyễn năm đó là 93 đồng. Còn tôi, lâm vào cảnh khổ nạn văn chương Nhân văn Giai phẩm phải về tá túc bên bờ hồ Tây, nhập phường câu cá trộm...

Tuân mò tìm được nơi tôi tá túc, thường xuyên mang cho tôi áo quần, tem gạo, phiếu thịt, kẹo, thuốc lá căng tin... Mỗi lần đem cho như vậy, Tuân rất sợ tôi méch lòng, tủi thân, nên bao giờ cũng tìm cách nói thác. "Có bộ áo quần mình thuê may hồng, mặc rộng thùng thình cứ như áo tể. Cậu đừng ngại hơn mặc giúp mình cho đỡ phí". "Một nhà báo ngoại quốc có nhận xét người Việt Nam ta rất có đầu óc hài hước. Hài hước ngay cả trong việc sản xuất bánh kẹo. Ngoài bao bì đề kẹo cứng thành kẹo mềm muốn chảy nước. Nếu đề kẹo mềm thì cần muốn vỡ răng. Này, cậu khoẻ răng ăn giúp mình hai gói kẹo mè này".

Một lần, tôi hỏi Tuân: "Cậu hay gặp mình, thế nào cơ quan họ cũng biết. Cậu không ngại à?" Tuân Nguyễn vốn là người ăn nói hết sức nhã nhặn, ở cơ quan cấm ai thấy cậu ta vắng tục. Nhưng chỉ khi hai đứa với nhau, hoài niệm cuộc sống lính tráng, cậu ta vắng tục ào ào: "Có ngại cái con cặc. Dù mạ, mình căm ghét nhất là thói vô ơn! Nếu ngày đó cậu không chơi trò "Nhân danh tiểu đội trưởng" thì chắc mình đã nằm mục xương giữa trảng cát Phong Chương, Hà Thanh... với một ruột tượng gạo thối mục đầy máu... Cậu quên rồi à, đúng cái hôm cậu phịa chuyện Phòng chính trị giao mình dịch truyền đơn dịch vận, bốn cậu được cử đi lấy gạo, tụi phục kích xơi tái mất hai, cậu gì nhỉ, à cậu Lượng, cậu Vinh... Có đâu mình còn sống đến bây giờ mà đại học đại hiếc, nhà thơ nhà thiếc, phát thanh phát thiếc?... Cút!".

Năm 1963, vợ chồng tôi sinh con gái đầu lòng. Đến đón cháu ở nhà hộ sinh A, có bà ngoại cháu, tôi và Tuân Nguyễn. Vợ tôi vui lắm, nói với hai người:

- Bà với chú Tuân thấy cháu có xinh không?

Tuân cúi xuống nhìn gương mặt nhỏ xíu còn đỏ hồng của cháu, cười cười. Bà ngoại cháu vốn suốt đời chỉ biết công việc nội trợ, và gần như không biết chữ, buột miệng nói:

- Bây giờ mẹ mừng mừng rỡ rỡ thế đấy, không biết đời con rồi có ngóc đầu dậy được không!...

Bà ngoại và hai mẹ con đi xích lô về nhà. Tôi và Tuân lững thững đi bộ dọc đường Ngô Quyền. Dáng vẻ cậu ta trở nên trầm ngâm và lặng lẽ. Im lặng một lúc khá lâu, Tuân chợt nói:

- Bà cụ nói thật khủng khiếp! Đó là lời tiên đoán về số phận những nghệ sĩ quyết định: "Yêu ai cứ bảo là yêu. Ghét ai cứ bảo là ghét. Dù ai ngon ngọt nuông chiều. Cũng không nói yêu thành ghét. Dù ai cầm dao dọa giết. Cũng không nói ghét thành yêu...".

Lời nhận xét bất ngờ của Tuân làm tôi bất giác rùng mình. Một câu Kiều chợt ập đến trong đầu: "Đường xa nghĩ đến đoạn trường mà kinh!". Tuân bảo tôi:

- Bắt đầu từ hôm nay, mỗi tháng mình gửi cậu 5 đồng mua sữa cho cháu. Hàng tháng cứ đến ngày mùng ba - ngày mình lĩnh lương - cậu chịu khó đến chỗ mình. Sợ có khi mình mắc việc, không xuống chỗ cậu được. Nếu mình đi công tác vắng, mình sẽ gửi lại chỗ cậu V. ở tổ thơ.

Ngày đó, 5 đồng mua được ba hộp sữa Ba Vì. Lúc chia tay, Tuấn còn dặn thêm:

- Lỡ khi nào cậu kéo không được gì, nếu tiện đường tạt vào chỗ mình mà ăn cơm. Cơm tập thể chỗ mình khá lắm...

Từ đấy, hôm nào cạn túi, tôi lại đạp xe lên 20 phố Tràng Tiền, bếp ăn tập thể của cơ quan Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. May mắn được gặp Tuấn là no bụng.

\*\*\*

Tuân Nguyễn sống trong một gian buồng nhỏ, rộng chừng 8 mét vuông, ở tầng gác hai, ngay đằng sau gian nhà ăn tập thể. Buồng kê một giường cá nhân, một giá sách lớn che kín mặt tường chiều ngang. Chanh giá sách là bàn viết. Đối diện cửa ra vào treo chân dung Dostoievsky lồng khung kính trên tường, phía đầu giường treo ảnh của cậu ta, phóng to, cũng lồng khung kính. Đó là hai vật trang trí độc nhất trong gian buồng.

Trên giá sách, có khoảng vài chục cuốn sách tiếng Việt. Còn lại là sách tiếng Pháp, tiếng Anh. Toàn tập Dostoievsky, toàn tập Chekhov, toàn tập Brecht, Maxim Gorki, Jack London...

Tuân Nguyễn đọc đến nát như toàn tập Dostoievsky. Cậu ta đọc Đốt đến rạc cả người. Nhà văn mà Tuấn đặt thành tích để vươn tới là Đốt. Tuấn nói với tôi:

- Điều này mình chỉ nói riêng với cậu thôi. Nhiều đêm mình nằm mơ, cuốn sách của mình được in ra, và được những người sành văn đánh giá là xấp xỉ với Đốt.

Bạn hữu chúng tôi không ai bảo ai cùng gọi đùa Tuấn là cụ Đốt. "Ta đến chơi cụ Đốt đi. Cụ Đốt vừa có thơ được in trên báo Văn Nghệ, ta đến bắt cụ khao một chầu thịt chó".

Một bữa, tôi và một người bạn đến chơi, bắt gặp cụ Đốt trong tình trạng bứt rứt, buồn bã. Tôi hỏi: "Có chuyện gì thế, Tuấn?". Tuấn giải thích:

- Có lần cậu đã kể với mình, nhà thơ Nekrasov sau khi đọc tác phẩm đầu tay của Đốt, đã đội tuyết Petersburg đến nhà Belinsky lúc một giờ sáng, mà reo lên: "Tôi đến báo với anh một tin vui: Nước Nga xuất hiện một Gogol mới! Belinsky cầu nhàu: các anh làm như Gogol là nắm không bằng. Quả nhiên, sau này Đốt còn vượt cả Gogol. Cũng có thể cậu rơi vào đúng trường hợp này. Mình biết cậu từ thuở 18, 19 tuổi. Mình không có cái tài tiên tri thấu thị của Nekrasov, nhưng mình có cái trực giác của người lính dãi dầu trận mạc. Mình đã tiên cảm trong tương lai, cậu sẽ là nhà văn làm sáng danh đất nước. Bởi vậy mà mình mới quyết định chơi trò "Nhân danh Tiểu đội trưởng".

\*\*\*

Tuân Nguyễn là người vỡ lòng cho tôi về Dostoievsky, cũng như hơn mười năm trước đó đã vỡ lòng cho tôi về niêm luật Đường thi. Nhờ cậu ta mà từ những năm 1961, 1962, tôi được biết nội dung tóm tắt những tác phẩm quan trọng nhất của Đốt. Từ tác phẩm đầu tay Những người cùng khốn đến các tác phẩm viết sau khi bị lưu đày ở Tây Bá Lợi Á mười năm: Kỷ niệm ngôi nhà những người chết, Những người bị lãng nhục và bị xúc phạm, Tội ác và hình phạt, Con bạc, Thăng ngục, Đầu xanh tuổi trẻ, Lũ người quỷ ám, Anh em nhà Karamazov... Những câu văn của Đốt Tuấn trích dẫn đã in khắc vào trí nhớ tôi cho mãi đến hôm nay: "Địa ngục nằm trong lòng những con người không còn biết yêu thương",

\*\*\*

Lâu lâu không thấy Tuấn xuống Nghi Tàm chơi. Sợ cậu ta ốm đau gì chẳng, tôi tìm lên Tràng Tiền. Ngày 21 tháng 10 năm 1964, Tuấn Nguyễn bị bắt.

Và sau đó là thời gian đi tù *chín năm bảy tháng*...

Tôi còn nhớ rõ được như vậy vì lúc Tuấn bị bắt, con gái tôi, - được Tuấn chu cấp sữa hàng



tháng - mới chưa đầy hai tuổi. Lúc Tuân được thả về cháu đã học hết cấp một. Tội danh của Tuân và vì sao Tuân bị bắt, ngày đó tôi không được biết tường tận cho lắm: Tôi chỉ biết Tuân Nguyễn bị bắt vào buổi sáng, thì buổi chiều tôi lò dò đến 20 phố Tràng Tiền. Hôm đó tôi cạ túi, định ghé vô ăn chực Tuân một suất cơm tập thể... Tôi đang loay hoay tìm chỗ dựng xe đạp trước cửa nhà ăn thì nhà thơ Trần Nguyên Vấn, cũng là dân Huế và làm cùng cơ quan với Tuân, từ bên trong nhà ăn sải bước chân ra, vẻ mặt thất sắc, hớt hải. Vấn đến sát bên tôi, ghé sát tai thì thầm: Quán về ngay đi. Tuân Nguyễn vừa bị bắt sáng nay... Tôi lây nỗi khiếp hãi của Vấn, nhảy phóc lên xe đạp phóng như điên về Nghi Tàm. Tôi chệnh choạng dựa xe vào phen liếp, hai chân bồng như bị đốn... Tôi nằm dài ra nền nhà....

\*\*\*

Một buổi vào giữa trưa, tôi đang ngồi đtm bếp, thì cửa liếp xịch mở. Tôi ngẩng lên, ngồi lạng đi một lúc khá lâu. Tôi bật gọi, cổ nghẹn tắc: - Trời... Tuân!

Phải, người đang đứng trước mặt tôi là Tuân Nguyễn. Da mặt vàng úa và hơi phù nề. Cặp kính cạ vành đồng rỉ xanh và hai gọng được thay bằng hai vòng dây gai xe. Cái miệng vẫn rộng nhưng không còn tươi nữa. Cặp môi nhợt nhạt vì thiếu máu. Như bưng tỉnh, tôi loạng choạng đứng dậy. Và hai chúng tôi ôm chặt lấy nhau lúc nào không biết. Phút chốc hai gương mặt dãi dầu, bầm dập khổ nạn trần gian, đẫm lệ. Tôi thì thầm qua nước mắt:

- Thế mà đã gần mười năm rồi... Mười năm tốt đẹp nhất của một đời người...

Tuân cười buồn:

- Chắc cậu không tin mình còn có ngày trở về?

Tôi thổi cơm, rán cá, nấu canh chua. Hai đĩa ngồi ăn ngay bên bếp.

- Nghĩ cho cùng, không có cái rủi nào lại không chứa sẵn ít nhiều cái may. - Tuân nói - Có lẽ nhờ vậy mà con người mới có thể tồn tại trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất.

- Cậu thử nói cái may cậu tìm thấy trong mười năm qua xem nào - tôi hỏi.

Nhờ mười năm qua mình đã tự học được tiếng Nga. Bây giờ mình có thể đọc được

Dostoevsky từ nguyên bản. Nhưng điều may mắn này mới là quan trọng hơn cả: trong mười năm qua, mình đã sống giữa những con người vô cùng phong phú và phức tạp, chất liệu sống vàng ròng cho các nhà văn. Mình chỉ đơn cử với cậu một người...

\*\*\*

"... Anh ta vào trại trước mình khá lâu, bị trừng phạt vì tội gì, mình không rõ. Người thì bảo anh ta phạm tội hình sự, người lại bảo mắc tội chính trị. Nhưng cả hai tội mình đều thấy khó tin. Anh ta không có dáng dấp của kẻ cướp bóc, và cũng không có phong độ của người làm chính trị.

Bộ dạng anh ta ngu ngơ, dở dại dở khùng. Mình có cảm giác anh ta là *một khúc củi rêu*, do một trận lũ cuốn từ một xó rừng nào về, trôi ngang qua trại, bị vướng vào hàng rào của trại rồi mắc kẹt luôn ở đó. Nhìn anh ta, rất khó đoán tuổi, có thể ba mươi, mà cũng có thể năm mươi.

Gương mặt anh ta gầy choắt, rúm ró, tàn tạ, như một cái bị cói rách, lẩn lóc ở các đồng rác.

Người anh ta cao lóng khòng, tay chân trắng đườn đuồn đuổn, đen cháy, chỉ toàn da, gân với xương.

Trên người, tứ thời một mớ giẻ rách thay cho quần áo. Lúc đầu mình cứ tưởng anh ta *bị câm vì suốt ngày ít khi thấy anh ta mở miệng dù là chỉ để nhếch mép cười*. Thật ra anh ta chỉ là người quá ít lời. Gặp ai trong trại, cả cán bộ quản giáo lẫn phạm nhân, anh ta đều cúi chào cung kính, nhưng không chuyện trò với bất cứ ai. Nhưng không hiểu sao, ở con người anh ta có một cái gì đó làm mình đặc biệt chú ý, cứ muốn làm quen... Nhiều lần mình định bắt chuyện, nhưng anh ta *nhìn mình với ánh mắt rất lạ, rồi lảng tránh* sau khi đã cúi chào cung kính. Hầu như tất cả các trại viên, kể cả những tay hung dữ nhất, cũng đều thương anh ta. Những trại viên được gia đình tiếp tế người để dành cho anh ta viên kẹo, miếng bánh, người cho điếu thuốc. Ở trại, anh ta có một đặc quyền không ai tranh được, và cũng không ai muốn tranh. Đó là *khâm liệm tù*



*chết. Mỗi lần có tù chết, giám thị trại đều cho gọi "thằng khùng"* (tên họ đặt cho anh ta) và giao cho việc khâm liệm. Với bất cứ trại viên chết nào, kể cả những trại viên đã từng đánh đập anh ta, anh ta đều khâm liệm chu đáo giống nhau. Anh ta nấu nước lá rừng, tắm rửa cho người chết, kỳ cọ ghét trên cái cơ thể lạnh ngắt cứng queo, với hai bàn tay của người mẹ tắm rửa cho đứa con nhỏ. Lúc tắm rửa, kỳ cọ, miệng anh ta cứ mấp má nói cái gì đó không ai nghe rõ. Anh ta rút trong túi áo một mẫu lược gầy, chải tóc cho người chết, nếu người chết có tóc. Anh ta chọn bộ áo quần lành lặn nhất của người tù, mặc vào rồi nhẹ nhàng nâng xác đặt vào áo quan được đóng bằng gỗ tạp sơ sài. Anh ta cuộn những bộ áo quần khác thành cái gói vuông vắn, đặt làm gối cho người chết. Nếu người tù không có áo xống gì, anh ta đẽo gọt một khúc cây làm gối. Khi đã hoàn tất những việc trên, anh ta quỳ xuống bên áo quan, cúi hôn lên trán người tù chết, và bật khóc. Anh ta khóc đau đớn và thống thiết đến nỗi mọi người đều có cảm giác người nằm trong áo quan là anh em máu mủ ruột thịt của anh ta. Với bất cứ người tù nào anh ta cũng khóc như vậy. Một lần giám thị trại gọi anh ta lên:

- Thằng tù chết ấy là cái gì với mày mà mày khóc như cha chết vậy?

Anh ta chấp tay khúm núm thưa:

- Thưa cán bộ, người chết mà không có tiếng khóc tổng tiền thì vong hồn cứ lẩn quẩn trong trại. Có thể nó tìm cách làm hại cán bộ. Lúc hấn còn sống, cán bộ có thể trừng trị hấn, nhưng đây là vong hồn hấn, cán bộ muốn xích cổ, cũng không xích được.

Thằng khùng nói có lý. Giám thị trại mặc, cho nó muốn khóc bao nhiêu thì khóc. Nhưng mình không tin là anh ta khóc vờ. Lúc khóc, cả gương mặt vàng úa, nhăn nhúm của anh ta chan hòa nước mắt. Cả thân hình gầy guộc của anh ta run rẩy. Mình thường nghĩ ngợi rất nhiều về anh ta. Con người này là ai vậy? Một thằng khùng hay người có mối từ tâm lớn lao của bậc đại hiền?... Thế rồi, một lần, mình và anh ta cùng đi lùa trâu xuống con sông gần trại cho đầm nước. Trên bãi sông mọc độc một cây mùng già gốc sần sùi tán lá xác xơ trải một mảng bóng râm bằng chiếc chiếu cá nhân xuống cát và sỏi. Người lính gác ngồi trên bờ sông dốc đứng, ôm súng trú nắng dưới một lùm cây. Anh ta và mình phải ngồi trú nắng dưới gốc cây mùng, canh đàn trâu ngụp lặn dưới sông. Vì mảng bóng râm quá hẹp nên hai người gần sát lưng nhau. Anh ta bỗng lên tiếng trước, hỏi mà đầu không quay lại:

- Anh Tuân này - không rõ anh ta biết tên mình lúc nào - sống ở đây anh thèm cái gì nhất?

- Thèm được đọc sách - mình buột miệng trả lời, và chợt nghĩ, *có lẽ anh ta chưa thấy một cuốn sách bao giờ, có thể anh ta cũng không biết đọc biết viết cũng nên.*

- Nếu bây giờ có sách thì anh thích đọc ai? - anh ta hỏi.

- Voltaire! - một lần nữa mình lại buột miệng. Và lại nghĩ: *Nói với anh ta về Voltaire thì cũng chẳng khác gì nói với gốc cây mùng mà mình đang ngồi dựa lưng.* Nhưng nhu cầu được chuyện trò bộc bạch với con người nó cũng lớn như nhu cầu được ăn, được uống... Nhiều lúc chẳng cần biết có ai nghe mình, hiểu mình hay không. Đó chính là tâm trạng của anh công chức nát rượu Marmeladov bất chợt nói to lên những điều tủi hổ nung nấu trong lòng với những người vớ vẩn trong một quán rượu tồi tàn, mà Dostoevsky miêu tả trong Tội ác và trừng phạt. Anh ta ngồi bó gối, mắt không rời mặt sông loá nắng, hỏi lại:

- Trong các tác phẩm của Voltaire, anh thích nhất tác phẩm nào?

Mình sững sốt nhìn anh ta, và tự nhiên trong đầu nảy ra một ý nghĩ kỳ lạ: một người nào khác đã ngồi thay vào chỗ anh ta... Mình lại liên tưởng đến một cậu làm việc cùng phòng hồi còn ở Đài phát thanh, tốt nghiệp đại học hần hoi, đọc tên nhạc sĩ Chopin (Sôpanh) là Cho Pin.

Mình trả lời anh ta:

- Tôi thích nhất là Candide.

- Anh có thích đọc Candide ngay bây giờ không?

Không đợi mình trả lời, anh ta nói tiếp:

- Không phải đọc mà nghe... Tôi sẽ đọc cho anh nghe ngay bây giờ.

Rồi anh ta cất giọng đều đều đọc nguyên bản Candide. Anh đọc chậm rãi, phát âm chuẩn và hay như mấy cha cố người Pháp, thầy dạy mình ở trường Providence. Mình *trần trần nhìn cái miệng rúm ró, răng vàng khè đầy bựa của anh ta như nhìn phép lạ*. Còn anh ta, mắt vẫn không rời dòng sông loá nắng, tưởng chừng như anh ta đang đọc thiên truyện Candide nguyên bản được chép lên mặt sông...

Anh đọc đến câu cuối cùng thì keng ở trại cũng vang lên từng hồi, báo đến giờ lừa trâu về trại. Người lính gác trên bờ cao nói vọng xuống: "Hai đứa xuống lừa trâu, nhanh lên!".

- Chúng mình lừa trâu lên bờ đi! - anh nói.

Lội ra đến giữa sông, mình hỏi anh ta:

- Anh là ai vậy?

Anh ta cỡi lên lưng một con trâu, vừa vung roi xua những con trâu khác, trả lời:

- Tôi là *cái thanh ngang trên cây thập tự đồng đình Chúa*.

Rồi anh ta tiếp:

- Đừng nói với bất cứ ai chuyện vừa rồi...

Giáp mặt người hnh canh, bộ mặt anh ta thay đổi hẳn - *ngu ngơ, đần độn như thường ngày*.

Cuối mùa đông năm đó, anh ta ngã bệnh. Nghe các trại viên kháo nhau mình mới biết.

Thằng chuyên gia khâm liệm e đi tong. Thế là nếu bọn mình nghèo, sẽ không còn được khâm liệm tử tế và chẳng có ai khóc tống tiễn vong hồn... - những người tù nói, giọng buồn.

Mình gặp giám thị trại, xin được thăm anh ta.

Giám thị hỏi:

- Trước kia anh có quen biết gì thằng này không?

Mình nói:

- Thừa cán bộ, không. Chúng tôi hay đi lừa trâu với nhau nên quen nhau thôi.

Giám thị đồng ý cho mình đến thăm, có lính đi kèm. Anh ta nằm cách ly trong gian lán dành cho người ốm nặng. Anh ta nằm như dán người xuống sạp nằm, hai hốc mắt sâu trũng, nhắm nghiền, chốc chốc lại lên cơn co giật...Mình cúi xuống sát người anh ta, gọi hai ba lần, anh ta mới mở mắt, chăm chăm nhìn mình. Trên khoé môi rúm ró như thoáng một nét cười. Nước mắt mình tự nhiên trào ra rơi lã chã xuống mặt anh ta. Anh ta thè lưỡi liếm mấy giọt nước mắt rớt trúng vành môi. Anh ta thều thào nói:

- Tuân ở lại, mình đi đây... Đưa bàn tay đây cho mình...

Anh ta nắm chặt bàn tay mình hồi lâu. Một tay anh ta rờ rẫm móng giẻ rách khoác trên người, lấy ra một viên than củi, được mài tròn nhẵn như viên phấn viết. Với một sức cố gắng phi thường, anh ta dùng viên than viết vào lòng bàn tay mình một chữ nho. Chữ Nhẫn.

Viết xong, anh ta hoàn toàn kiệt sức, đánh rớt viên than, và lên cơn co giật.

Người lính canh dẫn mình lên giám thị trại với bàn tay có viết chữ Nhẫn ngửa ra. Người lính canh ngờ rằng đó là một ám hiệu. Giám thị hỏi:

- Cái hình nguệch ngoạc này có ý nghĩa gì? Anh mà không thành khẩn khai báo, tôi tống cổ anh ngay lập tức vào biệt giam.

Mình nói:

- Thừa cán bộ, thật tình tôi không rõ. Anh ta chỉ nói: tôi vẽ tặng cậu một đạo bùa để xua đuổi bệnh tật và tà khí.

Nghe ra cũng có lý, giám thị trại tha cho mình về lán...

Kể đến đó, Tuấn Nguyễn chợt mở lòng bàn tay phải, nhìn đăm đăm như *muốn tìm lại dấu vết*

*chữ Nhẫn*, rồi lắc lắc đầu, nói như chl cốt cho mình nghe:

- Ngay cả trong tác phẩm Kỷ niệm ngôi nhà những người chết, cũng không có được một nhân vật như vậy.

\*\*\*

Tuân Nguyễn cho tôi biết về Hà Nội đã được gần một tháng. Tôi nói:

- Thế mà đến hôm nay cậu mới gặp mình. Tệ quá!

- Vừa đặt chân xuống Hà Nội, mình đã nghĩ về với cậu - Tuân nói - Nhưng nghĩ lại thấy chưa nên. Cậu đang gặp khó khăn, mình lại về tụ bạ với cậu, sẽ không hay cho cả hai...

Sắp đứng lên ra về, Tuân Nguyễn như chợt nhớ điều gì.

- Ở này, cậu có "đồng tiền vàng" nào không?

Tôi ngạc nhiên:

- Đồng tiền vàng nào?

- Thì... "đồng tiền vàng" để ngựa thai ấy mà... Cuối cùng, đến hôm nay mình vẫn chưa được biết mặt mũi nó thế nào... Tuân nói - mà mình sẽ dùng. Được hẳn một chục đồng thì còn gì bằng! Minh lại sắp lấy vợ...

- Lấy vợ? Mới một tháng trở về với cõi tục mà cậu đã tìm được vợ thì tài thật! Không phải cái cô mà cậu gọi nhầm tên ấy chứ?

- Người mình định lấy chắc cậu cũng biết.

- Ai thế?

- Phương Thúy, *con cụ Hoài Chân*, một trong hai tác giả cuốn Thi nhân Việt Nam.

- Phương Thúy thì mình biết quá, làm thơ, dạy đàn tam thập lục ở nhạc viện Hà Nội. Nhưng chồng cô ta là một tiến sĩ vật lý danh tiếng kia mà.

- Phương Thúy vừa làm xong thủ tục ly dị...

- Bỏ một tiến sĩ vật lý danh tiếng để lấy một anh tù vừa được tha sau mười năm...! - tôi cười to

- Ngay cả thiên tài như Đốt cũng không nghĩ ra được một tình huống cắc cớ đến như vậy?

Tuân Nguyễn và Phương Thúy lấy nhau sau đó một tháng, Thúy đem tất cả số tiền dành dụm rồi bạn hữu gom góp thêm, mua một gian buồng sáu mét vuông gần ga Hàng Cỏ. Bạn hữu xúm lại xây "tổ ấm" cho cặp vợ chồng muộn màng. Người góp nôi, người góp xoong, bếp dầu, chén bát, bàn viết, ghế ngồi, giá sách, giường bằng gỗ tạp. Hoạ sĩ Chu Hoạch góp một bức chân dung Đốt, treo trước bàn viết. Tôi và hoạ sĩ Huy Quang chở từ Nghi Tàm lên mấy cây tre, đóng một cái chạn để bát đĩa xoong nôi. Gian buồng tuy hẹp nhưng xem chừng cũng tươm.

(...)

"Ở hiền gặp lành". Đạo lý này tôi được dạy dỗ từ thuở ấu thơ. Nhưng khi nhận được tin Tuân Nguyễn chết vì tai nạn giao thông, niềm tin vào đạo lý này lung lay trong tôi. Tôi tự hỏi: "Người bạn thân thiết của tôi sống hiền đến như vậy, tại sao chỉ gặp toàn điều dữ?".

Sau ngày đất nước thống nhất được ít lâu, một người học trò cũ của Tuân từ Sài Gòn ra Hà Nội, tìm gặp thầy và nói: "Thưa thầy, hiện nay em là Hiệu trưởng một trường vừa học vừa làm. Nếu thầy chuyển vào Sài Gòn, em xin hứa sẽ bố trí thầy vào làm việc ở trường, đưa thầy vào biên chế. Như vậy thầy sẽ có lương tháng đều đặn, và có một chỗ ở tử tế trong khu tập thể của cán bộ trường. Em tin rằng chỉ mất một thời gian ngắn, cuộc sống của thầy sẽ đi vào ổn định, và thầy có thì giờ để thực hiện tác phẩm mà suốt đời thầy mơ ước".

Vợ chồng Tuân Nguyễn nghe theo lời khuyên của bạn hữu, quyết định vào cư trú ở Sài Gòn.

Trước hôm vợ chồng Tuân lên tàu liên vận vào Nam, chúng tôi dọn sạch gian buồng để trả lại

cho chủ cũ, và tổ chức một buổi liên hoan tiễn đưa. Bạn hữu đến dự ngồi chật kín gian buồng. Người nào cũng mang theo quà bánh, áo quần, tiền, thơ, tranh... tặng hai vợ chồng làm vốn dặt lạng. Tiệc chia tay chỉ có mấy chai rượu trắng, một ít lạc rang. Tôi nhớ, hôm đó tôi mang tất cả số tiền bán cá định đưa về cho vợ, biếu vợ chồng Tuấn. Đâu chỉ có hơn chục đồng, toàn tiền lẻ nhàu nát và tanh sực mùi cá.

\*\*\*

Một buổi chiều cuối tháng ba âm lịch 1981, một buổi chiều định mệnh - đúng vào năm Tuấn bốn mươi chín tuổi..., cậu ta đạp chiếc xe mini tòng tọc đi lấy báo về cho sạp báo của vợ. Xấp báo xếp đầy trước giỏ xe. Đường phố Sài Gòn xe cộ như mắc cửi. Tuấn đạp rất chậm, gần sát lề đường. Cậu ta biết mình có tật vừa đạp xe vừa nghĩ ngợi miên man, lại thêm cận thị nặng nên "tránh xe chằng xấu mặt nào".

Đến một quãng đường vắng, Tuấn đạp xe nhanh hơn. Một chiếc xe tải cài số lùi, vừa lùi vừa bóp còi inh ỏi. Tuấn Nguyễn không nghe thấy gì. Có lẽ cậu ta còn mê mải nghĩ đến một ý thơ hoặc một chi tiết tiểu thuyết chợt ập đến trong đầu... Cậu ta cứ mãi miết đạp xe, và đạp thẳng đến đít thùng xe. Cậu ta bỗng thấy trán mình va phải vật gì cứng cứng. Chưa kịp hiểu vật gì thì cậu ta đã ngã lăn ra lề đường, kính trắng văng một nơi, xấp báo văng khỏi giỏ xe.

Người lái xe hốt hải phanh xe lại, bánh xe sau cách Tuấn đâu chỉ hơn một mét.

Người lái xe giúp Tuấn đứng lên, lo lắng hỏi:

- Ông có sao không? Tuấn nói không sao, chỉ thấy đầu văng vất. - Tôi bóp còi liên tục mà sao ông không nghe tiếng? - Xin lỗi anh, tại tôi đang trí... Tất cả là lỗi tại tôi - Tuấn áp ứng. Người lái xe ngơ ngác nhìn nạn nhân của mình.

- Nhà ông ở đâu, để tôi đưa ông về?

Tuấn nói địa chỉ nhà mình, rồi xoa tay:

- Tôi về một mình được, nhà tôi ở gần đây thôi. Anh cứ lái xe đi, chắc anh đang có việc vội.

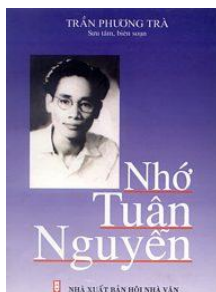
Tuấn đạp xe về nhà, kể cho vợ nghe chuyện vừa xảy ra. Vừa ngồi xuống mâm cơm, cậu ta bỗng thấy buồn nôn. Tuấn bỏ bát đĩa, lên giường nằm, rồi một cơn sốt bắt đầu. Đêm đó Tuấn chìm vào mê sảng. Sáng hôm sau, Phương Thúy đưa Tuấn vào cấp cứu ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Sau khi khám nghiệm, bác sĩ cho biết Tuấn bị xuất huyết não. Suốt một tuần liền, Tuấn Nguyễn lúc mê, lúc tỉnh. Người lái xe tìm đến thăm nạn nhân của mình ở bệnh viện. Nhiều lần anh ta xin với vợ và bạn hữu nạn nhân cho được chịu hết phí tổn, nếu cần phải thực hiện ca mổ. Nhưng bác sĩ lắc đầu: "Muộn mất rồi!".

Chiều ngày 27 tháng 3 âm lịch, Tuấn Nguyễn trút hơi thở cuối cùng trên giường bệnh viện.

Trước khi chết, Tuấn chỉ để lại độc một lời trần trối:

- Đừng bắt tội người lái xe. Cái kết cục buồn thảm này là lỗi tại tôi... Tôi là người có lỗi...

Nghe Phương Thúy và bạn hữu kể lại giây phút cuối cùng của Tuấn, tôi bàng hoàng chợt nhớ lại hôm Tuấn về chơi với tôi ở Nghi Tàm. Hôm đó Tuấn ở lại với tôi suốt ngày.



Tuấn nói:

- Mình định viết một bài thơ dài, nhan đề: *Tôi có lỗi*. Tuấn nói rõ thêm: chữ Tôi ở đây phải viết hoa. Vì Tôi ở đây là nghệ sĩ của đất nước. Tôi có trách nhiệm với tất cả những lỗi lầm, những oan uổng, đờn đau, những xấu xa, hèn mạt, đáng lạng nhục và xúc phạm con người. Trong mọi chuyện, chính Tôi là người có lỗi. Vì Tôi chưa đem hết sức mình thực hiện sứ mệnh cao cả mà Thượng đế đã đặc trao cho người nghệ sĩ.

